

CHÚT HƯƠNG NGÀY CŨ

Hội ký Hạnh Đoan

01. Xuống Rừng
02. Chuyện Xưa Viên Chiếu
03. Thường Chiếu Trong Mắt Tôi
04. Ai Đã Từng Buôn?
05. Mưa Đầu Mùa
06. Tình Niệm Du Ký
07. Lời Cùng Tử
08. Con Sáo
09. Quả Đẳng Cuối Cùng
10. Thuở Trăng Chưa Tròn
11. Bây Giờ Mới Viết
12. Chút Hương Ngày Cũ
13. Dục Sư Và Tôi
14. Viên Chiếu Thuở Vị Thành Niên
15. Còn Chút Gì Để Nhớ
16. Thư Giãn

Lời Giới Thiệu

Ba mươi năm không phải là nhiều hay là ít. Khi người ta có nhiều kỷ niệm, sống tràn trề nhiệt tâm thì mỗi ngày là một kỷ niệm. Khi người ta lạnh lùng thờ ơ thì dù trăm năm cũng chẳng có gì để nói.

Tập sách này thay tác giả và những người hân hạnh có mặt trong đó, nói lên một khoảng đời nơi rừng Viên Chiếu, bao nhiêu vui buồn đi qua, cái còn đọng lại là một chút tâm tư. Những điều viết ra trong đây chỉ là khúc nhạc mở đầu, mỗi người khi đọc xong lại thấy có thêm nhiều chuyện để kể, để nói, hay để thanh minh. Tuy nhiên chỉ là vui thôi. Và xin trân trọng giới thiệu với tất cả lòng yêu mến.

Viên Chiêu, đầu năm 2005
Hạnh Đoan

Khi thu nhật các truyện viết rải rác kết tập lại, chắc chắn không tránh được lỗi trùng lặp và sai sót. Chỉ mong “Mai chia xa còn gởi lại nụ cười...”. Chùm truyện này xin dành tặng cho người ở trong lần ngoài khung trời lam và cũng để chúc mừng Viên Chiêu tròn ba mươi tuổi.

Trước tiên, xin đọc giả đại xá cho khi bài viết không nhắc đến danh vị, chức phẩm – bởi chức vị thường trùng hợp và thay đổi, khiến người đọc khó đoán nhân vật được đề cập đến là ai? Nhằm để dễ dàng ghi lại vài nét hồn nhiên xa xưa, xin chư vị rộng lòng khoan thứ nếu bài viết có nhiều sai sót không đủ lẽ – Vì những người được nhắc đến thuở xưa có thể giờ đã thành những bậc trưởng thượng.

XUỐNG RỪNG Hồi ký Hạnh Đoan

Hồi nhỏ, mỗi lần nghe nói đến Long Thành là tôi ghét cay ghét đắng, tôi liền liên tưởng đến một vùng đất đồng khô nắng cháy, hết sức hoang vu. Mỗi lần gặp người quen đi lập nghiệp ở đó về, nghe họ kể chuyện, tôi thầm vái van mình đừng bao giờ phải lê thân đến vùng đất lưu đày nọ.

Từ lên Bát Nhã rồi đến thành lập Viên Chiêu, vâng lời Thầy tôi hạ sơn làm ruộng và buộc phải đóng đô ngay vùng đất “định mệnh” (?) – Đúng là “*Ghét của nào trời trao của ấy*”. Nhưng tôi đã quên bằng ý tị hiềm ngày xưa mà chỉ còn lại là niềm háo hức... Các chị tôi đã xuống trước cả tháng để mở đường. Còn chúng tôi, rạng sáng khởi hành thì ngay trong đêm ai nấy đều thao thức, khác nhau:

– Nghe nói chỗ mình có suối...

– Chà! Tuyệt quá! Nhất định em phải chèo thuyền đi chơi mới được!

- Nhưng mình làm gì có thuyên?
- Em thấy người ta chèo trong... cái thúng!
- Được rồi, mình sẽ chèo trong cái thúng ngắm cảnh trăng lên...
- Còn em, em sẽ mang võng theo mắc giữa rừng, nằm nghe chim hót...
- Mình sẽ trông thật nhiều hoa nữa chứ...?

Một bức tranh cực kỳ nên thơ được chúng tôi hợp nhau phác họa, càng vẽ càng nôn nao.. Mặc dù được tin đất mới có nhiều địa vất, gai góc, sâu bọ và rắn rít.. song sự lạc quan của tuổi trẻ đã đánh bại hết, một vài vị lớn thấy chúng tôi quá hí hửng, không kìm được phải buột miệng bình: – “Đúng là cái thú điếc không sợ súng!”...

Mà có lẽ thật, nhờ “điếc” nên tiếng “đùng, ùng” của chướng ngại không làm chúng tôi nản lòng, còn những người hiểu việc, do “không điếc” nên chẳng có đủ can đảm để sống cùng đất mới, đã vội bỏ đi.

Các chị bảo nhau: “Cứ mặc đồ dày, trùm kín hết là không ngại gai góc, địa vất gì...”

Khi chiếc xe vận tải thả chúng tôi xuống vệ đường thì trời đã đứng bóng. Tất cả, kể gánh người khiêng, cố len lỏi vào con đường gò nổng gập gềnh, lau sậy giăng mít mù và chằng chịt nhánh cây rừng đan cản lối. Thế này thì xe đạp khó mà vào được... (?) vượt hơn hai cây số, lên dốc rồi xuống dốc, ì à ì ạch, lần theo con đường ngoằn ngoèo... băng qua bóng tối âm u của khu rừng, cuối cùng chúng tôi cũng... “đáo bị nạn”.

Quang cảnh đầu tiên đập vào mắt tôi thật ngộ, căn nhà thấp lè tè, mái lợp nửa tôn nửa lá, ngang chằng và lá chĩa tua tủa – giống như lông nhím hay lông chó xù – đây là thành quả của những bàn tay học trò thạo ăn hơn thạo làm – và khả năng kiến trúc kỳ tài của các bậc chưa biết gì nhưng cứ bắt tay vào... sáng tạo.

Tôi ngắm thật lâu... “cái chuồng” rồi ngẩn ngơ hỏi:

– “Nhà” của mình đây sao??

Tiếng một tân binh nào đó (tự dỗ mình):

– Hồng phải đâu! Đây chỉ là nhà... tạm sau này sẽ cất lại đàng hoàng mà...

– Thôi đi mấy cô nương! Vậy là đẹp lắm rồi! Mới xuống mà có được nhà ở là sướng hơn tụi chị nhiều. Mấy hôm đầu tụi chị phải nhét cả chực mạng trong cái chòi rách đặng kia. Cái gì cũng túng thiếu chật chội...

– Sao mình không xén vách cho gọn bót?

– Xén chi? Đó là vách cửa từng gác trên, để vậy cho kín đáo và tiện che kẽ hở bên dưới. Thôi! Vào cất đồ rồi ăn cơm, ở đó mà kiến nghị, thắc với mắc!...

Nghe nói còn tầng trên, chúng tôi đồng reo:

– A! Chùa có gác! Có gác! Sướng quá!...

Hối hả cất hành lý, chúng tôi tranh nhau trèo lên chiếc thang mảnh khảnh ghép bằng cây rừng, nó kêu cọt két và lắc lư theo nhịp bước của chúng tôi. Tôi tranh thủ tận hưởng chút cảm giác nghỉ ngơi. Nằm trên sàn ván thông thưa rinh tôi có thể ngắm rõ mồn một bên dưới. Gian nhà thoạt trông có vẻ quái dị, song tôi lại dành cho nó rất nhiều cảm tình. Nhất là khi chống các cửa lên thì nhà như không còn vách, gió lồng lộng ùa vào làm dịu bớt sức nóng như thiêu từ mái tôn hắt xuống. Tôi chọt nhòm dậy, trườn mình thò đầu ra ngoài tìm kiếm bóng dáng mấy con chim khi nghe tiếng hót líu lo của chúng... bỗng dưng, tôi thấy cái giang sơn mới này thơ mộng biết là ngàn nào!

Chỗ Viên Chiếu hung cứ là vùng đất trũng – gần như là thung lũng – nên khí hậu ẩm thấp và có nước quanh năm. Khu rừng dù đã có tên song vẫn còn nét hoang dại sơ khai. Lần đầu đi thăm suối, tôi đã tắt ngay mộng chèo thuyền ngắm trăng khi nhìn dòng nước đục ngầu bốc mùi xác lá úng

nồng nặc, hai bên bờ thì chom chồm tre gai, đan chằng chịt tràn xuống cả lòng suối – hãy tưởng tượng những múi gai tre nhìn giống hệt răng nanh của chằn tinh – hầu như lòng suối chẳng có lấy một chỗ trống để đặt chân vào, nói gì đến hạ thuyền? Nước thì chảy xiết đến độ sánh bơi như tôi cũng đâm ra chóng mặt vì sợ. Nhánh tre, lá tre đan dày đến nỗi nắng không soi thấu đến mặt nước khiến quanh cảnh dòng suối tối mờ mờ như chiều hoàng hôn. Đây quả là chỗ lý tưởng cho đám muỗi đùn sóc trú ẩn. Có vẻ như lâu rồi chúng không gặp được môi, nên rất hung hăng tấn công bọn tôi. Mỗi khi đi ruộng về, tôi cố len vào các chỗ trống ven bờ suối để gột rửa bùn bám toàn thân, tranh thủ giặt vớ lẫn các y phục bết bùn, nhưng nếu không khéo giữ, chỉ cần lỏng tay một chút... thì nước sẽ cuốn trôi tuốt luốt hết. (Từ sau khi chương trình thủy lợi hoàn thành, nước dâng cao, không còn chảy xiết. Vùng bên phía chúng tôi trũng nên đồng ruộng bị ngập và không sử dụng được khá nhiều). Giờ thì khoảng không gian trên và trong lòng suối đều đã được phát quang, thông thoáng; không còn âm u như xưa nữa.

Ngoài con suối lượn quanh cuộc đất, đó đây cây cối um tùm rậm rạp, đầy gai góc... càng làm tăng thêm vẻ đìu hiu cho đất mới. Chị Thủy thường nghịch ngợm ngâm:
Thầy ơi! Đất nước lạ lòng!

Chim kêu con cũng sợ, vất... mừng con cũng kinh!”

Miếng ruộng đầu tiên chúng tôi khai phá mới là nãi nùng, gai giăng dày mịt không đáng nói, mà chính là mây. Những cọng dây mây người ta đan ghé trông thơ mộng là vậy, chứ xuất xứ của nó thì thật khủng khiếp: gai tua tua... Nghĩa là cảnh tượng ngán đến nỗi các chị có thuê mướn đám thanh niên vào làm thì họ đều lắc đầu quày quạy, bảo:

– Quý cô mà phá được cuộc đất này thì bọn tôi xin bái phục!

Không thể trông chờ vào ai, chúng tôi đành phải nhờ vào chính đôi tay của mình. Trước tiên, phải đặt lò rèn làm những lưỡi cuốc bằng bự giống hình tam giác đều với cạnh dài khoảng 30 – 35 cm, rồi chia nhau thành từng cặp mà phá mây. Phải đưa cuốc dang thẳng lên trời, lấy hết sức mà

bỏ xuống cuộc mới lút qua rề mây. Làm trông mạnh bạo vậy mà chỉ gặm được từng lát rề, có khi cuộc bị rề mây đội lại buốt cả lòng ngực, tê rần cả cánh tay. Thầy Nhật Quang tình cờ vào thăm, nhìn cảnh chúng tôi “bữa” rề mây, chỉ còn biết ban cho cái nhìn thương cảm. Có lẽ vì vậy mà mỗi khi Thường Chiêu có món gì ngon, Thầy đều không đành lòng hưởng riêng và sốt sắng bắn tiếng mời chúng tôi ra dự. Ban ngày làm mệt là thế, nhưng chỉ cần nghe: “Ra Thường Chiêu ăn bánh...” thì in như chúng tôi hồn vía... “lai tỉnh” và chẳng ai muốn ở nhà! “Ở đâu có ăn thì ta tới...” thì sá gì cái chuyện lộ bộ đường xa? Thời ấy được ăn dù là một mẩu bánh nhỏ cũng là quý lắm (nhờ Thường Chiêu hảo tâm nhìn cho mới được như thế). Thêm nữa, chúng tôi ai cũng đang sức trẻ nên rất siêng đi. Đường lộ bình thường đã vắng người, đêm về càng vắng ngắt. Đất nước mới hòa bình nên chuyện an ninh không có gì đáng lo. Dân nơi đây thừa thớt và đã quá quen với hình ảnh mấy bà vải mặc đồ vá chùm vá đụp đi mòn đường. Chính nét vắng vẻ của cảnh vật đã làm cho chúng tôi cái cảm giác mình là... “bá chủ” trong rừng lẩn ngoài lộ... vì vậy mà màn hòa tấu văn nghệ thường xảy ra, khi đêm càng sâu trăng càng sáng vắng vặc, rải ánh sáng huyền hoặc.. hào phóng soi đường và... “hợp hồn” chúng tôi. Mặc sương phủ lạnh buốt, chúng tôi nắm tay nhau cùng xướng vang các bản hùng ca, âm thanh “tuyệt vời” ấy thường chẳng bị ai phàn nàn. Nhưng có một lần duy nhất, tình cờ ngang qua nhà ai đó, cánh cửa chợt bật mở và lời quở của một bà từ trong “bay” ra:

– Máy có qui cái kia, giờ này còn hát hò, coi chừng “bà: ra bà vắn họng hết cả lũ!...

Tất nhiên, bà không hề biết chúng tôi là ai trong đêm đen chập choạng, cả đám im bật, nhìn nhau cười, mắt lấp lánh sắc trắng...

Đó là ban đêm, còn ban ngày, vẫn có người nhìn lầm. Chị Thủy đi chăn bò, bò đứt dây chạy vào vườn người. Thế là tiếng một ông lão cất lên:

– Cái thằng kia! Chăn có con bò mà cũng không nên thân...

... còn đứng đó cười nữa hả? Tao “quánh” cho một cái là sặc mũi liền bây giờ!...

Mùa mưa đến, chúng tôi nếm đủ dư âm của mái nhà ngang. Mưa tuôn xối xả và nước chảy xuống nền nhà như qua một cái rổ. Chúng tôi thường giăng áo mưa ngủ. Cuộc sống chật vật, cơ cực nhưng đầy tình thân.

Giờ đây, Viên Chiêu đã quanh đặng hơn xưa, lỏi đi xe Honda, xe ba bánh đều vào được. Quanh vùng cũng đã có rải rác nhà dân đến lập nghiệp và danh sách ni chúng cũng tăng dần lên. Tôi đã nhích đến tuổi hai mươi và không thể không ghi lại những diễn tiến ban đầu của Viên Chiêu, gởi chút niềm tri ân vào vùng đất đã cưu mang và nuôi dưỡng mình đến trưởng thành.

-1979-

* * * * *

Ngày mùa Viên Chiêu

Tay cầm mạ non cây khắp ruộng
Cúi đầu dòm thấy trời trong nước
Tâm tư thanh tịnh mới là đạo
Lùi bước hóa ra tiến lên trước

(Hòa Thượng Bồ Đại)

* * * * *

Tả Chân

Trăng hóm hỉnh nằm vắt ngang cành trúc
Dòm thiền sinh ngồi ngủ gục dưới hiên
Thời khắc qua mau dìu dặt hương thiền
Hơi thở nhẹ in chùng như... tiếng ngáy!?
Tà áo đẫm sương khuya buổi sớm
Nhè nhẹ lay theo gió đong đưa
Nụ vô ưa chớm mở phút giao mùa
Trên gương mặt còn mơ màng “nhập định”.

* * * * *

Rừng Cũ

Đã mất hết những tháng ngày xưa cũ
Quên đường về, chim vỗ cánh lang thang
Cây lá khóc giữa rừng xưa, nhánh rũ...
Người ra đi để sương khói bẽ bàng!
Cát bụi nào quyện chân?
Từ khi vào phố thị?
Bước rộn ràng, có thay đôi hôn xưa?
Xin mãi mãi, ngát hương thời nguyên thủy
Một màu trắng
Dù trời lộng bốn mùa!

1979

Chuyện Xưa Viên Chiếu **Hồi ký Hạnh Đoan**

Xin cảm ơn năm Viên Chiếu tròn 20 tuổi để tôi có thể nói đôi điều về những người chị, người bạn mà thời gian đã nhuộm bạc mái tóc, hằn lên trán đầy những vết nhăn và ngày càng đạo mạo trang nghiêm theo sự già nua của năm tháng.

Có ai nghĩ được rằng đã có một thời khu rừng đầy vất vả và tre gai này luôn rộn rã tiếng cười, tiếng hát, tiếng cãi nhau chí chóc và đủ thứ trò nghịch ngợm của mười mấy bộ óc hợp lại? Mảnh đất mà ngày xưa các đảng mày râu đã chấp tay xá dài khi được nhờ cậy vào làm – có phải vì vậy mà nụ cười phải được tận dụng tới đa để xóa bớt sự cơ cực quá đỗi cùng với nỗi thiếu thốn của vùng đất bị bỏ hoang đã lâu, khi chúng tôi bắt đầu tái lập lại, khởi sự khai hoang nó?

Viên Chiếu bao nhiêu năm là tôi bấy nhiêu tuổi. Lúc mới vào đây tôi chỉ độ tuổi tròn trăng mà nay đã quá tuổi... cuối trăng! Thuở sơ nguyên ấy, tôi, Hạnh Khiết, Hạnh Pháp thuộc loại nhỏ nhất Viên Chiếu, người lớn nhất viện chỉ trên ba mươi là cùng.

Những người cũ giờ đã đi tứ tán, đếm lại còn trên đầu ngón tay. Tôi ngắm nhìn những người còn lại để càng thâm nhập lý vô thường của thân xác. Bây giờ dù 20, 30 năm... những người cũ gặp nhau – tôi chắc tia nhìn vẫn rực sáng niềm vui, một cái đập mạnh vào vai hay nụ cười mỉm đầy ý nghĩa và câu chào vẫn là:

– Sao? Khoẻ không? Nhớ hồi đó cực quá hả?... những kỷ niệm cũ sẽ được tuôn ra, những tật tánh nào ngày xưa bạn bè hay càu nhàu nhất nay sẽ được nhắc lại bằng những âm thanh vui nhộn nhất...

Ba mươi bốn người từ Bát Nhã về Viên Chiếu, sự cực nhọc đã thổi bay đi hết phân nửa chỉ còn lại mười bảy người. Mười bảy người “lì lợm” đã vui vẻ hát câu: “Xin chọn nơi này làm quê hương”... Tôi nhớ lúc ấy chị Huệ còn trẻ măng, giọng chị hát thật hay và hùng hồn, tôi thích nhất khi nghe chị cất giọng: “Đất hoang ta phá, đất hoang ta cày; đất ta ta tới đất ta ta ngồi...” Tiếng hát như tiếng kèn thúc quân, khơi dậy trong lòng người sự hăng hái vốn có của tuổi trẻ.

Ngày đầu đọc Thanh Quy, mỗi thiên sinh chỉ được chứa ba bộ đồ, tôi đã phòng xa tới... bốn bộ. Vậy mà xuống đây, trước sự đón chào của rừng, của ruộng phèn lóc nhóc gốc cây hòa lẫn với gai mây chom chөрm cùng gai mắc cỡ... dường như các tộc họ dòng gai đều nhất loạt rủ nhau xuất hiện để âu yếm và săn sóc chúng tôi? Khiến quần áo chúng tôi càng te tua thê thảm.

Những thời tụng kinh, dù cố hết sức, gắng giữ thật nhẹ từng cử động tôi vẫn giật thót tim khi nghe tiếng quần rách kêu “tẹt... tẹt...” nó mục đến độ trượt té cũng rách, lạy... cũng rách!

Thời ấy đúng là “vải châu, gạo quê”, hai thứ thuộc diện quý hiếm. Nhưng đồ rách không thể cứ mãi xé quần vá áo, mục đùm rách thì có thấm vào đâu? Tôi mừng như mở cờ khi thấy áo cô Đức thấp thoáng điểm vài mảnh vải màu, vải bông chấp vá...

Thế là kỷ nguyên “quần áo vá trăm mảnh” mở màn... Nhưng đồ vá thì nặng nề, Phật tử ra thăm biếu cho mớ vải biểu ngữ, vải phúng điếu đám

tang (vải ghi câu liễn, câu hoành gì đó không biết)... Lập tức những bộ rằn ri đầy chữ sơn, chữ ta, chữ tàu... xuất hiện, tuy có hơi quái dị nhưng mặc rất nhẹ nhàng, ít bốc mùi hôi, tôi rất khoái vì giặt mau khô cực kỳ.

Thuở ấy lán giềng là đám khỉ thì sá gì tiếng dị nghị, còn dân thì cũng phải giặt gấu vá vai, đầu tối mặt tắt, hơi sức đâu mà để mắt tới chúng tôi? Tội tôi ở tít phía trong rừng, cũng chẳng có nỗi lo nào cho thân phận con gái là nhà ở phải cửa kín then cài...

Cái nhà tranh lá chĩa tua tủa, trông bù xù như con chó bông ở dơ. Có hai cửa mặt tiền mở ra đóng vào cho có lệ chứ phía sau thì trông hoác. Thế nên nửa khuya nếu ai nổi hứng thao thức chuyện tu hành, trùm tâm y cũ đi lang thang cũng chẳng có gì trở ngại. Chỉ tội cho những người dân hiểm hoi định cư gần đây bắt chợt đi ngoài nhìn thấy, đâm ra phát hoảng... đồn ầm lên là... hay có ma xuất hiện về đêm trong rừng!

Chị Huệ hằng hái luyện thể dục cho chúng tôi bằng mấy đực quyền, cốt giúp thao tác nhanh lẹ và cho cơ thể khoẻ mạnh đỡ trúng gió... thì người ta lại bảo nhau: “Mấy cô có võ”...

Những mảnh ván đơn sơ chỉ đóng được mấy cái giường cá nhân ít ỏi, do vậy số còn lại phải nự trên gác. Hai cái mùng tập thể giăng trên sàn vừa đủ đầu mí nhau, chỗ đâu mà tụng kinh? Tội nghiệp bức hình Tô Đạt Ma treo khiêm tốn nơi vách, cô đơn ngắm mõ chuông bé tí tẹo nằm trên án thờ.

Tiếng kiểng khuya là vở đạn của ai lượm về, âm thanh còn dõ hơn thùng thiếc bể. Giờ ăn không có bàn Quả đường, mọi người tề tựu nơi mấy cái đơn mặc áo vạt khách cũn cõn thực hành nghi thức cúng ngộ.

Tối đến tôi khoan khoái nằm bẻ chân tay lắc cắc trong cái mùng tập thể. Khi tiếng keng “xèng, xèng” vang lên ai nấy đều ngồi bật dậy, mõ chuông đã được ôm vào mùng. Cuộc hành lễ bắt đầu với buổi hòa âm chói tay hay diệu tai gì chẳng biết... nhưng Phật và chúng sanh, tôi chắc đều hoan hỉ. Hoan hỉ tràn trề như niềm phỉ lạc trong lòng tôi – dù thỉnh thoảng chị

Ngọc Hạnh hay Khiết la toáng lên: – “Trời ơi! Con vất, con vất nó bò gần mép tai em...”.

Tôi không đặt chuyện cho sự thiếu thốn lúc ấy, đường vào Viên Chiếu hãy còn khó đi lắm, xe đạp vào còn bất tiện và chúng tôi gồng gánh vận chuyển đồ nhiều hơn. Đời sống tu sĩ lạ lắm và quá mới mẻ. Ở Bát Nhã, chúng tôi có bàn để cúng ngộ, có chánh điện để lễ.. còn ở đây mọi thứ đều không!

Tôi không dám nghĩ là một ngày nào đó mình sẽ có bàn cúng cơm cho trang nghiêm, ngồi ăn trên giường mỗi cũng chán và buồn.

Lần đầu tiên tim tôi nở hoa khi cô Từ Thanh mời người vào đóng bàn Quả đường. Sướng hơn nữa cô Hoa không biết bằng cách nào đã tậu được một chiếc xe ba gác mới toanh. “Phước bất trùng lai” nhưng rõ ràng là may mắn đang tới song đôi, tôi muốn reo lên: “vậy là bớt cực gánh đồ, được ngồi trang nghiêm để cúng cơm rồi!”

Tối tối, tôi vẫn ngắm lên chiếc xe ba gác, cứ sợ mình nằm mơ. Còn cô Hoa chẳng biết có mừng hơn tôi chẳng? Chỉ thấy cô ngủ hai cái chân thò ra khỏi mùng khoèo chặt lấy song sắt xe. Chùa vẫn chưa có cửa, cô đã nghĩ ra cách “chống mất cắp” bằng đôi chân mình. Song giỏi lắm là vài đêm đầu, cô không thể cứ thò chân ra cho muỗi đòn xóc ve vuốt, chưa mất cắp nhưng đã mất máu và sẽ còn mất... sức nữa kia!

Dần dà rồi cũng có chỗ lẽ lạy tươm tất. Thầy thỉnh thoảng vào thăm chỉ chúng tôi cách gặt lúa, phân biệt cỏ để nhỏ, vì chúng tôi cứ nhè lúa mà nhỏ bỏ (do cỏ và lúa quá giống nhau).

Tối đến, kiếng chỉ tịnh vang lên lâu rồi mà chị Nhã vẫn còn say sưa bàn rùm về cách trồng lôm chôm, hoạch định chương trình lập vườn cây ăn trái cho kinh tế mai sau.

Xin nói nhỏ, chị Nhã là một người rất thông minh; điều này thể hiện khi chị gắng sức nạy bật mấy gốc cây trước chùa để thiết lập sân phơi lúa. Đất xới tứ tung, muốn đầm cho dễ lại cũng cực. Mà để gì dụ chúng tôi, những

người đã thắm mệt sau cả ngày phơi mình ngoài ruộng rẫy? Sau giờ thiên mặc chị nắn nì ra đi kinh hành dùm cho cái sân “của chị”, chúng tôi cứ im như thóc, chỉ có vài người hưởng ứng lẻ loi. Cuối cùng chị nghĩ ra điệu kè, mời mọc:

– Nào, mời đại chúng ra đây em bày cho múa “Một mẹ trăm con”!

Tất cả đều ùa ra, với máu sư phạm sẵn có, chị Nhã chỉ đạo rất nhuần nhuyễn điệu nghệ. Chị lên giọng, xuống giọng hát, ra dấu tay lẫn chân – “mẹ” điều hành mười sáu “con” nhảy loi choi loạn xạ. Tất cả cùng nhảy cùng hát, màn biểu diễn kết thúc bằng tiếng hét của cô Đức (lúc đó đang tức vị Trụ trì hay Huynh trưởng):

– Trời đất ơi! Tụi nó nhảy lung tung chị không biết đường nào mà ra...

Tiếng cười nhộn vang lên, người đắc chí nhất vẫn là chị Nhã vì cái sân đã dễ xuống như ý nguyện.

Khách ra thăm mang cho bịch kẹo thơm. Người chia vô ý làm văng xuống sàn giường một viên kẹo. Lập tức trận thư hùng xảy ra. Chị Nhã và chị Huệ đều “xuất chiêu” mong trói tay đối phương để giành quyền sở hữu viên kẹo tự do ấy. Cả hai cùng chui xuống gầm đơn tranh tài, tôi không biết ai thắng, chỉ thấy hai chị từ gầm giường chui ra, mặt dính đầy máng nhện, tiếng cười giòn giã của họ hòa lẫn vào nụ cười mỉm của tôi.

Cận tết, những ngày cuối đông rừng lạnh kinh khủng. Cô “Hạnh mắt kiếng” (có biệt danh đó vì cô cận rất nặng). Cô ngủ nơi chiếc đơn kê sát vách nhà bếp. Đêm đến chỗ cô tôi thui. Tôi đi ra sau bếp rửa chân, khi ngang qua cô, cô gọi lại bảo:

– Đoan nì, chị lượm đôi vớ rớt dưới kẹt giường lên mà sao nó lạ rứa hè?

Cây đèn dầu được thắp lên, cô Hạnh thất kinh khi thấy tay mình đang nắm ngang lưng cón rắn bự, nó nằm thông thọt như bị gập đôi, ôm xẹp đi, bèo nhèo vì đói...

Cô Hạnh buông vôi nói, mắt hãy còn mở to, ngơ ngác. Đại chúng kéo đến xem cười ồ, con rắn bình thân bò ra ngoài như không có chuyện gì đáng động tâm (dường như nó cũng tu... thiền? Hay nó đói quá không còn sức để gây chuyện).

Mỗi tối khi đến tủ thuốc (là cái thùng cây treo sát vách), tôi ngạc nhiên nhìn màu dạ quang sáng rực khoanh tròn trên thùng – một con rắn lục – các chị giải thích: – “Rắn lục độc lắm, cắn chết người, phải cẩn thận”...

Rắn nhan nhản khắp nơi, tại sao con rắn nguy hiểm ấy lại đẹp lạ lùng vậy chứ? Tôi thích cái màu dạ quang tỏa rực trong đêm đen của nó. Nó có vẻ chưa muốn hại ai. Nhắc đến thời lập quốc Viên Chiếu thì không thể quên con rắn lục, vì nó là “trang sức” duy nhất trong chùa. Nó rất khoái nằm trên thùng thuốc. Đêm đêm, tôi thường hay ngắm nó, nó tự đến, tự đi, chẳng “ai” làm phiền “ai”.

Cuộc sống tập thể mới này chúng tôi không thân nhau quá cũng chẳng sợ đến lạt lẽo. Một người đau cả nhóm đều lính quỳnh. Có phải sợ bạn bệnh, thiếu người công tác mình phải làm gấp đôi? – Không! Không phải thế! – những nỗi niềm lo âu cứ chân thành bộc phát. Tôi không hiểu sao trong cơ cực người ta thường đối nhau chí tình? Có lẽ vì sự nhọc nhằn quá lớn nên niềm vui phải tranh thủ kiếm tặng nhau? Bây giờ gặp lại, những người cũ đều ca ngợi tình bằng hữu thắm thiết chia ngọt xẻ bùi thuở ấy nhưng người ta không ai muốn hai điều đi đôi: “cực” và “có tình” mà chỉ muốn “có tình” chứ không “cực”.

Mỗi thời điểm đều có nét hay riêng của nó, nếu giống nhau hết thì giờ này tôi đâu phải viết chuyện này cho bạn đọc?

Mùa xuân đến, Viên Chiếu rộn rã tươi tắn hơn – dù sao cũng có mấy ngày nghỉ ngơi “thiên đường” – còn có bánh ăn nữa chứ? Tôi nhớ mùa Trung thu sư bà Vĩnh Bửu ra thăm, ủy lạo cho mấy cái bánh. Bánh Trung thu nhưn đậu đỏ mà sao ngon lim lim. Chúng tôi đã ăn toàn “cổ” ngọt mấy tháng nay rồi còn gì??

Nghe nói lá mồng gà, bông thọ, lá ớt... đều ăn được tôi rất mừng. Bởi vì tất cả rau trái ở ruộng đều đã được “vặt” sạch để cung cấp cho mấy cái miệng hạm ăn của chúng tôi. Mà muốn đổi khẩu vị thì chỉ điền vào những thứ chưa biết. Lá mồng gà, bông thọ... ăn đáng thí mò! Ăn một lần là ngán ngược. Chỉ có rau mồng toi là được xào, trộn, luộc, chế biến đủ kiểu... Và bây giờ nếu muốn tặng mồng toi, xin bạn hãy tìm đến chị Thủy, chị Trạ, chị Tánh... để biết thế nào là nhãn nhó, không chừng còn bị điếc tai vì nghe càu nhàu. Tôi còn nhớ chị Trạ đã rên rỉ: – Ôi! Trời ơi! “mùng”... nữa hả?? Sao ngày nào cũng là “mùng” hết vậy?? Phần tôi nghe tới mồng toi là muốn phát lãnh, mồng toi bày món mà ăn ngày này qua ngày khác, hỏi ai mà không ớn?

Ta trở lại chuyện mùa xuân. Mồng một tết mọi người được chia nửa đòn bánh. Chúng tôi đang bu quanh cô Đức để chúc tết và tán gẫu thì giật mình vì tiếng la hoảng của chị Huệ. Chị đang nhàn nhã nhâm nhi khẩu phần mình thì bị một kẻ háu ăn nào đó tấn công. Xin mách bạn thủ thuật bảo vệ quyền sở hữu của chị: cứ le lưỡi liếm quanh cái bánh là an toàn. Cái bánh được bảo vệ bằng vòng đai nước miếng vậy mà vẫn chưa đủ sức “đẩy” lui đối phương. Thấy nguy cơ bị cướp giật tới nơi, chị Huệ vừa chạy vừa ngón thật nhanh nửa đòn bánh. Tôi chỉ thấy đôi mắt chị trợn ngược... Ớn Phật! Tôi đã lo hơi xa, vì tới giờ chị vẫn còn... sống, sống thật dai và thật hùng. Biết đâu lại chẳng nhờ hơi hướm tươi trẻ thuở xưa? Ngay chính tôi bởi cứ làm khán giả nên tha hồ cười, để rồi mặt càng thêm mặt!...

Thật là một thiếu sót lớn nếu như tôi không kể về cô Đức (có lẽ phải gọi là cô Trụ trì, song tôi thích nhắc đích danh cô với bất kỳ Trụ trì nào khác). Cô thường ra ruộng làm và kể chuyện đời xưa cho chúng tôi quên cực. Những ngày không ra ruộng, cô ở nhà gắng sức làm bếp đãi chúng tôi. Sự chăm sóc của cô biểu hiện qua các món ăn rất khác người – thiên tài của cô chẳng? – dạo ấy cứ thấy cô lui cui trong bếp là tôi thích mê, vì biết rằng thế nào từ ruộng về cũng sẽ có món gì đó lạ miệng lạ mắt.

Buổi sáng trước khi tôi ra đồng, cô tuyên bố:

– Chị sẽ đãi mấy đứa món rất khoái khẩu...

– Món gì hở cô? – Tôi hí hửng hỏi.

– Bánh bò! Cô vui vẻ đáp.

Tôi cầm cốc ra đi, âm thanh ngọt dịu của cô như đang quyện vào cái bánh bò thật to trong trí tưởng tượng của tôi.

Trưa về, chúng tôi vừa ngồi vào bàn, cô dọn ra một đĩa... xẹp lép, bột nhão nhệt.

– Gì đây cô?

– Bánh lết! “Bò” không được thì lết!

Không ai nhịn được cười. Nhưng có lẽ đó là những cái bánh chúng tôi ăn ngon nhất trong tháng ngày ấy.

Khi cô mừng “thập chu niên” của mình, chị Thủy hỏi:

– Già định đãi món gì đây?

– Chè Trôi nước! – Cô đáp gọn.

Đúng là “trôi bênh bồng” thật! Tôi ngắm tô chè: bột vỡ ra trôi lênh bênh như hình những cụm mây, nước chè vàng đục lợn cợn nhun; rõ ràng là bột đi đường bột nhun đi đường nhun!

Mặt cô xịu đi vì tiếng châm chọc dai dẳng của đại chúng. Với tôi, đó là tô chè dễ thương nhất, khó quên nhất – tô chè nồng ấm tình người.

Tới giờ tôi vẫn mừng rỡ tưởng được dáng cô lui cui trong bếp. Tôi hiểu một điều: cô muốn săn sóc bọn tôi để làm dịu bớt phần nào nỗi cơ cực. Xin trân trọng giới thiệu, cô cũng chính là “thầy” dạy nấu ăn của tôi. Nhờ hồng phúc đời trước, tôi được truyền thừa hết mọi kỹ năng “khéo léo” của cô, và trò... không thua thầy mấy.

Thành tích của cô không chỉ có bấy nhiêu – Hạnh Pháp vốn tính siêng năng, trồng bông thiệt nhiều và khoe rằng bông bán được giá lắm – Thế là cô, chị Thủy, Hạnh Pháp cùng ôm bông trực chỉ tới chợ tìm mỗi tiêu thụ...

Tôi không mục kích chuyện buôn bán của ba người, chỉ nghe chị Thủy về kể:

– Nè, Hạnh Pháp bán đắt nhất, mỗi người chia nhau đi mời khách, tìm mỗi... chị bán được mấy bó, còn già Đức hả? Hi hi!...

– Sao hả chị??

– “Già” đi tới đi lui, ôm bụi bông to chân dầm mời không ai mua mà còn bị bà thu thuế thộp.. áo bắt đóng tiền chỗ nữa chứ!..

Quay sang cô Đức, chị Thủy si và:

– Cái mặt già “dzô dziên” đã bán không được mà còn làm tốn tiền thêm!...

Nhìn cô Đức cười hiền lành, tôi ngắm mấy bó bông mà thấy tội. Xin giải thích: bông đem bán chỉ có Mồng Gà, Vạn Thọ... chứ nào phải những loài hoa hương sắc như bây giờ?

Những khi tôi ho hen cảm cúm, cô đều đến xoa dầu, nhắc mặc thêm áo, đắp chăn... Thỉnh thoảng có ai mời ăn cỗ, cô kéo tôi theo. Nhìn cái mặt ngơ ngáo của tôi cô phì cười dạy luôn cách ẩm thực cho biết “văn minh” với người.

Có hôm lao tác mệt mà chưa tới bữa ăn, tôi lên vào bếp bốc ít cơm nguội ăn cho đỡ đói. Ai ngờ bị cô bắt gặp tại trận mình đang ăn vụng... khi tim tôi mặc tình đập loạn nhịp vì sợ thì cô đã mỉm cười bao dung, đặt thêm vào tay tôi mấy củ sắn... tôi hiểu tại sao mỗi lúc cô đi đâu xa, có người than thở:

– Cô Trụ trì đi, chùa vắng dễ sợ!...

Quả thật vắng một người như vậy cũng đáng buồn lắm chứ!

Mùa đậu chúng tôi tập trung ra làm ở Linh Chiếu 2, tức chỗ Linh Chiếu bây giờ (hồi đó chưa có Linh Chiếu) lúc ấy hãy còn hoang vu lắm, chỉ có nhiều nắng gió và mưa giông.

Gặp buổi nhỏ đậu, đề dụ khi chúng tôi hăng hái làm, chị Thủy đề xướng:

– Bây giờ mình nhỏ đua, ai tới đích trước là thắng!

Giải Thanh vừa nhỏ vừa chạy thật nhanh, người “anh hùng” ấy vừa “đáo bỉ ngạn” đã khóc rống lên:

– Con bò cạp nó chích em!

Con bò cạp nằm lẫn trong lá đậu đã “hại” Giải Thanh, có ai ngờ phút chiến thắng lại đưa Giải Thanh về miền nhức nhối. Nhìn kẻ “có công” nằm rên rỉ, ai nấy đều tức cười và tội nghiệp.

Không phải lúc nào cũng bận rộn. Buổi chiều, sau khi công tác xong, dòm Hạnh Khiết mập mạp tôi ngứa mắt, rủ rê:

– Ê! Lấy xe ba gác đi chơi Khiết!

Hạnh Khiết làm tài xế đèo tôi sau lưng, cô Đức ngồi chễm chệ trong xe.

Tôi sung sướng tận hưởng giây phút thanh thoi được mon man bởi cơn gió chiều mát rượi thì cả ba chúng tôi đồng bắt gặp thầy đang tập xe đạp trò tới (thầy tập chạy xe đạp để tiện việc vào dạy kinh cho chúng tôi). Thấy vẻ hờn hờ của chúng tôi thầy từ tốn hỏi:

– Máy đưa đua xe hôn?

Lập tức chúng tôi hưởng ứng liền. Chiếc xe ba gác công kênh, dù nhỏ Khiết ráng đạp trời chết vẫn cứ tụt lại phía sau (dù chúng tôi đã cố vũ liên hồi), thầy đã bỏ rơi chúng tôi một quãng xa, còn ngoái lại xác nhận:

– Máy đũa thua rồi nghen!

Hạnh Khiết nói nhỏ:

– Hồi nãy ham đua vô tình ép xe thầy vào lề, thấy thầy đảo tay lái em hết hồn không dám đạp nữa...

Thua thắng gì cũng vinh dự, có mấy ai được đua xe với thầy đâu?

Gặp khi đẩy xe đi xay lúa, mùa mưa chân bết bùn, tới thiên thất tôi ngần ngại không dám bước tới chỗ thầy thì thầy đã ngoắc:

– Máy đũa lại đây, thầy cho ổi ăn nè!

Tới giờ thiên vẫn không quên nụ cười hiền hòa cùng cung cách dạy dỗ đặc biệt của thầy, thầy đã nương tay khá nhiều cho bọn nhỏ chúng tôi vào thời “rùng rú” đó. Nét hồn nhiên được nuôi dưỡng cho chúng tôi lớn mạnh để đủ sức vượt qua buổi đầu đầy khó khăn...

Kỷ niệm xưa còn rất nhiều, vì hai mươi năm dòn lại phút giây này thì có biết bao điều để nói?

Bây giờ tôi chỉ là một người đứng bên rào Viên Chiếu. Dù vậy tôi vẫn ăn mừng hai mươi năm của mình. Tôi có vẻ như – muốn bước ra khỏi thầy, khỏi vòng tay của bè bạn – sống như người quên cội nguồn và bạc bẽo nhất trần đời! Nhưng tận đáy lòng vẫn có điều không thể quên – Tôi không bao giờ quên được bè bạn cùng vị thầy khả kính đã dìu dắt mình.

Các kinh điển cũng như bao sách minh triết đã hằng nhắc: Một cái tâm còn phiền não sẽ không giúp ích gì được cho ai. Muốn giúp ai, trước phải tự điều phục tâm mình. Khi tâm tư mình an lạc người chung quanh cũng được hạnh phúc lây... còn bây giờ dù có muốn “hà hơi yêu thương” chẳng nữa... thì độc khí của tham sân si cùng bao nhiêu phiền não chướng sẽ giành nhau mà tuôn ra... mới là rủi ro biết bao nhiêu? Khi không kiểm soát được mình bảo đảm tôi sẽ trút hết “giông gió” từ tận tánh mình cho

người bên cạnh lãnh đủ rồi còn đồ thừa: tại sao họ làm mình giận, tại họ làm mình phiền não nữa kia!?

Tôi nhắc chuyện Viên Chiếu ngày xưa không phải để hoài niệm, tiếc nuối... thời nào tâm vẫn vậy – không thêm bớt điều gì lạ lẫm – có chăng mừng mùa xuân con heo này xin chúc nhau: chúng ta sẽ khéo điều phục được tâm mình, tận hưởng niềm an lạc bất tuyệt của nội tâm, rồi từ đó có thể giúp ích được cho người.

Nếu chưa có tí tẹo giác ngộ nào (giây giác), mà chung quanh bạn vẫn có nhiều người xác nhận: “Văng bạn trời đất trống rỗng!...” thì hãy nên mỉm cười đi vì bạn thực sự sống có ích – hay bắt đầu có ích rồi đấy! – Còn như gặp mình mà người ta nín thở cười gượng, chia tay mình họ thở ra nhẹ nhõm... thì ta nên về “đóng cửa” nhìn lại tâm mình, cố hiểu câu: “Mọi người là phóng ảnh của chính mình” để khỏi trách hờn: “Trần gian này sao ta cô đơn quá, ai cũng “xấu” nên không hiểu được một kẻ “cao thượng” như mình!...

Tìm ra được những khiếm khuyết còn ẩn nấp trong tâm, có nghĩa là ta đã thuộc bài: “Cá nhân cũng là đại thể...” và trong mối tương quan “trùng trùng duyên khởi này”, giúp người chẳng bằng giúp mình! Ta hãy cùng nhau: – bình cái tâm đa sự này trước – rồi mọi việc sẽ ổn, phải vậy chăng??..

11-1-95

* * * * *

Bên Nớ... Bên Này

Người khép cửa giã từ trò chơi giỡn
Đứng bên lề ta len lén ngó qua
Hai mươi năm... tưởng chừng một sát na
Nhìn tóc bạc da nhăn... mà thấy lạ
Đã hết thuở giành ăn la chí choé
Mừng trăng thu cùng bách bộ ngoài đường
Đi bên nhau dần hàng dưới mù sương
Nghe hạnh phúc mênh mang về tỏa khắp

Đã hết thưở quần chằm, áo vá...
Mái nhà tranh tua tủa chẳng then cài
Nét hồn nhiên rừng lá cũng đâm say
Thân thiên quá, dù bốn phương gặp gỡ...
Thương Viên Chiếu cái gì cũng dỡ!
Dở nấu ăn, dở cung cách trang đài!
Giỏi nước lì! Giỏi quậy phá, ba gai!
Ai từng ghé một lần mà không nhớ?
Giòng thời gian chuyển mình bao thay đổi
Người hôm nay lo làm Phật đương lai
Ta bên rào dẹt một chút trần ai
Mừng Viên Chiếu ngày tròn hai mươi tuổi...

* * * * *

Lời Ngu Ngơ

Khi ánh sáng gọi hồn mê mở mắt
Vào chiêm bao bằng tiếng khóc chào đời
Cho áo hạ lay nguyên xưa thức giấc
Thoáng chao hồn qua từng hạt sương rơi
Ta đã diễn trăm nghìn lần khuôn mộng...
Cười ngu ngơ và khóc cuộc vô thường
Nghe chơi vơi vì trần gian ảo bóng
Xác thân hòa trong băng lãng khói sương
Từ lên non... pháp âm ôi trầm lắng
Hồn thiên thai, bóng tiền kiếp hiện về
Gió, biển, núi... trao bình an tĩnh lặng
Giọt lệ nào, thôn thức... rớt trong mơ!

1977

THƯỜNG CHIẾU TRONG MẮT TÔI
Hồi ký Hạnh Đoàn

Chớp mắt chưa qua đời khác, người một phần tư thế kỷ đã trôi qua với biết bao thay đổi. Cõi mộng dù có đủ nước mắt nụ cười vẫn tồn sinh nhiều giấc mơ đẹp. Tôi có thể nói như vậy khi đặt bút viết mừng hai mươi lăm năm thiền viện Huynh Trương: Thường Chiếu.

Tôi vốn không ưa các vị tăng. Có lẽ do thuở bé chứng kiến nhiều điều trái đạo đã in sâu vào tâm trí non nớt; có lẽ vì “tăng” luôn được ưu đãi và có thể vì máu đỏ kị thâm sâu nơi bản chất khiến tôi thành vậy. Nhưng ngày đầu tiên lên Chân Không, tôi đã ngây người đứng ngắm những tà áo vàng của các tăng sĩ nơi đây, màu hoàng y nổi bật giữa núi đồi, cảnh biển xanh trải dài trước mặt và chung quanh núi, đá dựng chập chùng khiến Chân Không có một nét siêu thoát riêng, khó tìm thấy ở nơi phố thị.

Cho đến khi giải phóng, Chân Không tách thành Thường Chiếu, tà áo vàng không đủ “mê hoặc” như ở núi đồi nhưng “Hòn Thường Chiếu” vẫn là “Hòn Chân Không” – có khác chăng là cảnh sống phải lao tác nhiều hơn. Trong cái đầu ngạo mạn của tôi lúc ấy đã biết thế nào là thần phục khi lần đầu tiên đọc Thanh Qui của Thầy: “Tăng sĩ không được hút thuốc uống rượu, kể cả rượu bia và phải chú trọng vào việc chuyên tu...” Nhiều đây đủ để tôi kính lễ trong lòng rồi!

Thường Chiếu sinh sau Chân Không nhưng trách nhiệm và công việc vất vả hơn bội phần, lại còn phải “trông chừng” em, tức Viên Chiếu chúng tôi... Lúc ấy chưa có Huệ Chiếu, Linh Chiếu, Phổ Chiếu... Vậy mà Thường Chiếu cực rất nhiều. Bởi “chăn” một đứa em có lắm chứng tật thì vất vả bằng mấy đứa em ngoan, may là ba thiền viện sau đều hiền, dễ dạy, chứ nếu không Thường Chiếu sẽ nhập “Nát bàn” sớm vì chịu hết thấu!

Ngày đầu tiên giã từ núi, “dân” Chân Không về Thường Chiếu “hùng cứ” ở ngay mặt tiền. Nói vậy chứ trú xứ đó cũng còn khá hoang vu, đường lộ xe chạy hiếm hoi. Còn dân Bát Nhã dời về Viên Chiếu “đóng quân” ở tít trong rừng. Thầy tội nghiệp nên cho Thường Chiếu vào giúp đỡ.

Gặp chúng tôi ngỡ ngác chưa từng quen làm ruộng nên quý thầy phải vào đập lúa dùm. Quý thầy đóng cái bò thật to, hình dáng như đài ra đa trên đỉnh núi Chân Không. Mỗi lần di dời, khiêng bò đi rất nặng, chúng tôi dẫn

mười người chưa chắc đã khiêng nổi – vậy mà quý thầy chỉ có hai người – khiêng bồ mẹt, đập lúa càng mẹt hơn – Vì chúng tôi không rành gặt, cắt lúa chẳng vừa khiến quý thầy khó đập. Gặp hôm lúa dài quá thầy Phước Tịnh tức mình nói lấy:

– Nè, mấy cô cắt ngắn qua, cắt dài thêm nữa đi!

Tưởng bở, chúng tôi xúm nhau cắt dài gần tới gốc. Cọng lúa dài ngoằn nằm giữa ruộng ướt sũng nước. Khi bó lúa được vác tới, thầy Phước Tịnh ngao ngán than:

– Hết biết mấy bả! Đập như vậy chắc có nước chết!

Chúng tôi hiểu ra vội cắt ngắn, ngắn quá quý thầy đập cũng khó khăn.

Hơn nửa tháng trời có quý thầy giúp đỡ mới xong vụ mùa. Mùa lúa bội thu được hai trăm gia (Ày, chẳng phải Viên Chiếu hay đâu, vì trước lúc chúng tôi “hạ sơn” thầy đã lo xa chuẩn bị sẵn, nhờ người gieo trồng trước, khi chúng tôi đến Viên Chiếu thì chỉ phải nhổ cỏ, chăm sóc chờ gặt lúa thôi. Do đất bỏ hoang lâu, mới trồng lần đầu nên trúng mùa dữ vậy!) Năm sau đích thân chúng tôi gieo trồng, chỉ thu được... ba mươi lăm gia! Nhưng chuyện tệ hại ấy kể ra làm gì kia chứ? Tôi chỉ muốn nhắc cảnh bội thu thôi. Nghĩa là Viên Chiếu đã nấu một nồi chè xôi nước thiệt bự để ăn mừng và sau đó cười lớn lén chở lúa đến kho Thường Chiếu gởi cất dùm. Chỗ chúng tôi cửa nẻo trống hoác, ở còn chưa đủ lấy chỗ đâu cất lúa? Gởi Thường Chiếu là chắc ăn nhất!

Thấy tôi và Hạnh Khiết còn nhỏ, thầy Nhật Quang và thầy Giác Thanh liền hăm he:

– Nè, lúa mấy cô đem gởi tụi tôi hết rồi, không giấy tờ có gì mấy cô đòi!

Hạnh Khiết ngẩn mặt, ngơ ngác hỏi:

– Tụi con gởi quý thầy đàng hoàng mà?

– Không biết! Không có gì làm chứng hết!

Tôi cười đáp:

– Tụi con sẵn sàng chịu chết!

Quý thầy bật cười – nụ cười vui vẻ đó khiến tôi hiểu xác định của mình là đúng. Quý thầy hy sinh lo cho em út không hết có đâu lại...? “Ngu” lắm mới tin lời dọa của quý thầy là thiệt. Phải vậy không?

Lúc thầy Phước Tịnh và thầy Phước Hiện vào đập lúa dùm, Viên Chiêu thuở ấy bấp núp cái gì cũng dờ. Có cô Hải Liên nấu đỡ hơn nên cô giữ việc chăm sóc các “cứu tinh đập lúa” – Cô lo chu đáo, để dành toàn đồ ngon (ngon với chúng tôi lúc ấy). Mà nói phải tội, hình như chúng tôi (đa số?) đều ngầm ước quý thầy ăn không được để chúng tôi hưởng ké. Vào lúc quý thầy thọ thực cô Giải Thiện cứ tụng mãi câu: “Lục hòa thì phải phân chia cho đồng!...”

Mà có lẽ quý thầy nuốt không trôi thật, ăn trước bao nhiêu cặp mắt “đợi chờ” của chúng tôi thì thà... nhin đói sướng hơn!

Mùa đậu, chúng tôi phải ra làm tận Viên Chiêu 2, (chỗ Linh Chiêu bây giờ). Thêm một cái nhà nhỏ dựng lên để chúng tôi ở tạm làm suốt mùa đậu. Khi nào “rút quân” thì chừa lại một người coi rẫy.

Thầy Minh Dũng có lần qua thấy cảnh chúng tôi sống liền bình phẩm:

– Máy cô giống máy con cá mồi sắp lộp trong hộp quá!

Tiểu Thu lúc ấy bé nhất nên được tự do ra vào vương quốc... nhà bếp Thường Chiêu! Con nhỏ giống như gián điệp! Thường Chiêu ăn gì cũng mách chúng tôi nghe, quý cô thường xúi Tiểu Thu qua xin dĩa về nấu canh bí rợ hầm. Thầy Nhật Quang lúc ấy là Huynh trưởng Thường Chiêu, rất giàu lòng bi mẫn, thường rỉ rả cho đồ... “cứu đói”.

Chúng tôi được thể, cuộc sút, phảng hư, rựa gãy... nhát nhát đều nhờ quý thầy tra hộ. Vật gì không có thì mượn tới tập đến đôi thầy Minh Dũng phải rên:

– Máy cô là con gái, tay yếu chân mềm... mà sao xài đầu gãy đó vậy?

Chúng tôi cũng chẳng hiểu tại sao? Thường Chiêu phải vào rừng đốn củi, công việc rất nặng nhọc và vất vả. Chúng tôi lại ngóng ké... mấy củi chà. Nhờ hoài xin mãi, thầy Minh Dũng phải la lên:

– Bộ mấy cô... cùi sao mà cái gì cũng xin hết vậy?

Thầy nói thật đúng. Vậy mà chúng tôi giận (bị chê dù đúng cũng dễ nổi giận lắm!). Tự ái, không ai dám qua xin gì. Thường Chiêu tội nghiệp đẩy qua cho mấy xe chà (nói chà cho đỡ mắc cỡ chứ có củi bự nữa!)

Thuở đầu chúng tôi còn lóng ngóng, việc cuốc rẫy, bang đất quý thầy phải tiếp sức. Thầy Minh Dũng được cử qua ủng hộ. Thấy tôi cầm cùi cuốc, thầy nói:

– Cô cuốc gì mà khom như muốn nằm xuống đất? Coi tôi làm nè!

Thầy lấy thế, đứng thẳng người hát mạnh lưỡi cuốc chạy nghiêng về phía hông – Đất vỡ bung xa và vạt áo hò của thầy không chịu nổi “thần lực” quá mạnh cũng vượt hết nút bay dạt theo hướng cuốc. Chúng tôi che miệng cố nín cười. Nhưng nói thật tình, nhờ thầy chỉ mà tôi cuốc thuần thục.. Thầy bang đất rất tài, nhanh gấp đôi, gấp ba tôi, thầy thuyết giáo huyền thuyên:

– Máy cô biết không? Người ta mà không cho tu hủ, tôi móc “guột” tôi để trên bàn thạch.

Lần nào qua giúp thầy cũng thường hay đòi móc “guột”, tôi nghe riết đâm quen. Từ lúc chị Thủy nhận xét: “Dám sống hay hơn dám chết!” thầy mới hết đòi “phơi” ruột.

Có lần thầy hí hửng mang tấm hình mình chụp chung với người em trai qua khoe, chị Thủy hóm hỉnh bình:

– “Đầu lòng hai ả tố nga...!”

Thầy cụt hứng đem hình về.

Sau này lúc tôi về thành phố đổi cho chị Phượng ta “học tập” Viên Chiếu. Một thời gian sau chị hỏi tôi:

– Em có nhớ ông Minh Dũng không?

– Nhớ! Sao hỏi chị?

– Ông đẩy xe ba gác với tụi chị bị đạn lạc vô ruột, ông ôm bụng kêu rên ai cũng tưởng ông giỡn. Tới hồi nhìn thấy máu đầm đìa ai nấy mới hoảng hồn vội gọi xe chở đi cấp cứu...

– Tội thầy quá hả! – Tôi chợt nhớ đến câu hăm he móc “guột” của thầy. Có lẽ hăm hoại ruột cũng bị tai ương chẳng? Sau này thầy đi nghĩa vụ rồi tử nạn ở chiến trường, cũng bị đạn đâm vào ruột – Tổ quốc ghi công và tuyên dương thầy.

Thầy Minh Dũng tính chất phác, thật thà. Hay nói hay cần nhắc, nhưng tôi biết thầy chỉ cần nhắc cho có, chứ rất tốt bụng và nhiệt tình giúp chúng tôi.

Vô thường là vậy, người còn kẻ mất đến bụi ngùi.

Mỗi tháng chúng tôi về Chân Không học kinh một tuần. Nhân mùa đậu đã tĩa xong, cô Từ Thanh đề xướng:

– Bữa nay nghỉ công tác, mình làm bánh ăn để ngày mai lên núi học cho thư thái!

Thế là chị em xúm nhau làm bánh quai vạt. Chị Ngọc giữ việc luộc bánh. Nhà lụp xụp, bếp và chỗ ở cách nhau một vách tranh, ở trên không thấy được dưới bếp làm gì.

Luộc bánh xong chị Ngọc lên nhà trên tán gẫu với vài cô bạn. Đa số chúng tôi đều tản mác đi chơi hoặc qua Thường Chiếu ngắm cảnh, coi làm bánh xèo. Hôm nay Thường Chiếu cũng ăn bánh xèo, do nhóm quý cô “Bảy Huệ” phụ bếp.

Chị Ngọc đang ngồi trong nhà, chợt quý thầy ào vô chụp đồ vụn ra ngoài sân, chị ngơ ngác hỏi:

– Sao quý thầy lại quăng đồ tui con?

– Trời đất! Nhà cháy mà không hay, còn hỏi!

Vâng! Đúng là Viên Chiếu 2 bị cháy đến buồn cười. Người trong nhà chưa phát hiện kịp vì lửa chưa bén tới nhà trên mà còn đi đường vòng quanh bếp. Nhưng từ bên Thường Chiếu thì đã có thể thấy lửa bốc trên mái lá tỏa khói mù mịt. May mà quý thầy nhanh chân chạy qua cứu kịp. Đồ đạc chúng tôi được quăng ra ngoài hết nên an toàn, chỉ có căn nhà cháy rụi, rở bảnh nằm bẹp dí trong tro than.

Thường Chiếu tội nghiệp, mời chúng tôi qua ăn bánh xèo. Lúc nào cũng vậy, hoạn nạn hay cơ cực đều có bàn tay Thường Chiếu nâng đỡ trợ giúp.

Thầy Nhật Quang những khi thấy tôi ốm bệnh liền nói lên kinh nghiệm của người đi trước:

– Mỗi lần khắc phục, vượt qua một phiền não là phải bệnh...

Lời thầy dạy tuyệt hay, tràn đầy thông cảm. Nhưng tôi thường hay lãng đi. Tôi sợ thầy mỗ xẻ phiền não, kiệt sử của mình. Thật xấu hổ khi không trình được Phật tâm mà bị người phân tích tâm chúng sanh.

Bây giờ nhìn thầy mập mạp, tôi đoán thầy đã triệt tiêu hết phiền não. (Nếu thầy muốn ốm chắc phải lưu chút trần sa hoặc?...)

Ngày tháng trôi qua, lâu lắm rồi tôi không ra Thường Chiếu. Nghe tả cảnh Thường Chiếu khang trang, tôn nghiêm và đẹp như thiên đường!

Để có được ngày hôm nay, bao mồ hôi công sức đã đổ ra cho ngày đầu tiên. Bao người đã đến và đi nơi Thường Chiếu. Nhưng Thường Chiếu trong tâm trí tôi vẫn còn phảng phất nét xa xưa: luôn mộc mạc, giàu lòng hi sinh và bi mẫn. Nếu ngày nay Viên Chiếu đứng vững vàng cũng là nhờ những bước chập chững đầu tiên có thầy và Thường Chiếu trợ giúp.

Trong trang giấy giới hạn, tôi chỉ có thể nhắc lại đôi điều. Bước chân của những người thuở xưa nay đã trưởng thành, nhưng nét son Thường Chiếu để lại trong lòng chúng tôi thật khó phai nhạt. Chuyện nghĩa ân nói đến bao giờ cho đủ? – Thôi thì câu chuyện này xin được viết thay lời chúc mừng Thường Chiếu tròn tuổi hai mươi lăm vậy!

* * * * *

Thương

Thương sư tính nét hiền hòa
Lòng băng tuyết tựa Phật Đà trên cao
Thiền đường trống lóc trước sau
Gió thắm ngưỡng mộ thả vào hương hoa
Thương sư từ ái vị tha.
Tâm vắng vặc sáng hơn là trăng sao
Bụi hồng trần thế lao xao
Có vào cũng phải... bay mau ra ngoài
Thương sư bận rộn tối ngày
Những mong độ khắp muôn loài chúng sinh
Đưa người vào cõi tâm linh
Hưởng vui pháp lạc an bình thiên thu
Đạo, đời có khác gì đâu?
Cũng cùng nguồn cội, tâm mẫu như nhau
Mê lầm dứt, hết lao đao
Ngồi yên ngắm gió ào ào thổi qua

2004

AI ĐÃ TỪNG BUÔN? **Hồi ký Hạnh Đoan**

Không hiểu sao tối nay tôi không ngủ được. Hình bóng cô già nua chậm chậm đi trên lối mòn Viên Chiếu khiến tôi nao lòng. Đã bao lần tôi định viết về cô nhưng cứ lần lựa mãi. Tôi tự nhủ: “Nhất định sáng mai sẽ sang thăm cô, vôi cô kể chuyện”.

Sáng sớm tôi giật mình khi thấy bóng dáng gầy guộc của cô hiện trước công (vọng tưởng mình linh thiêng!). Đợi cô ngư yên ổn trên chiếc võng trước hiên, tôi vào đề liền:

– Cô ơi! Kể chuyện cô cho con nghe đi! Chuyện đi buôn của cô đó!

Cô cười hiền lành hỏi:

– Buôn gì?

Xin mở ngoặc về chuyện buôn bán của người tu. Có lẽ vì người xưa đã “thông tay vào chợ” nên kẻ hậu sinh bây giờ phải “tay ôm... vào chợ”.

Tôi cũng từng đi “buôn” nên rất cảm cảnh với cô. Chẳng là lúc trước khi làm rẫy trồng được bạc hà béo tốt, chị Thủy nhìn tôi đi tới đi lui chường mắt bèn phán một câu xanh dờn:

– Mai em mang rau ra chợ bán, tập công pha đựng cảnh cho quen, đổi phiên thay Hạnh Pháp thử coi!

Mặc dù Hạnh Pháp đã nhanh nhẹn bó bạc hà thành những bó nhỏ xinh xắn và chỉ cách bán bung giúp tôi, song tôi vẫn đau khổ ngẫm với nghề buôn bất đắc dĩ.

Mới bốn giờ ba mươi sáng, trời tháng mười đêm dài nên hãy còn tối thui. Tôi đội thúng rau trên đầu, một mình lủi thủi ra khỏi chùa. Đường đi thấy lờ mờ, đoạn đường từ nhà ra tới chợ ngót hơn hai cây mà sao dài dằng dẳng (lúc ấy chợ còn mang tên Thái Thiện, chưa dời; chỉ qua cái cầu là tới. Trái tim tôi cứ đội lên đội xuống thỉnh thoảng nghe lòng bùng cả lỗ tai. Phần lũ chó hễ thấy bóng người là sủa nhặng cả lên. Cái tuổi mười lăm mười sáu thuở ấy không giúp tôi giữ vỏ hết cơn sợ. Tôi sợ ma, sợ chó, sợ người, sợ... lung tung nên càng thấy lạnh lẽo thêm khi sương khuya cứ vô tình rơi xuống ướt đầm.

Rồi tôi cũng ra tới chợ. Bà bán đậu hũ hiền lành nhường tôi một chỗ ngồi. Trời vừa sáng đủ thấy mờ mờ mặt người. Tôi ngồi chồm hổm cạnh thúng rau. Trí óc lo ôn lại lời dặn của Hạnh Pháp:

– Nhớ nói hai đồng một bó nghe, mà người ta mua năm đồng thì bán cho họ ba bó!

Và tôi chuẩn bị mời chào.

Vừa định mở miệng thì tự dưng quai hàm tôi cứng ngắt. Chỉ khi khách đi qua rồi tôi mới bật ra được thành lời, nhưng âm thanh lớn chỉ đủ cho lỗ tai tôi nghe. Buổi chợ mai quá sớm cộng với cái chỗ ngồi khuất khiến khách và tôi không kịp thấy nhau. Thêm cái nón trên đầu che lụp xụp cốt để giấu nỗi xấu hổ cho tôi và nó cũng giấu luôn dùm cái mặt tôi nên người mua nếu không để ý là chẳng thấy tôi ngồi với thúng bạc hà. Cuối cùng thì tôi cũng bán được nửa thúng (gặp tay Hạnh Pháp thì giờ này đã hết sạch). Tôi về tới chùa thì trời đã gần trưa. Chị Thủy đón tôi với câu chào:

– Ê! Ê! Cái mặt bán é! Dở ơi là dở!

Đó là chuyện một lần đi buôn của tôi. Còn cô dĩ nhiên là nhiều lần và chuyện của cô tôi chỉ biết đôi chút.

Hồi ấy, nghĩa là cách đây hai mươi mấy năm, cô thường trụ ở cái cốc trên núi nhưng thỉnh thoảng cũng xuống Viên Chiếu ngụ với chúng tôi cho vui. Thời ăn độn khó khăn ai cũng vất vả. Tuổi cô trên sáu mươi nhưng cô vẫn quyết định chia xẻ gian khổ với chúng tôi bằng cách đi bán cơm rượu.

Những buổi trưa công tác xong chúng tôi thường xúm xít phụ cô vò viên cơm rượu và đôi lúc cũng ăn ké luôn những chén cơm rượu thơm nồng, ngọt lịm.

Sáng sớm, cô ôm bầu cơm rượu rời chùa đi mời từng nhà, ai gọi vào thì cô bán. Sự chịu khó của cô làm tôi se lòng và tới giờ tôi vẫn còn thắc mắc, không hiểu sao lúc ấy bọn tôi không ai cản ngăn để cô bớt nhọc nhằn? Cô

là thân mẫu cô Đức, cô Đức lúc ấy đang làm huynh trưởng (tức chị đầu đàn). Chị đầu đàn ngày ngày còn phải vác cuốc ra ruộng tằm mình với bùn sinh... và có lẽ do chúng tôi còn ăn rau rừng nên cô còn phải một mình lang thang với thau cơm rượu.

Nghe kể cô đi tu từ lúc cô Đức còn bé tí. Vậy mà tới giờ tất cả chúng tôi vẫn gọi cô bằng tiếng “cô” ngọt ngào. Dường như trong tiếng gọi đó, tôi cảm thấy ấm áp, chan chứa tình thân và có cảm giác mình được kè luôn “cô” của huynh trưởng.

Khi cô ra bán ngoài chợ, mấy bà hàng rau vốn hảo món cơm rượu cô làm nên kháo nhau mua ăn rất đông. Nhờ vậy cô thường được về sớm.

Một bữa, cô bày hàng cạnh con nhỏ bán bánh bò. Đang bán rất đắt khách thì có một bà già tới kêu:

– Bán cho tôi năm xu coi!

Ăn xong bà đòi múc thêm chén nữa rồi chê:

– Hồi nãy thì ăn thấy được! Giờ sao đắng nghét, có đồ cho chó nó cũng không thèm ăn!

Rồi bà dẫn mạnh chén xuống trông rất dữ.

Cô nói với bà:

– Nếu ăn không được để tôi ăn. Tôi không dám lấy tiền bà đâu. Tôi chỉ lấy tiền chén ăn được thôi!

Tôi thắc mắc hỏi cô:

– Rồi cô có ăn chén của bà ấy không?

– Đâu có! Cô nói vậy cho êm chuyện, đợi bà ấy đi cô lên đồ bỏ chứ!

Mấy người bán hàng quanh đấy giải thích với cô:

– Cái bà già này tánh ngộ lắm chỉ thích mua chứ không ưa trả tiền! “Bả” là bà nội con nhỏ bán bánh bò. Tại khách ăn cơm rượu nhiều làm hàng bánh bò bị ế nên “bả” ghét, “bả” kiếm chuyện gây vậy đó! Mai cô qua chỗ tui tôi ngồi bán, kéo không lại bị ăn hiếp nữa!

Viết đến đây tôi muốn tặng cô bốn câu thơ cải biên:

Cơm rượu mang ngàn nhà
Thân đi muôn dặm xa
Hé môi mời người thê
Bị chửi, cười... cho qua

Đó là những chuyện tôi biết được về cô. Giờ ngồi cạnh cô tôi tranh thủ tọc mạch thêm:

– Cô kể chuyện đi buôn nào mà con chưa biết đi cô!

Cô cười chiu ý:

Hồi ấy mới giải phóng xong, gặp năm thất mùa đói kém, chạt vật lắm mới có được miếng ăn. Cô già rồi nên không thể lao động nặng được. Đang kiếm cách mưu sinh thì tình cờ gặp mấy người vắn thuốc lá. Cô lân la hỏi thăm, họ liền đề nghị cô bán thử. Nghĩ có việc cũng có tiền nên cô nhận lời.

Cô mang thuốc xuống núi bán, thuốc lúc ấy rẻ lắm; một đồng một gói mà ít người mua. Cô cứ mời khách hút thử, hễ được cô mới tính tiền. Khách thấy tội, vui vẻ mua dùm.

Lần sau cô đến mời mua thì khách ngạc nhiên hỏi:

– Lúc này có người mang thuốc tới bán, nghĩ là của cô nên tôi mua giúp rồi. Thế thuốc ấy có phải của cô không?

Nghĩ ai cũng cần bán thuốc nên cô gật đầu, cảm ơn khách cho qua chuyện. Thật ra mấy người vắn thuốc thấy cô bán được bèn dò la rồi cho người đến bán trước cả.

Vậy là cô đi ra Bến Đình bán, không rành đường nên cô đi lạc tới ngã Năm (cô có một điểm ngộ kỳ lạ là không nhớ đường. Nếu cô muốn về Vũng Tàu, từ Viên Chiếu ra đón xe nếu chúng tôi không theo canh chừng thì cô có thể ngồi lộn trên tuyến về Sài Gòn). Cô cứ lựa tiệm chạp phô mà vô mời. Gặp một bà già trong tiệm nọ vừa xem thuốc đã lắc đầu nói:

– Thuốc này ở đây không ai hút đâu, bán không được!

Cô kiêu bà rồi đi ra. Đi tới đi lui một hồi lại thấy có tiệm chạp phô nữa cô mừng quá bước vô, bà hàng trừng mắt nhìn cô gắt:

– Hồi nãy bà mời rồi, tôi nói không mua được, vậy mà bà vẫn vô nữa là sao??

Hoảng hồn, cô chào bà rồi vội vã rời tiệm. Lòng tự trách không phân biệt kỹ để xảy ra lầm lộn. Ngặt nỗi đường đi ngõ quẹo lung tung khiến cô càng khó nhớ. Lần này gặp tiệm chạp phô nữa, cô e dè ngấm thật kỹ. Thấy tiệm này chỉ có một bé gái trông coi. Yên tâm là tiệm lạ nên cô mạnh dạn bước vô mời. Chợt nghe con bé gọi: “Má ơi”!... tim cô tự nhiên đập thui thui. Mà đúng thiệt!... không xong rồi! Bà già khi nãy đã bước ra, trên tay còn cầm đôi đũa... nhác thấy cô, bà nộ khí xung thiên, hét:

– A! Cái bà này! Tui nói bán không được mà cứ nhào vô hoài!??

– Dà! Dà! Xin lỗi bà! Tôi đi ra liền đây!

– Chứ không đi ra thì ở đây giỡn với tôi chắc? Ra vô đâu phải ít! Ba lần rồi! Người gì kỳ ôn!

Bà hàng xóm thấy âm ỉ, chạy qua hỏi thăm; biết cô không rành đường nên khuyên can:

La gì dữ vậy? Người ta tu trên núi xuống bán, đâu có rành đường?

– Bán buôn gì kỳ cục! – Bà chủ tiệm hét to – “Bả” cứ dẫn xác vô đây hoài! Sáng sớm mới mở cửa hàng đã thấy “bả”, giờ trưa cũng gặp “bả”. Tôi mắc nấu cơm, ai ở không mà giỡn cù cưa cù nhầy!??

Thấy cô quỳnh quáng kiếu từ, bà lảng giềng tội nghiệp mua dùm ít thuốc.

Cô về tới chùa thì trời đã trưa lắm. Nghĩ bán thuốc không ổn, cô xoay qua bán chả.

Cô đem mấy đòn chả xuống chợ bán. Mấy bà hàng ở đó thích lắm, xúm nhau đặt và dặn cô đem tới nhiều cho họ.

Hôm sau, sáng sớm cô mang tới đủ y như họ dặn nhưng không ai mua. Chẳng phải họ làm ngơ, mà tại cô tới trật chỗ. Cô quên hẳn chỗ của những người đã đặt hàng và không tài nào kiếm ra. Vậy đó, hàng lớp bán, lớp ế; tất cả đều tại cái tật không nhớ đường của cô. Mà ngộ, kinh sách cô nhớ hết, chỉ có đường xá là không sao nhớ nổi.

Đẹp nghề bán chả, trong cốc còn nửa lon gạo cô không dám nấu, ăn trái mít ướm người quen cho đã đủ no. Có người mách dưới núi vừa mở lò bánh tiêu giò chéo quẩy và rủ cô đi bán; nghĩ mình đi bán kiếm nửa lon gạo ăn cũng đỡ. Thầy Viện chủ còn phải trông tĩa; cô không trông được, thì thôi đành phải đi bán vậy.

Bánh tiêu lãnh mười hai cái, bán hết thì lời được một cái. Mới đầu cô bán đắt lắm, bán xong là đến đưa tiền cho chủ ngay. Chủ lò thấy cô bán được nhanh liền ngầm cho con theo dõi rồi nhanh chân đem hàng đến bán trước; thế là cô mất mối, bán ế nhẹ. Cô ôm thúng bánh quay về chùa, đang lay hoay chưa biết phải làm sao thì may gặp Diệu Hảo, Hảo liền đi bán dùm cho cô.

Vậy là xong! Nghề nào cũng không bền!

Kể đến đây giọng cô bùi ngùi:

– Nghĩ tội Diệu Hảo, tình nghĩa lắm! Y đi rồi cô vẫn còn nhớ, cô có làm bài thơ tặng y:

Hảo ơi,
Nhớ khi lần bán bánh tiêu

Vì lòng trắc ẩn quanh hiu tuổi già
Cánh hồng bay bổng phương xa
Lão nay tám mốt, biết là gặp chăng?

Tôi hỏi:

– Năm nay cô bao nhiêu rồi hả cô?

– Tám mươi lăm! – Cô đáp gọn.

– Tám mươi lăm! Đoạn thứ ba trong Tứ Đế mà cũng gần đoạn cuối cuộc đời. Cô đã là một bóng cả cây cao trong khu vườn Viên Chiếu. Nói đến bán buôn nào có ai lạ lòng gì? Điều khiến tôi cảm xúc là cách cư xử của cô.

Tôi thường bảo các em mình:

– Có tật thì lo mà sửa khi còn trẻ, thẳng còn ăn; về già giây thần kinh lòn, thẳng không được, tật nhẹ sẽ thành nặng... chừng đó mắc công người ta trách; “già sinh tật”, không những khổ mình mà làm khổ lây cả người xung quanh.

Nhưng... dường như bọn trẻ chúng tôi không phải “tinh hoa” mà là “tật” thường... phát tiết sớm? (vì “hậu sinh khả úy” mà).

Có lần cô bảo tôi:

– Sợ lắm con à! Cô nghĩ mình còn khoẻ mà để mấy em giặt giũ, săn sóc; cô chịu không nổi! Giờ còn khoẻ cô còn tự làm được, bao giờ suy yếu quá rồi hãy tính!

Ôi trời! Nỗi ngại ngùng của bà lão trên tám mươi luôn đặc biệt hơn thế hệ trẻ chúng tôi. Tôi mà được em nào chăm sóc là mũi cứ hình thằm, ngỡ mình phước như Đông hải chứ đâu sợ bị hao mòn phước như tư duy của cô?

Tôi thích nghe giọng nói hiền lành nhẹ nhàng của cô. Âm thanh chất chứa nỗi niềm rất thật. Dù cô già, tôi vẫn thấy bàng bạc nét vô tư của trẻ thơ. Nhiều lúc tôi tự mình: “Giả như tôi gặp chuyện in cô, tôi sẽ xử sự ra sao?” chắc chắn tôi không có được nét khiêm cung đáng quý ấy. Năm năm, mười năm, hai mươi năm; nếu tôi không nhìn lại mình, không cố gắng tu sửa thì tánh tật vẫn còn nguyên như cũ, mỗi ngày chùng chắt nặng thêm hơn.

Tuổi trẻ ngũ quan còn tinh anh, như một chiếc xe mới ráp. Tuổi già giống như xe cũ mòn, bánh yếu; sườn cong. Vậy mà thuở trên lục tuần cô xử sự hãy còn rất tinh anh. Tôi là người thời nay, tôi không hoài cổ đi tìm những gì ngoài tầm mắt. Tôi thích những điều thật, gần gũi, đang xảy ra trong cuộc sống. Và nếu mỗi người vốn là một vị Phật (dù là Phật đương lai) thì tôi không hổ mặt khi nhìn nhận mình ngưỡng mộ cô.

Thuở còn ở Bát Nhã, sau những lúc lao tác mệt mỏi tôi thường thả bước chân mình lang thang đến cốc cô. Thường thì tôi luôn được cô hỏi thăm:

– Con đói không? Cô có bánh cho con đây!

Lúc ấy, cô như là bụt của tôi, bụt của tuổi nhỏ. Và với tôi bụt thì lúc nào cũng có quà bánh. Nên khi nghe cô kể có lúc còn nửa lon gạo không dám nấu... tôi đã giật mình xót xa, lòng lo lắng thẳm; không hiểu trong những lần đến thăm bụt, có khi nào “vô tư hóa vô tình”, tôi đã để bụt đói vì nhịn cho mình không?? Tôi biết không riêng gì tôi, mà gặp bất cứ ai, cô đều tiếp đón bằng cả một tấm lòng.

Bây giờ tôi chỉ cách cô một con đường, một rào chắn; tôi ít thăm viếng cô. Tôi biết tuổi già của cô sẽ rất an ổn bên “Huynh trưởng” cùng đại chúng.

Những gì cô để lại trong tâm tôi thật khó phai, cô đã đi những bước bình dị nhưng thật tuyệt trong cuộc sống.

Sẽ vắng biết bao, buồn biết bao và đáng tiếc lắm nếu như ngày nào đó những bóng cây cao không còn hiện diện để tiếp thêm sự ấm áp cho Viên Chiếu.

Nên, những dòng này tôi xin được dành tặng riêng cho cô.

5.5.97 Â.L

MƯA ĐẦU MÙA

Hồi ký Hạnh Đoan

Mây đen vẫn vũ giăng kín một góc trời. Vài tia chớp lập loè hiện lên từ xa. Nhưng ở đây nắng còn lì lợm trải vàng nửa khoảng sân. Gió thổi mạnh hơn, xua mây tan đều chuẩn bị cho cơn mưa dầm khắp. Mưa rớt nặng hạ, nắng đành chào thua, biến mất. Viên Tánh đang đi thăm dứa, lệ làng chạy vào chỗ tôi trú ẩn.

Cơn mưa đầu mùa đã làm dịu đi bầu không khí oi bức. Cảnh vật có vẻ trầm buồn, hiền hòa hơn. Lặng ngắm màn nước trắng xóa, Viên Tánh bần khoăn hỏi tôi:

– Vọng tưởng sao mà lâu hết quá cô? Không biết ở đâu trong trí mình mà cứ kéo về cả nùi, cả nùi!?

Tôi bật cười. Bởi vì những thao thức của em cũng giống như tôi hồi xưa. Ai mới nhập môn vào đạo thường tức mình vì cái chuyện vọng tưởng không chịu lặng mà cứ lao xao trong tâm trí.

Tôi bảo Viên Tánh:

– Em biết chur Tổ hay quả mình lỗi gì không?

– Lỗi gì hả cô?

– Tham lam! Các ngài nói mình bình thường không chịu tu. Tới lúc bắt đầu tu thì có cái tật nôn nóng muốn mau thấy kết quả liền. Mà kết quả chưa tới thì chán nản rồi... làm biếng trở lại!

Viên Tánh cười:

– Giống như vừa gieo hạt là muốn cây mọc, trở trái liền hả cô?

– Ừa! Chẳng chịu đợi thời gian! Một cây sầu riêng cũng phải mất mấy năm gieo trồng mới trở quả – quả Phậ còn khó hơn! Cứ kiên nhẫn hành trì theo dõi tâm, “không theo vọng” thì lâu ngày chầy tháng kết quả cũng tới khi đúng thời đúng lúc.

– Cô nói hay quá!

– Chư Tổ nói chứ không phải chị nói!

Tánh lại cười. Em phỏng vấn tôi:

– Cô đi tu hồi bao nhiêu tuổi?

– Mười sáu!

– Sướng hen? Hồi đó cô nghĩ sao mà đi tu?

– Hả? – À, nhà nghèo, không đủ tiền mua xà bông. Nghe nói cạo tóc gội đầu ít tốn xà bông lại mát mẻ nên chị mừng quá xin xuống tóc...

Đợi trận cười giòn giã của Tánh chấm dứt, tôi phỏng vấn lại:

– Còn em sao đi tu vậy?

– Em hả, duyên mà cô! Đủ duyên là “nó” khiến mình vô chùa hà!

Và Tánh kể tôi nghe chuyện nhà em:

– Cô biết không, cách đây lâu lắm (chắc cũng bốn mươi năm) ông nội em có lò heo ở Đồng Tháp. Ông thường vô trong kinh rạch tìm mua heo cho được lợi giá, ông không giết heo chỉ mượn thợ làm. Một ngày mổ thịt cả chục con heo!

– Ghê quá! – Tôi chen vào – Bộ không ai khuyên nội em bỏ nghề hả? Tôi dữ lắm đó nghe!

– Dễ gì khuyên được cô ơi! Nghề mổ heo, bán thịt giàu dữ lắm. Công việc đem tới lợi bạc triệu mà kêu “buông!” để được tay trắng thì có mấy ai chịu nghe? Nội em giàu nhất nhì Sa Đéc lận đó. Chẳng ai có thể khuyên ông bỏ nghề! Vậy mà...

– Sao??

– Một sáng nọ ông đang ngủ, thợ chặt đầu heo xong chưa kịp treo lên còn để trên thớt. Ông xuống kiểm tra, dòm không thấy đầu heo mà chỉ thấy toàn là đầu người thân đã quá cố... Nội sợ quá... ngất luôn! Từ đó, ông bỏ hẳn nghề sát sinh, lo tu tâm dưỡng tánh, bố thí làm phước. Tới hồi sinh ra tụi em đòi đi tu, gia đình rất là mừng; vì nội đã hồi tâm hướng thiện. Chỉ còn gia đình ông Hai là cháu họ (kêu nội em bằng bác) vẫn tiếp tục hành nghề giết heo. Cô biết không, tới đời cháu nội ông Hai sinh ra, mặt mày rất giống heo. Có ba đứa cháu, mà hai cháu trai thì khật khùng; đứa cháu gái thì lại rất xấu xí.

Tôi nói:

– Vậy là ông nội Tánh có phước mới được cảnh báo cho tỉnh giấc. Lại được thêm hai đứa cháu đi tu! Chị thấy mấy người giết heo tới hồi chết cũng khổ lắm!

– Cô thấy sao?

– Hồi nhỏ ở xóm chị có ông Ba Bạch làm nghề mổ heo. Tới lúc bệnh ngặt toàn thân chảy nước vàng ruồi dòi rút rĩa rất đau nhức mà không chết được. Cổ họng thì cứ kêu ục ục. Người nhà phải rước thầy tụng kinh, cho để cái dao trên cổ ông và hứng cái chậu dưới đầu thì ông mới chết được.

Tánh đồng tình:

– Dạ có thiệt đó cô! Bởi vậy giờ em sợ chết chóc lắm. Không biết báo ứng đời sau thế nào chứ hiện tại cũng thấy ghê ghê!

Tôi sực nhớ, bảo Viên Tánh:

– Hôm qua chú Phú kể chị nghe bà T. là bà mẹ ở xã mình, cách đây ba tháng bà đi chợ mua thịt ăn, mà hễ cứ nhìn thịt là thấy thành thịt người, bà sợ tới rợn óc phát bệnh luôn.

– Sao kỳ vậy cô?

– Chú Phú nói bà làm nghề đỡ... nhưng do nạo thai nhiều, con nít chết dữ quá nên nó ám. Chú khuyên bà từ nay chỉ giúp người chứ không làm việc tổn hại nữa và chịu khó ăn chay thì may ra... Bà T. sợ quá nghe theo. Ăn chay được ba tháng thì hết thấy kỳ cục nữa.

– Rồi bà có ăn mặn lại không cô?

– Chị không rành, chỉ nghe kể bấy nhiêu thôi!

– Ngẫm nghĩ Phật khuyên mình đừng sát sinh cũng đúng quá cô há?

Dĩ nhiên rồi. Chư Tô nói ăn thịt thực ra là “người ăn người”. Chữ Nhục của Hán tự cũng bao gồm ý ấy, chữ này có hai bộ nhân ở trong cái miệng hở ra, ám chỉ “người nuốt người”.

– Nói vậy chứ không ai tin đâu cô ơi!

– Nhưng chị tin chắc một điều là ăn thịt rất độc! Vì khi bị giết con vật oán hận, lòng căm thù sân giận của nó tiết ra, nên ăn vào là ăn phải thịt độc rồi! Chưa kể chuyện “bò điên” ở Anh, rồi năm ngoái ở chợ Đồn người ta mách chị là heo bị Sida nữa đó!

– Hi hi! Heo mà cũng bị Sida? – mới nghe lần đầu.

– Ồ, lúc đó Phật tử ra chơi họ khoe đang ăn chay, vì heo chân tay bị mủ ai thấy cũng ón nên kiêng cỡ hết!

Rồi tôi trêu Tánh:

– Nè, may mà ông nội bỏ nghề nên Tánh có phước được mặt mũi sáng láng dễ coi. Chứ nếu không...

Tánh cười to:

– Nếu không, lỗ tai em sẽ có vài cọng lông heo và em sẽ xấu đau xấu đón hả cô?

– Ồ! – Tôi không nín cười được – Con mưa đã tạnh, Tánh chào tôi ra về. Đùa với em cho vui, nhưng lòng tôi lại âm thầm xót xa.

Những điều Phật dạy thật giản dị. Vậy mà nói ra thật khó. Khuyên người thực hành càng khó hơn. Bất giác tôi rùng mình lẩm bẫm:

– Cầu cho con đời đời ăn chay, đừng có ngu muội giết bất cứ con gì.

Tháng 4/1999

*Dường như là một cơn mơ
Lên đèn dấm khổ ai ngờ không hoa
Nửa chừng ta lại gặp ta
Vẫy tay rũ sạch trần xa thuở nào.*

TỊNH NIỆM DU KÝ **Hội ký Hạnh Đoàn**

Chị Tịnh Niệm dáng người roi roi, thoạt nhìn cứ tưởng xương nhiều hơn thịt (nhưng chị khoe là chị nặng nửa tạ). Chị có đôi mắt thật sáng nằm núp dưới đôi mày đặc biệt, đôi mày mà bên hướng thiên bên hướng địa, nên nó càng làm tăng vẻ ưa nhìn cho dung nhan chị, nó khiến người đối diện thiện cảm hơn vì nụ cười tươi tắn tỏa hết nét hồn nhiên khi chị chào khách.

Tôi sẽ không viết về chị, nếu như cuối năm 2000 chị không làm chuyến Đông du đặc biệt khiến tôi suýt nữa thì tim lọt ra ngoài – tôi gọi Đông du

vì dường như cốc tôi nằm về hướng Đông của chùa – và chị Niệm trong cơn buồn tôi tả đã trực chỉ sang cốc tôi tị nạn (tị nạn phiền não ấy mà).

Nếu bạn khó tánh, bạn sẽ cau mày thâm trách: “Đi tu mà phiền não cái gì?” – Xin thưa rằng, chỉ có những vị chứng A La Hối mới lậu tận, nghĩa là hết sạch phiền não. Còn phàm nhân thì vẫn bị khổ vì phiền não hành. Khi dòng tư tưởng u mê vừa gọn lăn tăn nơi hồ tâm, nếu không tỉnh để kịp buông thì chẳng mấy chốc nó sẽ thành ba đào cuộn cuộn nhận chìm người chưa chấp nó với sức mê hoặc cực mạnh đến nỗi đương sự sẵn sàng bỏ ngoài tai mọi lời khuyên nhủ đúng chánh pháp để nhắm mắt tuân theo tiếng gọi... của phiền não.

Tâm con người có thể biến thiên khắp cõi. Lúc hiền như thánh, lúc tráo trở gian dối như quỷ thần và lúc đần độn như súc sanh. Có tâm là có Phật – và cũng có ma – nếu bất giác! Nên chuyện phiền não đâu là của riêng ai. Khi chưa lậu tận tham sân si, xin chớ vội phê phán: “Ai sao kỳ vậy, chứ tui không có niệm đó!” – Chư Tổ đã bảo mình giống nhau mũi dọc mày ngang, thì tất nhiên là mình giống luôn... cái tâm đa đoan phiền não. Mời bạn hãy nhìn sức quyến rũ của phiền não cũng như nhận ra sự diễm phúc của thiện hữu tri thức ở cạnh mình. Ngài A-nan từng thưa với Phật: “Có được thiện hữu tri thức là có được nửa cuộc đời thánh thiện...”, nhưng Phật đã chỉnh lại: “Không phải nửa, mà là có cả một cuộc đời thánh thiện”.

Đêm rằm tháng chạp vừa thỉnh nguyện xong thì tờ mờ sáng hôm sau chị Niệm đã mò sang cốc tôi mếu máo yêu cầu tôi cho chị ở nhờ, bằng không chị sẽ đi biệt. Tôi hỏi gì chị cũng không giải thích, chỉ “híc”, “híc” từng cơn – Mặc dù tôi bẽ quan không tiếp ai – chị vẫn xông vào xin gặp mặt, bởi cơn buồn đang thôi thúc. Tôi chẳng bỏ công tìm hiểu làm gì – Khi phiền não khởi thì chẳng cần lý do gì chính đáng lắm đâu – Đang bực bội mà gặp cái đuôi mèo hay cẳng chó đụng vào người là cũng giận được, huống nữa là một khuôn mặt quạu, hay tâm tư nhăn nhó của ai đó bất thần “va” trúng vào mình.

Nhìn gương mặt Niệm ủ rũ, sắc đen thẫm tối sầm làm buồn cả không gian, chắc trong tâm chị sóng gió quây đủ lắm – chị khóc như con nít:

– Híc! Em thấy tu mà không có niềm vui (vui sao được? phiền não đang khởi mà). Tâm em như vậy không xứng đáng ăn cơm tín thí sợ tội. Thà em đi làm thuê, thà em làm cư sĩ, thà em... Biết là khổ nhưng em chấp nhận...

... Giờ đồ em đã cho hết – Híc! – Em không cần gì cả! Em cất cái chòi ở.
– Híc! Đói ăn đói, no ăn no. Híc! Không ăn... chết cũng được, híc! Híc!...

– Thôi chị về chúng đi! Buồn chút rồi sẽ qua mà!

– Híc! Một đi không trở lại, em chào chúng rồi, híc!

– Có ai chứng minh cho chị đâu! Lúc Niệm chào đi chỉ có mấy vị công quả và mấy em nhỏ thôi mà!

– Híc! Em hết duyên ở chúng rồi, híc! Em buồn trong tâm đủ lắm, chị cho em ở nhờ... hu hu... Híc!

– Thôi, chị cứ ở tạm đây rồi tính.

Vậy là Niệm đóng đô ở cốc tôi. Tôi để chị tự do. Chị không còn sức để tụng kinh, tọa thiền vì phiền não vật “nốc ao”. Rồi khi nghe chúng tụng kinh chị sụt sịt:

– Sao mà nghe bên chùa tụng kinh thấy nhớ chúng quá!

Vài ngày sau, chúng vẫn luân phiên qua đỗ Niệm. Thật ra Niệm là mẫu người chất phác, siêng năng. Làm việc rất có tinh thần trách nhiệm, không đờ sai bảo. Tôi thương cái nét thật thà của chị nghĩ gì nói đó, không sợ ai cười, ai chê. Có câu danh ngôn phương Tây: “Muốn xét người nào, hãy nhìn cách họ đối xử với kẻ dưới”. Niệm rất được chúng nhỏ mến thương vì cách cư xử giản dị thân tình, vì chị biết quan tâm lo cho người. Niệm thở than:

– Chắc em hết duyên với chúng rồi, chắc hộ pháp đuổi không cho em ở, tại sao mà ở bên đây thì khuây, mà bước qua cổng chùa lại buồn nẫu ruột? Em đâu ngờ có ngày mình đọa như vậy chứ?

Chúng vẫn qua thăm động viên Niệm về. Chị bảo tôi: – Chắc em phải dọn đi thật xa – thấy chúng tội quá thương quá!

Ở cốc tôi được mấy ngày. Niệm bèn dọn đi xa thật xa (qua... tận cái cốc vắng chủ bên cạnh, cách tôi vài bước chân là tới) đủ để tôi “bắc loa” nhắc Niệm ăn uống vì chị cứ dọn dẹp tìm khuây, không thiết ăn uống.

Rồi lá thư cô Trụ trì bay qua với nội dung:

“Chị đề Tịnh Niệm đi xa hơi ít ngày. Xong rồi nhớ về chúng. Ở trong chúng, nhờ một cọng cỏ, lật một cọng rau vẫn là làm cho chúng, là gieo trồng phước điền, tạo thiện duyên cho mình, ở trong chúng cần có tâm rộng như biển để bao dung mọi tánh tật, cần hỉ xả để giúp nhau tu tiến. Đừng có chạy theo phiền não, rồi là khổ mình”.

Đọc xong lá thư Niệm cảm động đăm chiêu. Mấy ngày nay chị hẳn đã thấy rõ lòng cô Trụ trì, lòng chúng đối với mình như bát nước đầy, lẽ nào lại không cảm thán” Khéo sống thì được người thương, khi bị nạn tai, phiền não... không ai bỏ mình.

Tôi thúc: – Niệm về đi Niệm! Mẫu người chị ở trong chúng rất có ích.

Niệm im lặng chưa trả lời, tôi bồi thêm:

– Chị nhìn lại mình đi! Hồi ở chúng chị không màng tới tiền. Ai cúng gì riêng cũng nhập chúng, cúng chúng còn lo được tượng đài Quan Âm cho dân ở làng chị thờ... Phàm hạnh chị lúc đó thật đáng ca ngợi. Giờ vừa mới chuẩn bị ra riêng, đầu óc lúc nào cũng ong ong lo nghĩ tới tiền, thậm chí có phải hạ mình xin ai thì cũng là tự làm tuột dốc phàm hạnh tốt xưa kia của chị. Xét tính cách chị, nếu ở trong chúng sẽ được mài dũa thánh ngọc quý – Những ai ở chúng đều sẽ thành ngọc quý cả. Em lỡ ở ngoài chúng rồi, Niệm đừng giống như em. Về đi Niệm!

Chị Niệm cười bảo tôi:

– Thật ra em nhớ chúng lắm, nhớ chùa lắm. Đi có mấy bữa mà thương chúng quá chừng!

Thế là “châu về Hợp Phố”, Viên Chiếu lại dang tay đón cô em vừa chiến thắng phiên nào ma trở về.

Ngày hôm sau, Niệm mang cho tôi tô thức ăn, thủ thi:

– Sao về bên nó lại thấy nhớ bên này!

Tôi thót tim trở lại: – Khi nào thích Niệm qua chơi với Hương. Thèm gì nói nó mua cho, chớ đừng đòi qua ở nhen?

– Ủ! Hi hi!

28 tháng chạp 2000

LỜI CÙNG TỬ Hồi ký Hạnh Đoan

Hồi ấy cô Đức tuổi chỉ mới hăm bảy, hăm tám được Thầy chỉ định làm huynh trưởng Viên Chiếu. Cầm đầu đám lục lăng như chúng tôi ở độ tuổi ấy, đủ để lâu lâu cô rớt giọt ngắn giọt dài, đắp y sụt sịt xin... từ chức với Thầy.

Mỗi lần như vậy chúng tôi thường núp vào chỗ khuất, cười hi hí với nhau, chỉ trỏ về phía cô, biết chắc là Thầy dỡ một hồi thế nào mọi việc đâu lại vào đấy, vì cô vốn hiếu đễ, đâu dám kháng lại “chiếu chỉ” của Thầy.

Chị Thủy có lần buồn chi đó cũng tìm lên núi rên rỉ với Thầy:

– Tụi con giống anh em tí hon bị Thầy bỏ trong rừng cho bà chằn ăn thịt quá!

Rồi chị về kể lại tôi nghe:

– Thầy nói với chị, sắp mấy đứa ở trong rừng Thầy cũng rất lo, có đêm không ngủ được. Nhưng trong buổi giao thời các tăng sĩ đang tuổi thanh niên trai tráng, nếu Thầy sắp ở trong rừng thì sợ người ta không tin quý thầy tập tu, mà tưởng là trốn vào đó để... tập trận! Thầy sắp các con vào rừng thì đỡ bị hiểu lầm hơn, nhưng Thầy vẫn không an lòng!

Chúng tôi còn nhỏ vô tư, nào hiểu nỗi băn khoăn của Thầy. Về sau này, Thầy cười vui vẻ bảo chúng tôi:

– Thầy sắp vậy mà giờ xem ra Thường Chiếu, Viên Chiếu đều ở đúng chỗ đúng nơi.

Mỗi lần Thầy vào thăm, chúng tôi trình báo chuyện tu học, có khi méc ai đó phê bình đường lối tự viện, Thầy cười nhẹ nhàng bảo:

– Tụi con sống như vậy mà không cãi lẫn nhau là hay rồi.

Câu Thầy nói bình dị đơn giản mà sao cứ làm tôi nao lòng.

Cãi nhau ư? Chí choé sơ sơ thì cũng có, nhưng quả tình dưới sự chần dốt của Thầy chẳng có điều gì để tôi phàn nàn về các chị mình. Cô Hoa hay hù dọa vậy chứ làm việc rất hy sinh. Chị Huệ thì hiếm khi kiếm chuyện đi đâu, mặc ai mệt hay ngán việc viện đủ có để đi vắng, thì chị quanh năm suốt tháng cứ trụ một chỗ, làm chu toàn mọi việc: cạo gió, nấu ăn, cuốc đất, phăng cỏ... Tôi thường nói với chị Phụng: “Chị Huệ là cây cột cái ở chùa!” (Cột trụ thì không đi đâu hết. Giống như chị Hạnh Giác cũng là... cao ni, vì chị cao tới... một thước bảy)!

Cô Đức ốm yếu ngày nào không cuốc đất thì đi hái cỏ diệp cỏ trai cho chúng tôi ăn, tìm cách bồi dưỡng phục sức cho chúng. Có lần cô và chị

Thủy làm ruộng thắm mệt sao đó cùng rỉ tai rủ nhau lên về trước. Chuyện này tôi không hay, chỉ nghe chị Thủy thuật lại:

– Mấy đứa biết hôn, chị với già Đức vừa vô tới cái nương thì gặp Thầy đi thăm ruộng đột xuất. Đúng là “thiên bất dung gian”, kết quả hai đứa... bị Thầy bắt vét nương tới trưa luôn.

Tôi nhớ lại cảnh tượng đó là bất cười. Vì khi kiêng xả công tác đồ hồi, từ ngoài ruộng đi vào tôi thấy hai bà chị quý hóa còn mãi lom khom vét nương, mình mẩy ướt mem bùn đất.

Cung cách làm việc của Thầy tôi dư biết, vì Thầy thường vào hướng dẫn chúng tôi lao tác, người dạy dọn sách chỗ này, phát quang nơi kia.

Có lần Thầy chỉ cái gốc cây nằm ven đường đi, hạ lệnh bảo đốt, nhưng rồi vô thăm lại thấy nó còn nằm ỳ ra đó. Thầy hỏi, chị Thủy gãi đầu thưa:

– Dạ tụi con đốt hoài mà nó không cháy.

Thầy khảo sát kỹ và khều từ trong bụng cây đủ thứ tàn dư của các củ khoai ra, do chúng tôi đã chực sẵn, hễ chị Thủy vừa nhen lửa là hề nhau ném khoai mì, khoai lang tới tấp vào nường ăn, nên lửa chỉ đủ chín khoai chứ không cháy nổi gốc cây. Lần này nhờ có Thầy giám sát nên gốc cây cháy ngon lành và được dọn sạch.

Từ việc gặt lúa vét nương Thầy đều chỉ bảo cặn kẽ và thường làm trước để chúng tôi bắt chước theo. Có lần qua cái nương Thầy bị té và bệnh nặng, phải nằm dưỡng ở Thường Chiếu. Lúc ấy chúng tôi hoảng phải biết! Cứ nơm nớp sợ thềm mình mồ côi sớm. Lần đó quý cô Bảy Huệ đã trách nhẹ:

– Ông già thương con gái!...

Viên Chiếu ở tít trong xa, đường ngoằn ngoèo gò nổng. Thuở mới giải phóng, xe Honda thuộc hàng xa xỉ phẩm nên quý thầy Thường Chiếu hay chở Thầy vào giảng kinh bằng xe đạp. Nhưng lâu dần Thầy không nữa để

quý thầy chở và quyết định tập đi xe đạp để vào Viên Chiếu giảng kinh. (Tính ra Viên Chiếu làm Thầy cực nhiều nhất).

Có lần nghe tin Thầy bị bệnh nặng ở Chân Không, già Liễu nhập nhóm phát biểu:

– Nếu Thầy có chuyện gì, giờ này mà đón không được xe để đi thăm thì dù có lội bộ tới Vũng Tàu tui cũng đi!

Hồi đó mỗi tối tôi thường thức chép kinh. Có lần các chị đưa tôi quyển sổ của Thầy. Tôi thích nhất hai chuyện Thầy chép tay trong đó. Đại khái kể về ông Washington lúc còn nhỏ, có lần vô ý chặt cây quý của cha trồng, cha ông về tức giận tra hỏi, ông liền nhận ngay là chính mình chặt. Người cha lập tức đổi giận làm vui, ôm con vào lòng mà nói:

– Tất cả sản nghiệp của cha cũng không quý bằng tính ngay thật biết nhận lỗi của con.

Còn chuyện thứ hai kể về ông Gandhi có lần dối mẹ, mẹ ông biết được nhin không ăn cơm. Gandhi nài nỉ mãi, mẹ ông cương quyết nói:

– Mẹ thà chết còn hơn là có đứa con nói dối. Gandhi là người con chí hiếu, ông chạy ngay vào bếp gấp than bỏ lên tay mình thề sẽ không bao giờ nói dối nữa.

Và ông xác nhận, vết phỏng nơi tay chính là thiên thần hộ mệnh giúp ông ở mãi trong vòng thành thực.

Tôi biết mình không thể sở hữu cuốn sổ tay của Thầy nên đã chép những điều ấy vào... lòng!

Tôi hiểu Thầy không thích dối trá – Có thể sẽ có người nói: “Ai mà không ghét dối trá? – dù người ta ghét sự dối gian nhưng đôi khi bản thân cũng không thoát khỏi điều này! Tôi tin và luôn tự hào rằng Thầy tôi rất trung thực. Khi giảng về tướng lưỡi rộng dài của Phật, Thầy đã giải thích:

– Ở Ấn Độ khoa tướng số cho rằng ai hai đời không nói dối thì có tướng lưỡi dài tới mí tóc, nên khi nhắc tới tướng lưỡi rộng dài, là ngụ ý ca ngợi người đó không nói dối. Chư Phật khen ngợi Phật Thích Ca có tướng lưỡi rộng dài khắp tam thiên là có ý nói rằng Phật Thích Ca muôn ngàn lần chân thật.

Bản thân tôi cũng nhận ra nói thật quả không dễ, chỉ cần nói dối một chút... đâu hại ai mà còn tránh được biết bao thiệt hại cho mình (?) – đỡ bị la, đỡ bị trách, đỡ bị cười nhạo... nghĩa là dối trá... thu được lợi nhiều hơn là thành thật! (?) Tận đáy lòng, tôi cảm nhận rằng tính chân thật cũng giống như kim cương (khó mua, khó sở hữu), muốn đeo kim cương thì thà giữ đức chân thật. Mỗi khi gần một người nào, đang mếm mộ họ mà nhận ra họ nói dối tinh rụi, tinh queo (cho rằng lời dối đó không hại ai), tôi thất vọng âm thầm như ngắm phải viên ngọc có tì vết. Thôi thì cứ cầu cho bản thân tôi và tất cả mọi người sớm hay muộn gì rồi cũng sẽ có tướng lưỡi rộng dài như Phật.

Thầy thường dạy:

– Thầy chủ trương “Thiền giáo đồng hành”, y theo kinh điển mà tu. Giả sử mình chưa triệt ngộ thì nhắc lời Phật Tổ dạy cho người sau vẫn không lỗi, mà cũng không sợ họ lạc vì cách tu “biết vọng” giản dị! Hồi nào chấp vọng tưởng là thật, bám riết vào, giờ hiểu nó là hư dối thì đừng theo, không cần dè, không cần nhăn nhó cấm không cho vọng tưởng nổi lên, chỉ cần giác kịp ngay khi vọng tưởng vừa khởi là tốt rồi. Niệm Phật hay khán thoại đầu còn có câu để bám vào, còn tu “không theo vọng” thì chẳng có chỗ nào để bám. Mới tu, tập khí còn nhiều nên thấy khó; tu thuần thực thì sẽ thấy nhẹ nhàng. Chỉ sợ không chịu tu, chứ có tâm chịu tu thì “đồ tể chịu quăng dao cũng thành Phật” nên nói: “Bồ tát và dạ xoa cách nhau một sợi chỉ”. Hoàn cảnh bây giờ người ta dễ căng thẳng thần kinh, Thầy chỉ dạy như Phật Tổ đã từng tu. Ai chịu tu thì tiến bộ an vui, không tiến thì ở nguyên vị cũ chứ không bị tai hại gì khác. Lý đạo đơn giản nhưng vi diệu, lạng lẽ không phô trương; nếu tu mà thiếu niềm tin, thiếu nghị lực, lại nôn nóng muốn cho mau đạt thì dễ bị gạt, dễ rơi vào đường tà. Cho dù

đường dài thăm thẳm, cứ nhắm đích kiên nhẫn thẳng tiến, thì rồi cũng tới...

Sao mà bây giờ tôi nhớ rõ mồn một lời Thầy, giống như cùng tử đi hoang rồi quay về uống chén thuốc đắng của cha vậy.

Mùa hạ năm rồi, tôi nằm mơ thấy Thầy đang thuyết pháp giữa đông đảo đồ chúng thì ông Krishnamurti đến thăm Thầy (tôi hiếm khi nghĩ đến và cũng ít đọc sách của ông). Trong mơ, ông Krishnamurti rất trẻ và đẹp cực kỳ, nét đẹp thanh khiết tôn nghiêm đến độ tôi nghĩ là đẹp như Phật (dù thực tế ông đã già và qua đời rồi). Thầy đàm đạo với ông ta vẻ như cùng đồng cảm sâu sắc – không cần thông dịch viên – Người ái mộ chen nhau chiêm ngưỡng đông nghịt; nhiếp ảnh, ký giả... chụp hình, quay phim lia lịa. Ông Krishnamurti nói, ông đến để nghe Thầy giảng và tìm hiểu đường lối của Thầy. Sau đó ông trao Thầy cái bình, bên trong chứa tới ba phần tư đồng tiền vàng, ông giải thích đó là “của” ông để dành, nay ông trao lại cho Thầy làm Phật sự.

Tới đây thì tôi thức giấc. Ngày hôm ấy lòng lâng lâng vui vẻ bình an, thấy ai cũng giống Phật hết, tâm tư dễ bao dung tha thứ. Qua ngày sau, tâm vọng của tôi về lại, nhìn ai cũng muốn... gây hết! Dù gì tôi cũng khám phá ra rằng, nằm mơ thấy các bậc thánh luôn làm mình nhẹ nhõm.

Như Thầy từng nói, các vị đức hạnh đâu có thì giờ đi báo mộng cho người này người kia, vì tâm cảm nên có ứng thôi (nhưng... nếu Thầy có nhận cái bình tiền vàng thiệt, thì Thầy nhớ... cho con một đồng vàng!)

CON SÁO Hồi ký Hạnh Đoan

Khi nhỏ Hương mang con sáo về, tôi thất vọng hết sức vì thấy cái mặt con sáo chằm dằm hàm chứa cả trời lý lợm, trông nó giống hệt một tên du côn bị bắt bỏ tù.

Tôi vốn không ưa nuôi loài vật, mà trở trêu thay, giờ phải nuôi con sáo một cách bất đắc dĩ. Nguyên do là chị Bảy bạn tôi có thằng con bị tù; thương con, chị dừng cảm hy sinh thú nuôi chim của mình, nguyện sở lòng phóng thích chúng để cầu phúc cho con, hy vọng nó được giảm án. Ở thành phố chùa nhiều, nhưng lòng yêu chim khiến chị chẳng đành lòng thả nó trực tiếp, vốn có mỹ cảm với tôi, chị cho rằng giao kết cho tôi thì... cũng như là phóng sinh!

Con chim cu và con két xanh rất đẹp, biết nói, Hương đợi chùa quy y cho chúng xong là nhiệt tình mở lồng phóng thích giúp chị Bảy và chợt thấy se lòng khi bắt gặp đôi mắt chị nhìn theo cánh chim bay lưu luyến... Thế nên, đến lượt con sáo Hương không dám thả mà mang về chỗ tôi nuôi cho chị vui lòng.

Tôn trọng ý nghĩa phóng sinh, tôi bảo Hương đem sáo qua chùa cho quý cô quy y rồi thả đi. Nhưng con sáo chẳng “tung cánh tìm về tổ ấm” được, nó xa mẹ từ khi mới sinh, nào biết tổ ấm nơi đâu mà về? nó cứ bay lòng vòng quanh chùa rồi vô tư đáp xuống trước miệng chó, mê mẩn chúi mỏ vào mấy đĩa thức ăn dành sẵn cho chó, mèo. Quý cô lo thót tim, chùa có nhiều mèo, không khéo nó bị xơi tái mất. Thế là sáo được trả về cho tôi, tôi rầu rĩ để Hương nhốt sáo vào lồng. Người ta sợ gieo nhân giam cầm nên không dám muôi sáo, còn tôi thì ngày ngày phải cầm tù nó, lòng thật khó chịu, nhất là khi chị Bảy báo tin lành: con chị án được giảm nhẹ ngay sau khi phóng sinh các loài điều cầm!

Chị Bảy từng méc tôi, con sáo này lì lắm, ù ù cạc cạc, trơ trơ như khúc gỗ, không có sinh động. Ba tháng trời dạy hụt hơi nó mới nói được hai tiếng “Mô Phật”, rồi lại câm như cũ.

Chiều nay có con sáo nhỏ lạ bay vào chùa Viên Chiếu, nó được chị Niệm giữ ở cốc một đêm rồi thả. Vậy mà từ ấy, mỗi lần chị Niệm cất tiếng gọi là con sáo nhỏ bay tới, rồi ngày thì nó đi chơi, tối về ngủ nơi cốc chị niệm, ngoan ngoãn đến hay.

Hương qua chùa nhìn thấy cảnh này, nó đâm ra “tương tư”, suy nghĩ mãi và ước ao con sáo lỳ của mình cũng sẽ “hồi tâm” trở nên nét na giống vậy.

Thế là đi ra đi vào Hương đều gọi “Sáo ơi!” một cách trìu mến thiết tha, đến độ ngay cả tôi cũng phải mỉm lòng, trong khi mặt mũi con sáo cứ tỉnh khô. Tôi thương hại bảo nó:

– Đừng có mơ “em ơi”! Có đến tết Công-gô cũng chẳng cảm hóa được con sáo lì tổ này!

Nhưng Hương vẫn kiên nhẫn vừa cho sáo ăn, vừa chuyện trò thủ thỉ với nó. Thấy vậy, tôi bèn tiến lại gần sáo, phụ giúp huấn luyện:

– Nào sáo, Mô Phậ đi, giỏi nè!

Con sáo làm ra vẻ buồn ngủ tới, mắt nhắm không muốn lên còn ráng mở một con mắt cách lơ đãng, thấy tôi tôi bỏ đi, bước rón rén thật nhẹ để cho sáo ngủ. Đang đi, bất thần tôi quay lại nhìn, thấy mắt con sáo mở trao tráo, tỉnh rụi, chẳng có vẻ gì buồn ngủ cả, thì ra nó vờ buồn ngủ để tránh bị dạy dỗ, tôi vừa tức vừa buồn cười, mắng nó:

– Đúng là đồ sáo... lỳ!

Rồi đi thẳng. Người rồi tôi không chịu được cảnh nhốt sáo mãi, đành đánh liều thả nó. Mới đầu, sáo bay qua chùa chơi, quý cô sợ mèo ăn lại đem qua trả, sau đó sáo quanh quẩn đầu nơi cánh cửa sổ trước nhà tôi, hót líu lo, có khi cười cả tràng dài bộc lộ vẻ hân hoan cực điểm. Có tật là nó hay mổ bắt tử vào người nào xuất hiện ở sân, chẳng kể khách chủ gì, (đó là cách chào hỏi đặc biệt của nó), vậy chứ đau lắm và dễ làm giật mình khi không để ý. Hương đặt thau nước to ngoài sân cho sáo tắm, nó rất hay tắm. Sáo rất thích màu xanh, nó thường ngậm bọc ni lông nơi mỏ, giang rộng cánh, bay là là hoặc chạy tung tăng quanh sân với vẻ rất khoái chí. Hương vẫn kiên trì thiết tha trò chuyện với sáo, mặc cho sáo thản nhiên đón nhận bằng vẻ mặt vô cảm, lạnh như băng. Thỉnh thoảng sáo hồi âm bằng cách mổ vào mũi, vào cạnh khoé mắt Hương khiến máu chảy ròng ròng, Hương vẫn cam chịu, không từ bỏ ý tưởng là sẽ có một ngày sáo được thuần hóa.

Chú thím Phú ở gần bên rất thương sáo nên tôi bảo Hương đem nó qua cho chú thím để đời nó được lên hương, được sung sướng, chứ ở với tôi thì chỉ khổ thân vì tôi không cung sáo. Bạn bè góp ý sợ nó buồn. Tôi đáp ngay:

Trời ơi, qua bên được cung nó mê chết chứ buồn khi gì, con sáo này biết tình cảm chi mà buồn??

Thế là sáo chuyển “hộ khẩu” sang nhà chú thím Phú, dĩ nhiên là nó được cung vô kể. Mấy ngày đầu chú thím phải nhốt nhưng hễ thả ra là sáo lại tìm về với chúng tôi. Ròng rã sáu tháng trời “nhập cư” bên chú thím, sáo vẫn không quên được bên này – nó nhớ Hương! – Mỗi lần sông chuồng về thăm chúng tôi, sáo biểu lộ sự mừng rỡ bằng cách cuống quít mổ lia lia vào tay hoặc ngậm áo Hương lôi kéo bày tỏ sự nhớ mong. Tôi quá sức ngạc nhiên khi nhận ra con sáo ù lý vô cảm ngày nào đã không còn nữa. Ở bên chú thím, sáo được cung, được ăn ngon, mà vẫn cứ biếng nói, biếng hát, biếng nói, nhưng chỉ cần nhìn thấy Hương là nó hét lên cả tràng rồi cười khanh khách. Khi Hương bắt nó để đem trả chú thím thì nó cứ đi thụt lùi, miệng không ngớt niệm: “Nam Mô A Di Đà Phật”.. “Nam Mô A Di Đà Phật”.. về như năn nỉ đừng trả nó, khiến Hương xanh mặt. Có lần thím nhốt nó và thường dạy nó gọi thím bằng má! Nó vùng vẫy trong lồng và nói: “Má! Thả sáo ra!”. Thím sợ quá liền thả cho nó tự do. Rốt cuộc, thương sáo, chú thím vui lòng để nó chọn ở nơi nào nó thích. Sáo lại về nhà tôi, nó hét cả ngày, biểu lộ sự hứng chí cực điểm. Hễ Hương bảo niệm Phật là nó ngoan ngoãn vâng lời. Mỗi lần Hương qua chùa, sáo hay đứng ven rào ngóng cổ đợi Hương về, thậm chí nó chào gọi cả khách đi đường. Nó hân hoan vì được trở về, thật ra ở với chị Bảy nó chưa từng được thả bao giờ, vì thế, khi ra đây được sống đời tự do nó vui là phải. Chị Bảy có ra chơi nó cũng nhìn bằng ánh mắt vô cảm, không hề quyến luyến như đối với Hương.

Mỗi ngày, Hương thường sang chùa, sáo vẫn đứng cạnh rào ngóng đợi; tôi bận việc chẳng kêu nó vào, cứ để mặc nó đứng ngoài cổng ngóng Hương. Rồi tôi quên không để mắt đến nó. Thế là nó bị người bắt cóc mất.

Sáo đi rồi, nhà vắng vì không còn tiếng hót tiếng cười âm ỉ của nó. Ở cũi này là vậy, con vật luôn bị xem như “vật sở hữu”, người ta nuôi để ăn hoặc để tiêu khiển chứ không bao giờ quan tâm tới tâm tình, sở thích ước mơ của nó. Hồi sáo mới về đây, lúc tôi thả nó, nó chẳng đi đâu xa, cứ đậu trên cánh cửa sổ, ai đi đường gọi nó, nó đứng đưng lạnh lùng, không dễ gì ngoắc nó tới gần nên khó ai bắt cóc được nó. Từ khi sang nhà chú thím rồi được trả về, nó vui lắm, lúc nào cũng hớn hờ. Thậm chí khách đi ngoài đường nó cũng réo chào họ, hề ngoắc nó, là nó chạy tới, và bất cứ ai bước vào nhà tôi đều được sáo niềm nở tiếp đón (nó làm như thể chỗ tôi là an ninh lắm vậy) do hiếu khách mà nó bị bắt cóc.

Tôi biết người ta không ăn thịt nó, nhưng họ sẽ nhốt nó, sáo sẽ chẳng bao giờ được tự do! Trái tim tôi vốn khô cằn khắc khe với loài thú, giờ chợt nao nao. Với tôi, con sáo chẳng còn ngu đần nữa, nó vẫn có nghĩa tình đậm thắm, biết buồn vui không khác người. “Thành tâm ắt có cảm ứng”, sáo đã biết đáp lại tâm chân tình thiết tha của Hương, câu: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh” ngẫm nghĩ thật đúng!

Nếu người ta biết rằng, dù mang lông thú nhưng những ước mơ, những khát khao về hạnh phúc trong cuộc sống, chúng vẫn giống hệt người, thì hẳn chúng đã không bị khổ.

Trúc Lâm

Tôi chưa từng vào Trúc Lâm
Nhưng nhìn hình,
bỗng thấy nao lòng
Đồi núi mênh mang,
... mây trắng phủ
Ngõ đất trời,
giao kèo trong... tác gang
Tôi chưa một lần vào thăm Trúc Lâm
Nhìn hình thôi,
Cũng đủ thấy mình say...
Giòng xanh biêng biếc – sông? – Hồ – Suối??-

Uốn lượn chân đôi – trông đến hay!
Tôi chưa... và mãi chẳng vào thăm...
Cứ để Trúc Lâm đẹp mê hồn
Đẹp trong ảo ảnh hơn cả thực
Dịu dàng, đắm thắm hoài... trong mơ!

Hoàng Hôn

Chiều tàn theo bóng hoàng hôn
Ngàn sao lấp lánh cho hồn cũng say
Nghiêng nghiêng lá xếp tiền ngày
Êm êm con nước chở đầy sắc đêm

QUẢ ĐĂNG CUỐI CÙNG

Hồi ký Hạnh Đoan

Ánh nắng chói chang mùa hạ chợt mềm đi, dịu dàng hơn khi lách mình vào khu rừng rậm dày mịn lá, cơn gió thoảng qua làm lay động những chiếc lá vàng đang lả tả rơi. Từ Tâm ngồi trên tảng đá, mặt ưu tư lo lắng dõi trông về phía bìa rừng. Từ lúc sư phụ bị cầm tù, huynh đệ chàng như rắn mất đầu, rừng núi càng cô quạnh hơn khi vắng bóng hiền hòa trầm mặc của sư phụ.

Chuyện nói ra thì chẳng ai tin nhưng nó xảy ra thực đến nỗi các huynh đệ chàng đều phần uất. Có gì đâu, chiều hôm kia sư phụ đang ngồi nấu nước nhuộm y để chuẩn bị cho hai sư đệ chàng lên kinh thọ đại giới. Như mọi lần, sư phụ lấy vỏ cây Hoàng mặc nấu rã để nhuộm đồ. Vỏ Hoàng mặc nấu lên màu đỏ như máu, nhưng thấm vào vải sẽ tạo nên màu vàng sậm đẹp như màu da bò, màu vàng cổ truyền của vùng đất Đại Tân mà giới tu sĩ thường dùng. Vậy mà lão Sói là dân du mục mới đến đây, bị mất bò.

Lão đi kiểm khắp nơi rồi lạc tới chỗ sư phụ đang nhuộm y; nhìn vào thùng nước, lão la bài bả rằng sư phụ trộm bò lão làm thịt và đang nấu trong nồi, bằng chứng là tay sư phụ còn vấy máu (màu đỏ của cây Hoàng mặc). Thế là cả đám dân du mục hồ đồ chẳng để cho sư phụ biện bạch, kéo xệch ngài đi rất thô bạo. Lúc ấy huynh Từ Uy võ nghệ rất cao cường, đã toan xuất chiêu để dạy đám dân làng hồ đồ một bài học, mong cứu lấy sư phụ, nhưng ánh mắt sư phụ làm Từ Uy chùn lại, tai chàng như nghe văng vẳng lời dạy của thầy: “Khi bị người đem việc xấu vu oan, cần phải nhẫn nại. Đừng vì bị nhục mạ, bị vu khống, bị chế nhạo... mà sinh oán hận. Người tu Phật phải hành hạnh Phật, trụ Phật tâm mà sống, nên dùng lòng nhân ái xử sự, tùy duyên tiêu nghiệp cũ...” Do vậy, các huynh đệ đều cúi đầu vâng lệnh thầy, đánh đứng bất động để sư phụ bị lôi đi, buồn bã nhìn theo bóng thầy khuất dần...

Hai ngày sau lão Sói đã tìm được con bò lạc, nhưng lão vẫn im im, chẳng hề áy náy, chẳng một câu xin lỗi, cũng không tỏ chút thiện chí muốn rước sư phụ về. Còn cái tên Lý trưởng, ngay từ đầu chẳng thèm hỏi kỹ càng gì, đã vội ký lệnh tổng giam ngay khi sư phụ vừa được giải đến! Đợi cả tuần chẳng thấy thầy về, anh em Từ Tâm buộc phải đệ đơn kêu oan cho thầy, nhưng từ xã đến quận, rồi tỉnh... lúc nào các huynh đệ cũng lâm vào cảnh chậm một nước cờ, sư phụ luôn bị giải đi trước một ngày khi họ vừa tới nơi. Mà tội sư phụ có nặng gì cam? Chẳng ai muốn nhận mình đã bắt oan người. Sư phụ cứ bị chuyển trại như một tử tội. Huynh Từ Uy bực lắm, nếu không vì nể sư phụ thì huynh đã nện cho lão Sói một trận ra trò! Cứ chịu đựng thế này nữa... người ta xử tử mất sư phụ thì sao? Hội ý, bàn bạc nhau mãi, cuối cùng Đại sư huynh Từ Trí đảm trách việc lên tận kinh thành cầu cứu với đức vua. Chàng đi đã hơn tháng rồi mà chẳng nghe tin gì, các huynh đệ ở nhà bòn chòn, cùng trách nhau, sao hôm ấy lại để thầy nhuộm đồ mà không giành làm thay? Ít ra họ đã có thể chịu nạn thế sư phụ, nhưng hôm ấy sư phụ rất vui vẻ, ngài còn tỏ ý muốn đích thân nhuộm y cho đệ tử mình... có ai ngờ chuyện xui xẻo lại xảy ra! Giờ chỉ còn biết âm thầm cầu nguyện cho ngài thôi, còn hơn là để tâm tư bấn loạn vì lo lắng.

Đức vua Hảo Nghi vốn là một đấng minh quân, khi Từ Trí đánh trống kêu oan và gặp ngài trình tấu tỵ sự thì đưa vua rất bất bình và tỏ vẻ hết sức ân hận vì chuyện bắt nhầm người lại xảy ra trên đất nước mình! Ngài tức tốc truyền lệnh rước nhà sư đến cung điện để vấn an và làm rõ mọi sự việc.

Vị sư già được dìu đến, người gầy gò như một bộ xương, chỉ có đôi mắt là sáng như sao và nét từ ái bàng bạc. Thoạt trông, nhà vua biết ngay đây là một bậc thánh mà đám quan ngốc nghếch của ngài chẳng thấy được Thái Sơn! Nhà vua vội vã bước xuống long ngai, vòng tay tạ lỗi:

– Bạch Đại Đức! Trẫm thật có lỗi khi để Ngài sống cảnh giam cầm lâu như vậy. Ngài hãy tha thứ cho trẫm. Trẫm sẽ bắt bọn vu khống Ngài trừng trị xứng đáng! Trẫm sẽ buộc chúng phải ném lại cảm giác đày đọa gấp trăm lần nỗi đau khổ mà Ngài đã chịu, trẫm sẽ...

Vị sư già ôn tồn khoát tay:

– Không không! Xin bệ hạ đừng làm thế! Xin đừng trừng phạt bất kỳ một người nào hết!

– Trẫm sẽ không bao giờ yên lòng nếu không trị tội bọn tặc trách! Cho dù Đại Đức can ngăn, trẫm vẫn quyết thi hành pháp lệnh!

– Tất cả khổ đau ngày nay, chẳng qua là chút oan trái quá khứ, xin bệ hạ hãy nghe tôi giải thích: – Cách đây rất nhiều kiếp lâu xa về trước, thuở tôi chưa hề biết đến Phật pháp và sống bằng nghề trộm vặt, có lần tôi trộm được con bò và vì bị dân làng rượt đuổi gắt quá, túng thế tôi lủi vào vườn một nông dân, thả con bò lại đó, rồi chạy thí thân để cứu lấy mạng mình. Do vậy, ông chủ vườn bị bắt vì tội trộm, với tang chứng không thể chối cãi là con bò! Ông ta bị giam, bị hành tội suốt một tuần lễ.

... Từ lúc tôi gặp được Phật pháp, biết tu hành và ngộ đạo. Vô số đời đã trôi qua, tôi đã tái sinh rất nhiều lần và luôn đợi dịp để trả nợ cũ. Và mãi tới kiếp này, tôi mới có cơ hội ở vào vị trí vu khống, để hiểu cái cảm giác người vô tội bị kết án ra làm sao. Tôi đã trải qua bảy tháng tù giam. – Quả đáng cuối cùng đã trở – vì xưa kia tôi đã khiến chủ vườn ở tù bảy ngày!

Đối với những người có liên quan trong vụ án này, tôi chỉ có lòng yêu thương chân thành dành cho họ, làm sao đành lòng nhìn họ thọ khổ, khi họ chỉ vô tình hành xử theo luật nhân quả chứ? Xin bệ hạ hãy bỏ qua chuyện này và hãy chúc mừng rằng tôi đã trả hết ác nghiệp cũ trong đời hiện tại.

Đứa vua nhìn vẻ xúc động của mọi người đang có mặt trong triều, trang trọng nói:

– Chúng ta hãy nhớ lấy câu chuyện hôm nay để kể cho con cháu nghe. Hãy luôn nhắc nhở mình phải thận trọng trong từng việc nhỏ, tránh đừng làm ác, đừng mê muội, vì nhân quả nghiệp báo không bao giờ sai lầm!

Và quay về nhà sư, đức vua chấp tay thi lễ, kính cẩn thưa rằng:

– Trẫm là vua, dùng chánh pháp để trị dân, trong nước có được những bậc hành đạo, hạnh giải tương ứng như ngài thật là quốc bảo của nước! Dân nhờ những bậc hiền nhân như ngài mà được cảm hóa thành người dân tốt, khiến đất nước trẫm thêm giàu mạnh, thái bình! trẫm chỉ sợ các thần dân mê muội vô tình hành hạ, làm một bậc thánh phải hàm oan rồi tự chuốc tội vào thân...! Trẫm cầu mong từ nay về sau, mọi oán hiềm vô tình hay cố ý đều được hóa giải, mọi người đều biết hỷ xả, tha thứ, để xóa đi mầm móng trả vay, nghiệp không còn phải đền trả khi lòng oán cừu đã được dập tắt!

– Lành thay đại vương! – Vị tu sĩ mỉm cười và buông lời tán thán, rồi ông về rừng với sự tiễn đưa ân cần của nhà vua. Chuyện đến tai đám người đã hành hạ nhà sư. Họ đều ăn năn và tới trước nhà sư tạ lỗi. May mắn thay, họ đã đến kịp lúc để cúng dường nhà sư bữa ăn cuối cùng, tạo cơ duyên gieo trồng phước điền hiềm có đối với vị A-la-hán sắp lìa bỏ xác thân và đã vượt qua mọi tác động của nghiệp.

Lão Sói cũng đã học cách nhuộm y bằng vỏ cây Hoàng mặc để nhớ tới vị sư khả kính qua huyền thoại nhân quả về ân oán cũ giữa hai người. Lão dạy con cháu hãy luôn làm điều lành và khi lão mất, lão yêu cầu người ta khắc lên mộ bia lão mấy câu: “Khi bị người vu khống, hủy nhục, hãy hỷ

xả và tha thứ. Đó là Phật tâm, và chỉ tâm Phật mới chặt đứt mọi trói buộc của nghiệp”.

* * * * *

Cúng Dường

Con cúng dường ngài một bát cơm
Trồng nhân phúc thiện đẹp tâm hồn
Ngày sau tiếp nối duyên dương pháp
Hoa đức rạng ngời tỏa hương thơm.

2005

* * * * *

Người Đi

Người đi vào sương gió
Chất chở nặng trong hồn
Bao niềm thương nỗi nhớ
Mây trắng sâu lang thang
Gió đùa vương tóc rối
Bụi phủ mờ y trang
Người thân còn ngóng đợi
Dáng ai về hiên ngang
Chờ một ngày không hẹn
Người về với trần sa?
Hay vẫn còn nguyên vẹn...
Giữa giòng đời phong ba?

THUỞ TRĂNG CHƯA TRÒN

Hồi ký Hạnh Đoàn

Viên Chiếu bây giờ thật đẹp, thật khang trang và sạch sẽ. Trái hẳn thời bấy lâu là túp nhà tranh lá tua tủa, lổn nhổn chung quanh toàn gốc cây, “cỏ hoa chen lá, lá chen gai”...

Viên Chiếu hình thành trong khung cảnh hoang dại nên cuộc sống chúng tôi nhuốm đầy mùi rừng rú. Tre gai bao um tùm, lối đi nhỏ hẹp. Vườn bắt tia trước chùa cách cửa ra vào vài bước chân. Vậy mà lũ khỉ vẫn dạn dĩ mò vào hái trộm ngay trước mắt chúng tôi giữa ban ngày ban mặt. Tầng gác ọp ẹp kết bằng ván thông thưa rĩnh. Buổi ngủ trưa thường có đĩa đồ ăn (phần lỡ bữa còn để dành) cất ngay trên đầu nằm gồm: mấy củ khoai, vài trái chuối)... vậy chứ nhờ nó mà chúng tôi mới tỉnh được giấc ngon khó thức...

Còn một đặc điểm nữa là rác, vỏ kẹo, vỏ chuối vát vương vãi chung quanh vườn, cứ tiện tầm tay là quăng đại cho thoải mái. Khoảng cách nhà ở với bụi lùm cây dại không xa thì giữ cho trong nhà không có rác là đủ rồi. Để một hôm có ai đó bất thần “nhìn lại ta” đã phải buột miệng kêu lên:

– Chèn ôi! Ra Thường Chiếu mà coi người ta sống, là tăng mà họ sạch sẽ ngăn nắp, còn ở đây?... – ứ hự! Còn tệ hơn cái viện kí nhi nữa!

Hưởng ứng câu phàn nàn ấy chỉ là những nụ cười toét miệng (rộng tới mang tai). Thật ra cảnh luôn hợp với người, mặt mũi chúng tôi lúc nào cũng nhem nhuốc bùn sinh, làm ruộng thời khai hoang vào trễ là chuyện thường tình, tẩy rửa qua loa, ăn cơm xong thì đã tới giờ chỉ tịnh, muốn tranh thủ ngủ trưa thì cứ bê nguyên gương mặt còn đầy nốt ruồi... bùn mà đánh giấc (nếu muốn lười một chút mà ngủ no).

Buổi trưa im nắng, chỉ cần một bước chân lê nhẹ là sàn gác kêu rầm rầm. Cô Đức chịu hết thấu liền ban chỉ thị:

– Buổi trưa yêu cần quý vị giữ yên tĩnh cho người ta ngủ, xin đừng di chuyển qua lại vào giờ này!

Lệnh được thần dân ngự trên gác tuân theo răm rắp. Chúng tôi ở dưới đất nên chẳng có vấn đề gì. Và khi tất cả đang say giấc ban trưa thì bỗng nghe “rầm” một tiếng rõ to. Tôi thoáng thấy như có vật gì từ... trên trời (?) rơi xuống. Ai nấy choàng tỉnh, ngồi bật dậy hết, nhìn nhau ngơ ngác...

– Có chuyện gì vậy? Cô Đức hỏi trước tiên.

Một khoảng im lặng kéo dài. Không có lời đáp. Câu hỏi được lặp lại lần nữa. Có tiếng cô Giải Thiện cười hi hi trên gác, rồi cô giải thích:

– Giải Thanh muốn đi ngoài, không dám bước trên gác nên nó phi thân xuống đại... (xin giải thích: thuở ấy cửa sổ chống, không khung nên chỉ cần liềm mạng nhảy xuống là có thể ở ngoài trời, song cú nhảy của Giải Thanh va vào tấm tôn ghép nơi vách lá nên âm thanh mới vang dội như thế).

Ai nấy đều lo lắng, không hiểu “ngọc thể” của kẻ phi thân có an toàn chẳng? Giải Thanh đang đứng nép sát vào vách với gương mặt xanh lè. Kể từ ấy, cô Đức chẳng đá động gì tới lệnh giới nghiêm ban trưa trên gác nữa.

Hai năm sau, chúng tôi có một Tầng đường ra dáng hơn: tầng dưới là vách đất, tầng trên là vách lá sàn tre. Tầng gác còn có lan can bao quanh ba bên, ngôi thiên rất mát. Hạnh Kiên chiếm một góc ở hiên sau.

Buổi khuya mùa đông rất lạnh. Hạnh Kiên ngồi thiên mà quán y trang giống hệt dân Bắc cực. Cả chúng đang tĩnh tọa êm đềm thì bỗng nghe “rầm” một tiếng, các thiên giả ở hè sau nhón nháo cả lên:

– Ôi trời ơi! Hạnh Kiên rớt xuống đất rồi!

Chúng tôi cấp tốc xả thiên hòa nhau hỏi thăm. Tầng gác mới này khá cao. Lơ mơ gãy xương chứ chẳng chơi. Hạnh Kiên đón chúng tôi bằng gương mặt tươi như hoa:

Hông! Hông có sao hết, hên là em té vào cái xe ba gác nằm ở dưới cộng thêm cái mền dày quán quanh đỡ “đạn” dùm nên được bình an vô sự! Chúng tôi thở ra nhẹ nhõm. Đây là lần duy nhất Hạnh Kiên nhập ngũ thiên (thiên ngũ gục) và té như mít rụng!

Chưa hết, cũng vẫn vào khuya, mới một hai giờ sáng đã nghe tiếng thét lạnh lạnh: “Ăn trộm! Bắt lấy nó!” vậy là tỉnh ngủ hết. Quý cô lục tục kém nhau đi rọi đèn pin pha tứ bề. Vẫn không thấy gì. Ai nấy về chỗ nằm thì

được báo cáo là tiếng la phát xuất từ mừng của một tôn giả đang ngủ tít mắt nhưng miệng thì mở leo leo.

Mùa đậu ra ngoài Viên Chiếu 2, thuở tiện nghi eo hẹp, cái chòi nhỏ nhét mười mấy mạng, chugn quanh đậu chất đầy, chỗ ngủ còn thiếu thì nói gì đến chỗ tọa thiền? Thế nên chúng tôi “được” ngủ tới sáng. Bốn giờ rưỡi khuya cô Từ Thanh đã gọi:

– Dậy, dậy mấy đứa ơi!

Chẳng ai buồn nhúc nhích. Cô Thanh liền đổi chiến thuật:

– Dậy, dậy lo vệ sinh kéo trời sáng!

Hiệu nghiệm thần tốc. Chúng tôi nhồm dậy ngay, mạnh ai nấy chụp cuộc đi giải quyết “đại sự”. Phải tranh thủ vào giờ này, vì ngoài trừ vườn cao su nằm đối diện trước mặt thì ba phía còn lại đều trống lóc, Thường Chiếu lại nằm gần bên.

Vậy chứ tình cảm mặn mà của cô Từ Thanh đã có lần gây khốn đốn cho chúng tôi.

Chả là thấy chúng tôi làm mệt mà không có gì ăn bữa lỡ, cô đi ra đi vào gói đầu thương cảm... rồi cầm lòng khôngặng, cô hốt ngay mớ đậu phọng sống phát cho mỗi đứa một nắm để ăn lấy sức. Ăn xong, tới phiên chúng tôi “cầm lòng khôngặng”. Chột bụng nhằm lúc này (giữa ban ngày) thì chỉ có nước lui vào rừng cao su, cỏ vườn cao su cao tới đầu gối nên có thể đi vớt vát được. Chỉ hiềm khi trở về chân chúng tôi máu rỉ long tong (vì vất đeo hút tới no kênh) lưng cổ đều mỏi vì ráng củi thật tháp.

Đó là một vài chuyện của thuở đầu lập quốc Viên Chiếu. Giờ đây Chiếu nào cũng khang trang cứ như cảnh tiên. Cũng có người than: “Bây giờ không giống hồi xưa, tâm con người cũng không giống hồi xưa.”

Làm sao được? giòng nước chảy qua trước mặt loáng một cái không còn là dòng cũ thì làm sao buộc tâm và cảnh phải “giống như xưa”? nỗi niềm

hoài cổ hay vọng hướng tương lai đều dễ làm mình khổ. Mà thật ra quá khứ, hiện tại, vị lai... không có gì khác nhau (nghĩa là phiền não tham sân si lúc nào cũng vậy, khác chăng là nhiều hay ít hơn thôi). Ai làm chủ được tâm mình thì làm chủ được hạnh phúc. Làm chủ, có nghĩa là điều khiển được dòng tâm thức mình chứ không phải bị nó điều khiển. Ngày nào tâm vẫn còn nổi sân nhưng không thêm sân theo, nổi tham nhưng không thêm tham theo; nghĩa là nổi lên bất cứ gì đều tỉnh kịp, không theo; thì coi như Thiên đường trong tầm tay rồi! Còn bây giờ si vẫn nặng chình chịch. Mình sân mà ai nói: “Người tính tình gì sân dữ...” hay “Nghịch sân nặng dữ quá!” là bùng bùng nổi khùng thêm liền, cứ ngỡ rằng cái khổ tự người ngoài đưa tới, chứ không phải tại mình tạo ra cho mình. Đường như trong âm thầm sâu lắng mình luôn mong người xử với mình đẹp như thánh, còn mình thì tha hồ cư xử theo tùy hứng của phiền não, theo tánh tật của riêng mình.

Thôi thì đã “trót” sinh ra trong môi trường hoàn cảnh mà... gì cũng tốt đẹp hơn xưa, thì cầu mong tâm tư chúng ta ngày càng tươi mát hơn xưa. Có nghĩa là dù tham sân si vẫn còn đây, nhưng chúng ta sử dụng chúng ít hơn, dè sẻn hơn, cho đến bao giờ không còn xài chúng nữa. Được vậy thì trong thời gian ngắn ngủi ta góp mặt với nhau trên cõi đời này, ta sẽ đỡ ân hận hơn vì ít “nặng” người bằng chính phiền não của mình và sẽ dễ cảm thông hơn khi bị vô minh của ai đó “tông” vào làm mình khổ lây. Bởi vì vọng niệm rồi sẽ phải tan, đâu có niệm nào thường hằng? Những cơn khùng của vọng tâm sẽ qua và sẽ lặng... Sau cơn mưa trời lại sáng, chúng ta lại nhìn nhau, chia sẻ niềm hạnh phúc của từng tí chút làm chủ tâm mình.

* * * * *

Lý Sự

Nào ai biết rằng khi thành Phật
Người gian nan vất vả đến ngàn nào
Chỉ thấy người sau khi thành Phật
Ung dung, an lành, phúc lạc biết bao!
Con đường ấy giờ người sau noi theo
Chỗ đến một nhưng lối đi lắm hướng

Dễ làm lạc người ôm nhiều tham muốn
Nôn nóng mau thành mà nhẫn nại tóe teo
Thánh ở giữa giòng người xúc nổi
Tâm hiền hòa bình lặng bao dung
Dễ thứ tha, chịu đựng đến vô cùng!
Mặc người đánh – còn la làng inh ỏi
Người mơ gặp quanh mình là thánh
Đề tương giao được đẹp ý vừa lòng
Trời vô tư lỗ mưa,, nắng khi không
Chẳng đúng lúc tâm mong, còn bị trách...
Thì vừa ý, làm sao vừa ý vọng?
Thỏa làm sao? Thỏa hết được tâm tham
Càng chịu nhau, lần chồng chất thêm làm
Khi tham vọng cứ tăng, không chịu đóng
Phòng bịt kín, nắng xuyên qua sao thấu?
Tâm sục sôi, sao đón được nụ cười?
Nhân quả phân minh, theo sát không rời
Trách ai – nếu mình gieo toàn nhân xấu?
Trăng vắng vặc khi mây không che phủ
Hồ tâm trong, hạnh phúc khỏi cần tìm
Thánh và phàm rơi rụng giữa tịch nhiên
Khi trực nhận tự tâm mình đầy đủ...

BÂY GIỜ MỚI VIẾT Hồi ký Hạnh Đoan

Thuở Viên Chiếu chị em còn doanh vẫy chưa ai đi trụ trì tứ tán, trong lúc lao tác bất giác nghe ai đó hỏi: – “Hồng biết Viên Chiếu mình ai sẽ là Tổ đầu tiên hén”? Dùng từ “Tổ” cho oai, chứ nói đúng nghĩa thì ai: “Ai sẽ chết trước nhất đây?” nào ai đoán được điều gì sẽ xảy ra. Câu hỏi kia vẫn thuộc diện xa vời. Rừng mới khai hoang, bện rộn tất bật. Cái gì cũng

“mới” nên từ “chết” có vẻ cũ kỹ quá. Nó sẽ đến – nhưng dường như chưa phải bây giờ – chúng tôi có sốt bệnh li bì vì chương khí của rừng, mặc câu: “Mạng người chỉ trong hơi thở...”, lỗ mũi chúng tôi cứ hít thở đều đặn, dễ dàng; dù lân cận quanh đây các thanh niên bị sốt rét cấp tính là lã ra chết nhấp nháy.

Thêm nữa, vùng đất sau cuộc chiến (dù mới hòa bình) vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Có hôm tôi đang bang đất ngoài rẫy đậu (Viên Chiếu 2) thì bỗng nghe tiếng nổ vang, nhìn qua dãy đất bên kia thấy cô gái và con bò máu me dính đầy, nghe nói cô cuốc đất trúng phải đạn. Chúng tôi cuốc đất cũng gặp đạn và lựu đạn hoài, mỗi lần cuốc trúng đạn, tôi luôn thấy chóng mặt. Chị Minh Ánh thì dạn dĩ hơn, cuốc phải quả lựu đạn chưa nổ thì chị bình tĩnh lượm nó để trên gò mối. Hình như lúc tia đậu chúng tôi đã chạm trán có đến hai quả lựu đạn như thế này, còn đạn lẻ tẻ thì lác đác, nghĩa là phải luôn đối mặt với nạn tai bất ngờ trong lòng đất. Do việc lao tác không thể ngưng nên chuyện rủi ro may đành phó thác cho số phận. (Dù vậy, chưa ai thương tích nặng hay tính mệnh bị đe dọa trầm trọng gì...)

Vài năm sau, dân số Viên Chiếu tăng đông. Có lẽ chị đến nhập chúng vào thời điểm này. Chùa có nhiều Phước, chị là Huệ Phước. Song hầu như cả chúng đều gọi chị là “Bà Phước”, tiếng gọi thân mật. mộc mạc, xuề xòa. Và khi nào muốn nhắc chị thì cứ nhấn âm tiếng “Bà” cho nặng là đủ. Ở Viên Chiếu chẳng ai kêu nhau bằng bà, ngay cả tôi vốn dĩ ứng với từ “Bà” vậy mà đôi lần cũng phải gọi chị là “Bà Phước”, chị đón nhận biệt danh chúng cho nghiêm nhiên như đó là tên mình.

Lúc chị mới vào, chị Thủy rỉ tai tôi:

– Con nhỏ đó gan cùng mình. Có lần nó giận ai hay phật ý gì đó, nó dám vô rừng trèo lên cây ngủ ngay cháng ba suốt đêm!

Tôi lén nhìn chị và bật cười. Cảm thấy chị gan thật. Tôi chưa bao giờ phỏng vấn chị về điều này, dù thỉnh thoảng cũng hay châm chọc chị:

– Nè, dòm cái mỏ nhọn hay chu của chị là biết ngay Quảng “Nôm” hay cãi, Quảng Ngãi hay la... Chèn ơi! Sao mà câu ví von đó trúng chóc hả?

Những lúc ấy mắt chị xoe tròn trừng tôi rồi chị phì cười. Dường như trong chúng ít dùng sự dịu dàng cư xử với chị, chị cũng ứng đối tương tự, chủ khách đều bộc bạch thoải mái, không chịu đả lầy lòng lầy lệ. Có lần tôi nghe cô Tri sự la chị:

– Bà Phước! Làm cho cố! Không biết lượng sức gì hết! Cái lưng bà có đau không hả?

– Đau!

– Ủa! Đang đau mà bung vác nặng như vậy đó! Tham làm! Ham hồ! Cúp cái lưng, gầy cái lưng luôn thì làm sao?

Chị không trả lời, mắt long lanh dần dần nước. Cô Tri sự quay đi hậm hực nhưng trong mắt cô đầy vẻ xót xa.

Khi chị làm Tri khó, món sở trường của chị là bánh ú, thịt quay chay. Chị làm bếp rất nhanh, gọn lẹ và ngon lẫm. Đạo ấy chùa còn túng thiếu nhiều người chị khéo xoay xở để chúng có được thức ăn ngon. chị đả thịt quay chay thường xuyên. Cô Trụ trì vốn ăn nói dịu dàng tế nhị mà vẫn “chường” chị:

– Bà Phước! Bà mà cho ăn thịt quay riết là tôi.. đập bà đó!

Chị cúi mặt tùm tùm cười:

Chị làm việc xốc vác siêng năng. Tới giờ tôi vẫn hình dung được dáng chị vác rựa chặt cây ngọt như chặt chuối. Hình như với chị không việc gì là khó cả. Trong mắt tôi chị là anh hùng lao động thầm lặng vì chị làm việc có ý thức trách nhiệm cao, các công tác chị lãnh thường vất vả nặng nhọc đã vậy thường luôn sẵn sàng chan trái đỡ đàn cho người.

Hồn thơ trong chị lai láng, chị làm thơ tràn giang và khoái ngâm thơ lắm, đến đổi chúng phải tặng cho chị biệt danh là “Hoàng Thi Thơ”. Những

đêm trăng sáng, xả thiền xong là chị ngồi trên hành lang trước hiên chùa cao hứng ngâm thơ. Chị Hạnh Phước bật cười nói:

– “Bả” ngâm thơ dở khệt vậy mà cứ ngâm hoài hà!

Bất kể thính giả có hưởng ứng hay không, chị cứ ngâm say sưa chẳng lý gì tới lời chê. Thành linh quay sang thấy tôi đang mỉm cười, cho là đã tìm được “tri âm”, chị liền trút hết cho tôi nghe. Tôi đành ngồi “chịu trận”. Thôi thà để lỡ tai mình bị “tra tấn”, còn hơn là đập tắt cơn hứng chí của chị. Vì vậy mà tôi được chị ngâm thơ cho nghe hoài hoài!

Có lần tôi thấy chị ngồi lộn lại mấy bao thơ cũ, tôi thắc mắc hỏi thì chị đáp:

– Lộn lại vẫn viết gửi đi được, vất bỏ chi cho uổng phí?

Tiết kiệm là đức tính tốt, nhưng liệu.. chị có vì thế mà thành hà khắc khó khăn với người?

Khi chị làm Tri khố, nhìn chị sắp đặt, lo bữa ăn cho chúng, tôi mới hiểu, té ra chị tiết kiệm tuyệt đối cho bản thân nhưng đối với người rất rộng tay hào phóng. Đó là tính chất “khắc kỷ lợi tha” đáng trân trọng. Tôi cũng chưa bao giờ ngỏ lời khen thẳng với chị về những điều mình ngắm ngưỡng mộ, mà có lẽ chị cũng không nhận ra ưu điểm nơi mình (ngoại trừ tài ngâm thơ?).

Khi tôi sửa soạn lên Tùng Lâm nhập thất dưỡng bệnh, chị có nói với tôi:

– Tự dung em muốn xin chúng nhập thất tu rục quá!

Ai từng tu mà không ước mơ làm chủ được sinh tử? Tôi cảm thông chị và bỗng thấy bùi ngùi. Tôi không ngờ khi tôi đi rồi, chị đi tắm biển và bị chết đuối. Mãi mấy năm sau ra thất tôi mới biết tin. Viên Chiếu đã an táng chị chu đáo, nồng ấm nghĩa tình chị em. Bỗng dung khi không mà chị thành “Tổ” đầu tiên của Viên Chiếu.

Thường nhật chị sống tốt, còn ôm nổi khát khao giải quyết sinh tử, mỗi người sinh ra có một kiểu người chết có hàng trăm kiểu khác nhau là lẽ thường, tôi tin chị sẽ có dịp thực hiện tiếp hoài bão của mình.

Mãi tới giờ tôi mới viết những dòng này cho chị thì chị mất đã gần hai mươi năm! Nhưng tôi chẳng ngại vì muộn màng. Dù tôi im lặng hay viết ra thì công hạnh chị lúc nào cũng ngời sáng. Mỗi người là một bản kinh kỳ diệu và tôi xin gởi nét kỳ diệu ấy cho người đọc, để chúng ta cùng tưởng niệm đến chị, một pháp lữ đã từng góp mặt trong thời gian ngắn ngủi ở cõi phù du này.

* * * * *

Lời Cuối

(Tặng chị Huệ Phước)

Nếu tôi biết lần gặp nhau hôm ấy
Là chia tay vĩnh viễn, thì này...
Tôi sẽ nện chị đau điếng vào vai
Thay lời tiên mình... âm dương đôi ngã!
Phật đã bảo xác thân mình là giả
Có mang vào rồi cũng phải cởi ra
Lúc mang thân mình khóa oa oa
Khi cởi trả, có hồn nhiên thư thả...?
Đời không phải trăm năm, hay mấy khắc...
Là giàu sang hay vinh nhục, bần hàn
Sóng cuộn trào trong lòng biển uyên nguyên
Ta gặp mãi, mà luôn quên khuấy mất
Khổ là lúc tâm điên, đầu vật...
Tham sân si bùng nổ chẳng thể dừng
Vui là khi tâm lặng, tĩnh an..
Thẳng kịp lúc niệm nổi lên dối gạt
Lối đi về của xác thân dễ thấy
Lối tâm tư đi đứng khó nhìn
Quan trọng gì đâu thân xác hợp tan?
Nếu tâm thức mình luôn tỉnh sáng
Tôi tặng chị mấy giòng thơ lai láng

Ơi hỡi! “Bà Phước” – “Hoàng Thi Thơ”!
Nẻo đi về xin sáng mãi chớ mờ
Dù sống, chết.. xưa nay vẫn vậy!

1983

Vô Thường

Ta cúi lạng tiền người về đáy mộ
Chợt ngỡ ngang trong khúc vô thường ca
Dẫu đã biết cung vòng từ thiên cổ
Bước sau cùng... cho kẻ trót sinh ra
Đêm thao thức buồn dâng như sóng vỗ
Thấy chập chùng viễn ảnh còn mờ xa
Hành trang trắng lên đường từ mấy độ
Đời lang thang vẫn cùng tử không nhà
Thôi nhé, người đi... ta tổng tiền
Đốt hương trầm rồi nhìn khói nhẹ lan
Ta ở lại giữa dòng đời hư huyền
Đốt hương trầm rồi nhìn khói nhẹ lan
Ta ở lại giữa dòng đời hư huyền
Có vui buồn.. cũng là thoáng mây tan.

CHÚT HƯƠNG NGÀY CŨ Hồi ký Hạnh Đoàn

Sáng sớm tinh mơ, chị Tịnh Niệm đã đập cổng thất tôi, nói vọng vào:

– Cô Hạnh Thanh chết rồi! – Nói xong chị vội vã bỏ đi.

Mười phút sau chị Ân chạy qua bắc loa báo lần nữa:

– Chị Hạnh Thanh bị tai biến mạch máu... đi rồi!

Lỡ tai tôi lũng bùng, đầu óc thoáng chao đảo. Biết là ai cũng phải chết, chúng tôi sẽ nối tiếp nhau đi vào cửa tử, nhưng với tôi quả tình chị ra đi hơi sớm.

Lần đầu lên núi, tôi là lính mới tò te, gặp chị cũng là tân binh, nhưng trông dáng vẻ hồng hào phương phi của chị, tôi cho rằng đây là một vị ni sư nên chấp tay bái chào lia lịa. Khi Viên Chiếu thành lập xong rồi, mấy tháng sau mới thu xếp xong việc nhà để vào thường trú với chúng tôi. Lúc ấy Viên Chiếu đang vào thời “khai hoang lập quốc” nên bất cứ ai gia nhập cũng được hoan hô đón chào ngậm, nhưng thực tế người bỏ đi nhiều hơn kẻ đến – vì cơ cực quá!

Trong hoàn cảnh ấy, càng nhọc nhằn chị em càng đùm bọc nhau, tình thân càng chan trái. Cô Hoa, chị Hạnh Thanh thuộc diện lớn tuổi nhất chúng cũng chỉ trên ba mươi, cô Đức làm huynh trưởng chỉ mới hăm mấy, còn tôi nhỏ nhất, vừa tròn mười sáu.

Giữa rừng đầy gai góc, muốn có lương thực tất cả chúng tôi phải bận như con thoi. Chị Hạnh Thanh vào Viên Chiếu trong tình huống tức cười: chị đang nguyện trả nghiệp nên bị nghiệp đòi tới tấp, đến nỗi phải nằm mẹp trên giường bệnh. Dù ở cái tuổi “toan về già” song chị vẫn là anh hùng lao động xuất sắc, dũng cảm có thừa, không hề từ nan một việc khó khăn nào.

Tôi chẳng bao giờ dám nguyện trả nghiệp, chỉ tùy duyên mà tiêu thôi. Bởi tôi sợ phát nguyện trả nghiệp mà lỡ ác nghiệp của mình nhiều quá nó tuôn ra ào ạt thì chịu làm sao thấu? Chị Thanh bị ghẻ nổi toàn thân đau đớn chẳng cử động được gì nhiều, may nhờ có bào muội là chị Hạnh Nhã chăm sóc tận tình (vừa chăm sóc vừa la đá). Nhìn chị Thanh chịu đựng cơn bệnh phải biết là chị rất giàu nghị lực.

Rồi cơn bệnh dần hết, chị nhậm chức Trưởng viên, dốc hết tâm huyết kiến tạo vườn cây ăn trái cho Viên Chiếu. Mỗi lần nhắc đến chị Thanh, chị Nhã; chị Thủy thường nói:

– Hai người này đúng là “khai quốc công thần” của Viên Chiếu?

Lời bình phẩm ấy không sai. Hai chị em giống nhau từ ý chí tu tới tinh thần làm việc năng nổ. Chiều chiều, trước giờ tụng kinh, hai vị thường sánh nhau đi trên lối mòn Viên Chiếu dưới tàng lá âm u của mấy rặng tre, quý cô thường bảo nhau:

– Trông kia! Dục Vương, Dục Thượng đang đi kinh hành!

Các chị mang biệt hiệu ấy bởi vì chị Nhã thường thổ lộ: hai chị nguyện đời đời là thiện tri thức của nhau, sách tấn nhau tu tới thành chánh quả!

Chị em họ rất thương nhau, ngọt bùi cùng sốt chia và chia... luôn những công tác nhọc nhằn trong Viên Chiếu để làm. Việc gì nặng thì tình nguyện làm, không bao giờ lánh nặng tìm nhẹ... các chị cũng chẳng ham làm quên tu, siêng năng ngồi thiền “lố” thời khóa, dù lao tác mỗi mệ̣t vẫn lúc thúc lễ bái sám hối chuyên cần.

Chị Nhã trước giải phóng chuyên đi dạy, vào tu viện mới bắt đầu làm nông, chị được bầu làm Trưởng ruộng và làm rất cực. Ra đồng sớm và về muộn hơn ai hết. Đã vậy, xả thiền khuya xong là chị tuột xuống bò đoàn tranh thủ chùi nhà tắm nhà vệ sinh sạch sẽ, gánh nước đổ đầy thùng phuy trước nhà vệ sinh và các thùng trong nhà tắm để chúng tôi làm ruộng về có mà dùng. Dù chùa có cất công tác vệ sinh luân phiên, nhưng đến giờ chấp tác, người làm vệ sinh phải ngẩn ngơ vì chị Nhã đã làm hết trội. Nếu muốn chu toàn trách nhiệm thì phải làm trước chị Nhã, vậy là xảy ra một cuộc đua ma-ra-tông do những cuộc tranh làm. Có người cho là chị Nhã thích kiếm phước thêm, thích “mót phước”... nhưng, công hạnh đặc biệt của chị không phải ai cũng có, vì vậy mà tôi rất ngưỡng mộ chị về điều này. (Vói chị thì đừng hòng đùn đẩy, nạnh việc... chị sẽ thâu hết cho xem) đây cũng là một nhân vật khó kiếm, một hạnh tu đặc biệt và thật thích khi tôi được nói đôi điều về chị, (dĩ nhiên là tôi không nói quá, tôi không muốn tâng bốc người những điều mà họ không có). Bây giờ xài nước đã có máy bơm, chẳng còn cảnh phải gánh lặn đận như ngày xưa, và chị Nhã nay cũng đã “tàn hơi hết sức” rồi, nhưng ý chí và tinh thần trách nhiệm cao thời ấy của chị đã thổi vào Viên Chiếu một luồng khí lạ, đầy tính phụng hiến hi sinh, thế nên từng giọt nước mát chị gánh cho chúng tắm

ngày ấy, tới giờ vẫn còn đọng lại trong tôi. Ngay khi viết những dòng này tôi vẫn thấy cảm động bồi hồi. Chị hành nhiều hơn nói và là một “thiện tri thức” hết sức... đúng nghĩa.

Chị Huệ cũng là dân quen đứng trên bục giảng “ăn hiếp” học trò, vốn chẳng thạo cuộc cày, nhưng chị và cô Hoa phảng cở ào ào, phảng... rất thiện nghệ, chẳng thua một đấng nam nhi nào. Nhìn họ làm tưởng dễ, nhưng cầm phảng lên tôi mới hiểu hết được nỗi khó khăn, phảng thử một chút là tay tôi đã sưng phồng, rướm máu; còn các chị thì phảng cở ngày này qua ngày khác, cở chỉ cở gai vốn ngổ ngáo và dai nhách, lại mau làm lứt phảng... thế nhưng các chị đã âm thầm chịu đau cho tay đàn em được lành lặn, không một lời than vãn... rồi khi buông phảng ra chị Huệ vẫn cạo gió cho người rất bèn, cô Hoa vẫn còn sức để cắt lễ đuổi bịnh giúp chúng tôi thật thiện nghệ. Đây là tính cách quảng đại bao che của các bậc đàn chị mà tôi không thể không nhắc đến.

Chị Minh Ánh thì giỏi cào cỏ, cào cũng phải có nghệ thuật sao cho cỏ nằm rạp bầy góc ra để đường phảng chém vào dễ dàng không bá vào lưỡi cào, cào vụng về người phảng sẽ mệt thêm! Chị Ánh làm rất thông dong (dù nhiều người đã luống cuống khi cào thử) có lúc một tay chị cào cỏ một tay thọc vào túi quần trông thật nhàn hạ (dạo ấy chúng tôi mặc đủ thứ đồ do người ta ủy lạo cho, kể cả quần lính, quần tây, miễn là dày để đối phó với đám gai rừng nên mới có túi để mà thọc tay vào) đôi khi sướng hơn còn móc được kẹo từ trong túi ra ăn để thấy trần gian này còn ngọt ngào lắm lắm.

Chị Hạnh Thanh thì phá tre dọn vườn, đào ao trồng sen súng, lập vườn dứa. Ngày nay Viên Chiếu có được vườn cây ăn trái thành khoảnh xum xuê, đâu có bàn tay đại chúng đóng góp thì công đầu vẫn là chị Thanh, vì chợ đã vất hết sức mình vào đó. Bây giờ từ thất tôi nhìn ra hàng dứa lộng gió, còn thấy thấp thoáng đọt sầu riêng. Cây sầu riêng lúc chị hạ trồng chỉ cao tới đầu gối, nhìn nó bé tí tôi vừa tưới vừa than: – Biết chừng nào sầu riêng mới lớn? Chị khuyến khích tôi: – Ráng đi em, Chừng mười năm nữa mình có trái ăn rồi! – Bây giờ đã hơn hai mươi năm, khi ăn sầu riêng có ai còn nhớ tới chị? Tôi vẫn mừng tượng được dáng chị mặc đồ vá chum

và đụp, nhanh nhẹn đi tới đi lui làm vườn, nước da không còn hồng hào mà xanh mét, vì màu xanh mét là đặc điểm của dân Viên Chiếu hồi ấy, quà tặng thân thiết của muỗi sốt rét.

Tôi đã từng làm chung ban với chị Thanh khá lâu, nghề của tôi là chuyên gánh nước cho chị tưới; có những cây giống chị phải về tận miền Tây để lấy, thường chị đi độ ngày rưỡi là về và không quên đem thao quà cho tôi; tôi hân hoan đón lon guigoz chè chị trao, trốn vào bụi chuối ăn sạch nhẵn (nên tôi rất sẵn sàng coi vườn cho chị đi lấy giống cây) nhưng cần lắm chị mới đi, vì chị thuộc diện ít khi rời khỏi chùa.

Khi mùa lúa chín tới khoe những hạt no tròn nặng trĩu thì chúng tôi phải thức đêm canh chừng đạo chích. Lúc ấy bọn trộm còn hiền lắm, thấy có chúng tôi hiện diện là chùn tay. Tuy là ban Tri Viên song chị Thanh vẫn tình nguyện thức canh trộm, dĩ nhiên phải canh hai người cho an ninh và tôi luôn là cái đuôi của chị. Bờ đê ruộng không chắc nhưng chúng tôi vẫn tìm được chỗ để hai cái sàng thien, mắc mùng ngòi trong đó “nhập định” tới sáng. Đêm mù sương nồng nàn hương lúa chín, mộng và thực trộn lộn hòa lẫn chập chờn trên đôi mắt ngái ngủ nửa tỉnh nửa mê của tôi. Canh độ dăm ngày là lúa được gặt tải hết vô bờ.

Lúa chín vào mùa lụt thì khỏi canh trộm, các ban làm trên bờ đều được huy động xuống nước gặt lúa khẩn cấp. Nước ngập tới thắt lưng, tới ngực... có chỗ sâu hút, đứng thẳng dang tay lên trời còn bị lụt tay. Các chị bảo chỗ này chắc là hố bom ngày xưa nên mới sâu dữ vậy. Dân biết bơi cỡ tôi, chị Thanh, chị Nhã thì lội ra chỗ sâu mà gặt. Đôi lúc phải lặn vì lúa nằm sát rạt, tôi có cảm tưởng mình gặt trong thế tròng chuối vì hai chân cứ bị đẩy chổng ngược lên trời, còn tay thì cố gặt (vót vát được cọng nào hay cọng đó) chỉ lo mát mùa đói thôi. Lúa gặt xong được chất lên bè đẩy vào chùa, ai nấy ướt loi ngoi, lạnh rung nhưng cũng ráng cười.

Nghe kể trước khi ra đi chị Thanh rất tỉnh táo, dự biết trước và nhắc lời mời Viên Chiếu làm đám cho chị, thật đáng mừng.

“Sinh như đắp chặn bông, tử như cởi áo hạ”. Chị đã trả hết nghiệp, một đời siêng năng tinh tấn, đối xử trọn nghĩa tình với người thì chuyện bỏ

thân dù sớm hay muộn đâu có gì để lo lắng, băn khoăn? Chiếc xe thân xác chị đã cỗi, đã đến lúc phải rã thì bạn đồng môn đều chúc mừng chị ra đi tinh sáng.

Thuở ấy tôi nhỏ nhất nên không thể kể về bậc đàn em, chỉ kể được về các bậc đàn chị của mình: “Làm việc không tiếc thân, giàu lòng quảng đại, hi sinh” đó là tính cách chị Hạnh Thanh mà cũng là của các chị tôi. Bài viết này xin thay nén hương dâng đến chị – cố Trụ trì thiền viện Tịch Chiếu – và cũng để gởi một chút tình đến các bậc đàn chị đã từng dìu dắt chở che tôi trong chiếc nôi Viên Chiếu khó quên.

* * * * *

Tiền Biệt

(Tặng giác linh chị Hạnh Thanh)

Tin chị mất trong một ngày giữa hạ
Em lặng người, nghe khoảnh khắc buồn len
Dẫu đã biết xác thân rồi phải rã
Câu vô thường đọc mãi vẫn chưa quen..
Nếu cuộc sống là cùng nhau chan trái
Trao niềm vui, thay nhận những ưu phiền
Chị bỏ xác, bọt tan vào đại hải
Lôi đi về, trăng tỏa sáng vô biên..
Vườn Viên Chiếu còn đơm đầy hoa trái
Ngọt ngào như nhân cách chị hiền hòa
Trong lòng chúng, chị vẫn còn sống mãi..
Nét siêng năng, tận tụy, vị tha..
Em tống tiễn không trầm hương, đèn nến..
Một bài thơ, dâng đến cỗi vô cùng
Giờ nẻo giác chị nhẹ nhàng cập bến
Hạt bụi hôm nào, tan vỡ thong dong...

DUỘC SƯ VÀ TÔI

Hồi ký Hạnh Đoan

Chị tôi tu ở Dược Sư, năm lên mười tôi lên thành phố trọ học, chỗ trọ cách chùa Dược Sư vài cây số nên khi rảnh tôi tha hồ chạy qua thăm chị và viếng chùa.

Nếu đến chùa mà đi đường lộ sẽ xa hơn đi tắt, lối đi tắt thì gần nhưng phải băng qua nghĩa địa và cua queo vòng vèo. Lần đầu dắt tôi tới Dược Sư, chị Phượng vừa đi vừa bảo tôi:

– Con đường tắt này mau tới nhưng khó nhớ lắm, em đi một lần mà nhớ hết thì công nhận là em thông minh.

Câu nói của chị làm hào khí trong tôi trỗi dậy, tôi nhìn lom lom từng ngã rẽ (vì bận về thì chị sẽ thăm tra kỹ năng nhớ của tôi, bắt tôi “trả bài” bằng cách đi trước dẫn đường).

Lối đi tắt luôn dẫn đến cổng sau chùa Dược Sư (tức là cửa sau nhà bếp). Đến nơi, chị em tôi vừa lên tiếng là quý cô mở cửa ngay.

Lần đầu ghé Dược Sư quang cảnh đập vào mắt tôi thật ngộ, rất đông quý cô hiện diện trong bếp đang lăng xăng xắt gọt, nấu nướng, rửa chén... một vài tiếng xì xào:

– Em Thủy đó hả, giống quá há!

Rồi có tiếng phản đối:

– Giống gì mà giống, chị em mỗi người một mặt!

Tới giờ tôi vẫn thích không khí ở bếp chùa Dược Sư, ấn tượng mà các nữ tu để lại trong tôi thật đặc biệt, (lúc nào cũng thấy quý cô rửa chén, có lẽ tôi đến cứ nhằm vào giờ này). Trừ ban giám sự ra hình như đa số quý cô đều rất trẻ, mặt ai cũng tươi tắn.

Hồi đó với tôi Dục Su là một cõi giới mới mẻ, lạ lùng; cho tôi niềm vui và sự thư giãn khi đến thăm. Lúc ấy tôi chưa biết phân biệt (chưa lưu tâm đến) đẹp xấu, nhưng trong trí óc tôi quý cô giống như thiên thần, tượng trưng cho hoan hỉ và hạnh phúc.

Theo lẽ tôi phải xá chào quý cô. Dục Su có 60 cô, ít gì tôi cũng phải xá mấy chục lễ, thật chẳng dễ dàng được gặp cảnh quý cô hội tụ để xá một lần mà hễ gặp vị nào là chấp tay xá vị đó... cho nên một lần nọ tôi đã òa lên khóc, quý cô lao xao hỏi thăm:

– Sao vậy? Sao khóc vậy?

– Hu! Hu! Híc!... mỗi cô quá! Chào mỗi cô quá! Bữa nay phải chào nhiều quá!

Ai nấy đều bật cười. Dù vậy, tôi vẫn không bỏ được cái thú đến thăm Dục Su và để bót... khổ, sau khi lễ các vị trưởng thượng xong, tôi chạy thẳng vào nhà kho; ở đây tôi thường gặp một sư cô già có gương mặt nghiêm trang ít cười, người luôn gật đầu trước cái chào của tôi và chỉ vào cái ghế bốt như có ý bảo tôi ngồi; thế là tôi tha hồ yên vị tại đó đọc sách mãi miết đến hết thôi.

Riết rồi quen, hễ thấy mặt tôi là quý cô cứ chìa sách ra, hầu như lúc nào đến tôi cũng có sách để đọc. Có lần cô giữ tủ thư viện xoa đầu tôi cười nói:

– Đọc gì mà dữ vậy? Gần hết sách rồi! Kiếm không ra sách cho mi đọc nữa!

Nhưng rồi dòm vẻ mặt của tôi, cô không nỡ để tôi thất vọng, lại cầm cúi lục tìm, cố kiếm cho ra sách mới đưa tôi. Tủ thư viện có hết thì vẫn còn tủ riêng của quý cô. Thế nên đến khi xa Dục Su, nguồn sách cung cấp cho tôi đọc vẫn chưa bị cạn.

Tôi nhớ hồi ấy cô Đức còn rất trẻ, cô chỉ mới 21, 22 chứ không phải trên ngũ tuần như bây giờ. Cô cho tôi mượn tập sách Tuổi Hoa của cô. Trong

sách có mục “Đồng Cỏ Non” dành cho các bé mà tôi rất thích. Thế là tôi nổi hứng sáng tác văn chương.

Đi học về là tôi hí hoáy viết, sáng tối gì cũng chúm mũi vào viết (không hề xấu hổ vì chữ viết mình như gà bươi). Tôi làm đúng như tòa soạn dặn, viết một mặt giấy xếp thẳng thớm bỏ vào bì thư.

Nhỏ bạn học cùng lớp khoe tôi là nhà nó ở gần bưu điện, để chắc ăn, tôi nhờ nó bỏ thư dùm.

Tôi canh hoài mà chẳng thấy bài mình đăng trên báo. Tôi hỏi nhỏ bạn:

– Mà có bỏ thư tao đàng hoàng không?

Con nhỏ chu môi:

– Chắc như bấp ấy, tao còn bỏ vào thùng thư bảo đảm giúp cho mày nữa kia?

– Là sao?

– Ngu ơi là ngu! Nghĩa là bỏ thư vào cái thùng có chữ “bảo đảm” sơn phía ngoài đó!

– Hiểu rồi, cứ gửi vậy là tới hả?

– Tất nhiên! Đã gửi là “bảo đảm” thì không bao giờ lạc!

Thế là tôi tiếp tục sáng tác, nhỏ bạn vẫn tình nguyện bỏ thư dùm, lá thư không có dán con tem nào được bỏ vào thùng “bảo đảm” cẩn thận, nghĩa là lúc nào cũng được gửi “bảo đảm” kiểu đó cả. Cho đến một ngày nhỏ bạn tôi hết kiên nhẫn, ca cẩm:

– Tao gửi bảo đảm chắc thế mà không thấy tăm hơi gì... thôi đừng viết nữa, bài mày dở quá họ không đăng đây!

Thế là tôi giải nghệ.

Sau đó tôi lại mò qua Dược Sư, lần này cô Đức béo tai tôi:

– Con nhỏ này, lớn rồi phải tập tánh nữ công nữ hạnh đi chứ! Vô đây! Vô đây! Ta tập cho mà thôi!

Tay tôi cầm kim có mà làm gãy kim! Cái tuổi lên mười thuở ấy tôi có biết gì mà lưu tâm đến nữ công nữ hạnh? Dòm mấy cái mẫu thêu thiệt đẹp của cô tự dưng tôi đâm sợ, thế là tôi trốn biệt.

Có trốn mấy thì những ngày Phật Đản hay Vu Lan tôi vẫn mò qua, trong khi ngoài cổng chùa con nít bu đen chờ lãnh kẹo bánh, thì tôi đã được quý cô dành sẵn cho một phần thật to, nên Dược Sư đối với tôi là một điểm viếng tuyệt vời, là một nơi ban cho tôi niềm vui và nỗi hân hoan suốt thời thơ ấu mỗi lần ghé thăm.

Tôi nhớ sư cô Đồng gương mặt tròn đầy đặn trông rất phúc hậu, mỗi lần bệnh tôi thường vào phòng thuốc Dược Sư, lãnh một mũi chích vào mông rồi đi cà vẹo cà vẹo ra về với bộ mặt nhăn như khi ăn ớt trước tiếng cười vang của sư cô.

Còn sư cô già trong nhà kho, tôi nghe quý cô thường gọi là cô Hồng, cô ít nói, nghiêm trang; nhưng mỗi lần gặp cô tôi cảm thấy sung sướng, yên ổn; vì từ tâm của cô tỏa ra mát rượi, dù cô không nói câu nào nhưng cử chỉ của cô làm tôi cảm động; vì có khi vào nhà kho bắt gặp cô đang ngồi trên ghé bố, trong lúc tôi đang khép nép e dè thì cô đã đứng lên (như nhường chỗ cho tôi ngồi vậy). Thấy tôi hoảng sợ không dám ngồi, cô dịu dàng bảo:

– Tới giờ cô làm việc rồi, cô không nghỉ nữa, con ngồi đi! Đừng sợ!

Thuở ấy tôi chỉ là một đứa bé, nhưng cử chỉ trân trọng của cô làm tôi nhớ mãi, nhớ mãi đến mấy mươi năm về sau, thậm chí giờ cô mất rồi, kỷ niệm xa xưa vẫn còn đọng lại trong tôi như dòng nước mát ngọt ngào.

Sau này lớn lên vào Bát Nhã tu, thỉnh thoảng tôi có gặp cô Hồng nơi cái cốc ven triền núi, dĩ nhiên tôi vẫn lễ phép bái chào, mỗi cảm mộ âm thầm

trong lòng tôi vẫn còn đầy, chẳng hề bày tỏ ra. Đôi lúc tôi cảm thấy mình thật lạ, mến mộ nhiều mà gặp vẫn thân nhiên, tri ân thâm mà tương giao như lạnh lùng.

Mãi đến sau này, một lần chị dâu tôi làm lễ trai tăng và có dành cho tôi một phần quà, cầm gói quà của chị trên tay tôi thích lắm, tôi thấy nó thật giá trị, vì nó chứa đựng cả lòng thương yêu chị dành cho tôi, tôi định mở ra xem nhưng dừng tay, bởi tôi nhớ đến cô.

Tôi muốn chuyển món quà đó đến cô. Hi vọng nó sẽ thay tôi chuyển tải tất cả những cảm tình, niềm mến mộ tôi hằng dành cho cô, dù không gặp nhưng được tặng cô chút gì đó thì thật là hạnh phúc.

Vài tháng sau cô mất. Thật là may vì tôi đã bày tỏ chút tình đến với cô kịp thời, nếu không tôi sẽ buồn suốt đời.

Cái thời ghé Dược Sư để chơi, để ăn và tha hồ đọc sách, tính đến giờ đã hơn ba mươi năm.

Dược Sư vô tình mà thành ươm mầm cho tôi, những cuốn sách Phật và những câu chuyện ý vị cứ thấm dần vào tôi như sương đêm thấm áo, những gì từng vay mượn và tiếp thu từ thuở bé, giờ tôi cũng đang bắt đầu hoàn lại. Đọc của người nên viết cho người đọc.

Tôi viết những dòng này thay cho lời cảm ơn Dược Sư, cảm ơn những nữ tu Dược Sư đã tiếp đón tôi bằng tấm lòng bao dung hoan hỷ, để tôi tha hồ tới lui ngồi mòn ghé đọc sách mà tuyệt không hề có một lời, một thái độ hay cử chỉ phàn nàn nào.

Ngoại trừ cô Đức và một vài cô quen thuộc ra, tôi không nhớ hết tên lẫn nét mặt của các nữ tu chùa Dược Sư thuở ấy. Tượng Phật ngồi bất động trên cao luôn mỉm cười hiền hòa, còn trong trí óc non dại của tôi; quý cô thuở ấy cũng thật hiền hòa và hoan hỷ giống như Phật.

12/11/2004

VIÊN CHIẾU THUỞ VỊ THÀNH NIÊN

Hạnh Đoan

Khi khu vườn Viên Chiếu hoa nở ngát hương, những cánh chim trưởng thành lần lượt tiếp sức đầu đàn dắt dìu đàn em, thì người ta luôn bắt gặp những nhân dáng trang trọng, nghiêm túc để có thể xứng đáng làm mô phạm cho hậu sinh, nên ít ai biết, tưởng tượng được đến cái thời đầu ngô nghê của Viên Chiếu, cái thuở vị thành niên còn nhiều bất toàn, và nụ cười hồn nhiên còn rộn rã ngân vang.

Từ Bát Nhã xuống Viên Chiếu, mỗi người được phát cái thùng giấy to để đựng “gia tài sản nghiệp” gồm ba bộ đồ, mừng mền, vật dụng tùy thân. Chỉ có cái đơn cô Đức là vật thể an toàn duy nhất, nằm giữa trung tâm cái cốc lá râu ria, đựng đủ thứ đồ hằm bà lằng, gồm tài sản riêng cô và của chung cả chùa – nghĩa là ngoài chiếc thùng giấy – chúng tôi cần gì cứ giở đơn cô ra lấy: tập vở, đơn từ, dây thun luôn quần, kim chỉ, nút, viết...

Tôi xuống Viên Chiếu chậm sau mấy chị cả tháng, nhưng chỗ hành lễ vẫn chưa thiết lập, nên thời kinh đầu của tôi diễn ra trong cái mùng tập thể giảng trên gác, cái mùng có sức chứa năm sáu người ngủ, vẫn khá rộng để chúng tôi ngồi tụng kinh. Tới giờ, chỉ việc ôm mõ chuông vào mùng, ngồi tụng ê a, đọc Tam tự quy xong là đã có thể ngã lăn ra, nằm bẻ tay chân lắc cắc trong mùng.

Tuần lễ sau, chỗ lễ lạy được thiết lập với bức hình Tổ Đạt-ma treo sát vách lá dứa, phía dưới là cái kệ đơn sơ để mõ chuông, án hương. Chúng tôi đã có thể đáp y áo hành lễ chỉnh tề, nhưng đây vẫn là thời nở rộ đủ trò nghịch ngợm.

Chị Minh Ánh có lần cạo đầu cho cô Đức đã ranh mãnh chừa lại ba vá làm gương mặt cô trông giống hệt hình vẽ mấy tiêu yêu của Hồng Hải Nhi, rồi chị cũng bị cô Hoa chừa lại cho một vá trên đầu giống hệt cái bàn chải chà chân. Rồi lúc hành lễ, khi giọng tán Phật của cô Đức xướng vút cao, kéo ánh mắt chúng tôi bay bổng lên và dừng lại nơi các vá, chóp,

dựng đứng chơm chớm ai cũng phải tùm tùm cười. Dù chúng tôi có thể nào thì gương mặt của đức Thế Tôn vẫn bao dung muôn thuở.

Rồi các vá chóp kia cũng được tẩy sạch sẽ. Chuyện cạo đầu tưởng như đơn giản nhưng cũng trở thành vấn đề khi cô Đức buộc phải xin phép Thầy cho chúng tôi mỗi tháng cạo một lần, thay vì nửa tháng.

Dao lam khan hiếm nên phải nhờ quý thầy Thường Chiếu mài lại cho chúng tôi xài. Tội nghiệp! Chắc là quý thầy mài mỗi tay, vì tháng nào cũng phải mài cho chúng tôi có mà thí phất (hết mài phảng cho chúng tôi phảng cỏ thì lại phải mài dao cho chúng tôi... “phảng” đầu.)

Đôi khi chị Huệ cũng ra sức mài phảng cho đỡ “báo đời” quý thầy, nhưng chắc chắn là không thể nào bén ngọt bằng Thường Chiếu mài cho. Tôi hỏi chị Huệ:

– Chị biết mài dao lam không?

– Chịu thôi! Chỉ có quý thầy biết! Dao lam khó mài lắm!

– Mài sao hả chị?

– Tui thấy thầy Thiện Trung bỏ vô cái ly mài mài!

Thầy mài thiệt hay, dao mài về bén ngọt. Nhưng tóc mỗi tháng mới cạo một lần, dao mài đi mài lại, lướt trên mười mấy cái đầu chúng tôi nghe ròn rột cứ như nạo dừa, thỉnh thoảng nó có dẫn xóc như xe dằn ổ gà, khiến người được cạo đầu cuối cùng mặt nhăn thấy mà thương.

Sau đó không biết ai biểu cho chùa hai cái tông-đơ – nghe tới tông-đơ chớ có mà tưởng bờ. Gặp tông-đơ lụt và chưa giỏi sử dụng thì sẽ là kẹp, giựt, nhỏ... tóc “chứ không phải hót tóc đầu”. Hồi nhỏ có lần thấy cái tông-đơ, tôi liền tưởng ngay đến cảnh “đẩy ngọt xớt” của các bác thợ cạo và hứng chí cầm nó lên “thử nghiệm” với chị tôi. Sẵn cái đầu chị tới tháng cạo, tôi cầm tông-đơ tới, kê sát vào đầu chị và đẩy một phát, chắc mammals là chị sẽ vui sướng, nồng nhiệt khen ngợi tôi, nào ngờ chị nhảy dựng lên hét:

A, á! mà muốn ám sát tao đây hả?

Nói vậy là đủ để hiểu chế độ cạo dao lam ngưng thì cái đầu đáng thương của chúng tôi phải nếm đủ mùi “tra tấn, hành hạ” của tông-đơ do những bàn tay chưa thạo nghề mà sử dụng tông-đơ lụt (Tôi chẳng nghe nói đến việc mài tông-đơ bao giờ). Chị Huệ “hành nghề” đỡ đau hơn những thợ tay ngang khác, nhưng muốn chúng tôi đỡ đau thì chị phải gồng kèm cái tông-đơ, cho nó đừng nhổ tóc, buông tông-đơ ra mu tay chị đỏ chạch đến tội. Rồi dần dà các thợ cạo Viên Chiếu sử dụng tông-đơ thuần thục, chị Huệ vẫn còn đỏ tay nhưng chúng tôi đã hết đau. Song tôi vẫn thất theo thương nhớ cái dao lam: – Ôi dao lam! Em đi đâu? Về đâu? Cho nên nói...?

Rồi trong buổi họp thường nhật sau khi tỉnh nguyện, thêm một tin mới: Phải tiết kiệm xà- bông tối đa, có thể sẽ không có để mà xài nữa! Chị Hạnh Thanh mách:

– Em thấy bông trà ngâm cũng ra bọt nhiều, giặt đồ được lắm!

Có người hiến kế nên xài nước tro nhưng tính ra ngâm bông trà có vẻ sạch sẽ hơn, song dễ làm mục đồ. Chỉ thời gian ngắn, chúng tôi được xài xà-bông lại, mỗi người được cắt chia một cục nhỏ, nếu ai xài hết trước thời gian ấn định thì ráng mà nhịn, nhưng chúng tôi đều biết cách tiện tặn, nên không đến nỗi nào.

*

Có lần tôi được cô Đức cắt cho công tác rất ư là phong lưu: Đi mua đồ “hợp tác xã” cái xã chút xíu thời ấy làm gì có “thương hiệu” mà “hợp tác”? Nói cho oai vậy chứ, thật sự là ra nhà bà Năm Quán sắp hàng chờ mua đồ! Tôi sắp hàng ngót hơn một tiếng thì được gọi tên tới đóng tiền mua được gói hộp quẹt diêm và mười mấy mét vải xoa màu xanh chói mắt (không lãnh phải vải hoa là may rồi) Hợp tác xã bán gì thì lãnh thứ ấy. Hồi đó vải hiếm nếu có thì cũng mắc, sắp hàng mua nghe như cực, nhưng giá bán rẻ hơn ở chợ nên cũng đỡ (có còn hơn không mà!) Thế là vải đem về chị em chia nhau, mỗi người may được một cái quần, đi nghe sột soạt như “Liên khúc quần xoa...”

Mùa đậu, chúng tôi kéo hơn nửa chúng ra làm rẫy gần đất Thường Chiếu. Trên đường đi, chiều gió lộng phả hơi me ngào hấp dẫn từ ngõ nhà bà Tám Đồi, chúng tôi dừng lại, bu quanh chảo me ngào (Hồi đó, mỗi lần đi công tác xa chùa thường đưa cho người lớn nhất trong nhóm giữ ít tiền dần túi để phòng có sự cố). Tôi nghĩ là cứ ngắm quà bánh thì chẳng có tội vạ gì, nhưng chị Huệ đã mua mấy đồng me ngào, bà hàng múc cho một dùm (to cỡ nửa bàn tay) bỏ vào miếng lá chuối, chúng tôi xin thêm mười mấy que tăm cùng xúm xít thưởng thức me ngào đến liếm sạch lá, lần ấy tôi đã âm thầm “nể” chị Huệ mà không dám nói ra (nể vì chị dám xài sang hào phóng mua me cho chúng tôi để cùng “ăn hàng tập thể”. Bởi ngân phí vốn eo hẹp, mọi thứ quà vật đều là xa xỉ phẩm, chỉ nên nhìn chứ không nên với tới, lần này cùng nhâm nhi me, mặt ai cũng tươi roi rói, khiến người ta phải buột miệng khen: “Mấy cô tu sao mà vui quá”.

Thường Chiếu thương em út, lâu lâu có cái bánh hay món gì ngon cũng nhắc chúng tôi ra ăn. Đi công tác hay ra Thường Chiếu dự “tiệc”, chuyện lợi bộ đi sớm về khuya là chuyện thường. Đường bộ hồi ấy vắng hoe vắng ngắt, càng về khuya chỉ có chúng tôi là khách lữ hành, cái máu văn nghệ lại nổi lên, chị Huệ hát thật hùng: “Không phải là lúc ta ngồi mà chờ có được tốt đẹp. Mà phải khởi từ nhọc nhằn hay gian khó...”, tiếng hát xua tan cái lạnh giữa đêm thâu, rồi chị em cùng nắm tay nhau ca bài: “Nói vòng tay lớn” của Trịnh Công Sơn, dưới ánh trăng khuya vàng vạc soi đường.

Trăng ở rừng luôn huyền ảo và đẹp mê hồn. Do vậy mà xả thiên xong, vừa rảo rảo đi kinh hành chợt nghe vang lên tiếng hát của một người say trăng: “Đêm nay trăng sáng quá ai ơi” Còn đang ngỡ ngẩn thì đã nghe bồi tiếp: “Gác trọ về khuya trăng gió lùa”. Giọng hát êm êm và thật du dương, đích thị là giọng của cô Đức! Chúng tôi ngửa cổ phụ họa theo: “Trăng gầy nghiêng bóng cài song thưa”, nhạc “Ráp” được hình thành, kết nối bởi những câu ngắn ngủi để diễn tả cảm xúc dạt dào với trăng. Thời ấy, ở độ tuổi sung sức dư hơi hát hò, nên giọng ai cũng hay cực kỳ ! Khó mà cảm được màn hòa tấu văn nghệ đột xuất. Chị Minh Ánh còn ráng chen thơ thần vào với cái giọng Quảng chắc nụi: “Tối nay có một nửa trăng thoi. Còn nửa kia ai... cắn mất rồi?”

Màn hợp tấu kết thúc, chúng tôi lục tục đi ngủ. Đêm vào khuya chỉ còn lại tiếng côn trùng nỉ non và mảnh trăng vắt ngang lưng trời dịu dàng tỏa sáng.

*

Chúng tôi đang dùng cháo chiều, cô Đức từ ngoài ngõ đi vào, thả túi xách xuống đã kể ngay:

– Trưa hôm qua chị với Giải Thiện đón xe đi thành phố, chờ hoài không thấy xe, gặp ông cà-rem đi tới chị mua cho mỗi đứa một cây, vừa mua xong thì xe trở tới.

– Vậy rồi sao hả cô?

– Thì phải lên xe với cây cà-rem, chị đứng quay vô kẹt, che cái nón lá để ăn – nhưng mà không có yên – thằng nhỏ ngồi trên xe khóc ré lên, hét đòi:

– Ba, cà-rem! Cà rem!

Ba nó nhìn dáo dác, ngơ ngác hỏi:

– Cà-rem đâu con?

Nó chỉ tay về phía chị:

– Đó! Cà-rem! Cà-rem!

– Thiệt mắc cỡ muốn chết!

Cà-rem thời ấy có khi nửa ngày mới gặp bán một lần, nghĩ đến cảnh cô Đức leo lên xe với cây cà-rem “bỏ thì thương vương thì tội”, chúng tôi thâm ý cười dài.

*

Mỗi khi làm ruộng mệt cô Đức thường ngồi trên bờ đê hát: “Ta đã thấy gì trong đêm nay, cờ bay muôn ngọn cờ bay”. Ban ngày, nên tôi chẳng thấy cờ mà chỉ thấy mạ xanh rờn típ tấp, nhưng giọng ca êm nhẹ của cô rất hay. Dòm cái mặt ngẩn ngơ của tôi, cô mỉm cười nói:

– Để chị dạy cho mà hát: Nào! Thùng thung lũng, thùng lũng thùng bể, thùng thung bể, thùng bể thùng lũng, thiếc thau thau thùng... thùng thau! Âm điệu vui nhộn của cô làm tôi khoái chí vỗ tay đôm đốp nhịp theo.

*

Thời gian đầu Viên Chiếu ăn toàn tương do cô Giải Thiện chế biến, tương cô làm ăn hoài không hết, dù chỉ có một hũ nhỏ, bởi lẽ cô cứ nấu nước muối đổ vô khi nó vừa cạn. Chị Thủy thường gọi là tương “chòn”, tương mới làm gặp mưa dầm khí ẩm màu lờ lợ mùi lại hăng hắc. Cô Thiện thuộc dạng đảm đang khéo léo nhưng bị hai chữ “tiết kiệm” trói tay, vả lại, có một câu thành ngữ quen thuộc: “Ai khéo mấy vô Viên Chiếu cũng phải bị tổ trác”. Đó là lí do tương có mùi khó ngửi và màu sắc không giống ai, thêm màn nước muối đổ vô hoài, ăn riết chịu hết thâu, chị Thủy nhăn nhó phản kháng:

– Giải Thiện Này! Mi đừng lén đổ nước muối vô tương nữa, ăn hết nổi rồi!

Cô Thiện cười hì hì và sau lần kêu rêu đó tương “chòn” mới cáo chung.

Cô Thiện xuất thân từ “lò” miền Trung nên kiểu tụng niệm của cô có âm điệu rất hay cộng thêm âm thanh “chuông vàng” trời phú. Nhưng ở Viên Chiếu thời gian lâu, bị cách tụng “phang ngang” của chúng tôi ảnh hưởng, cô than thở:

– Ôi! Thiên tông làm hư cái giọng em! Về ngoài nớ tụng ai cũng cười em hết!

Dù vậy mỗi khi cô hô chuông tọa thiền, nhiều Phật tử đến chơi nghe được đã buộc miệng xuýt xoa:

– Trời ơi! Cái giọng nghe như tu đâu mười kiếp rồi vậy! Nghe là muốn đi tu liền!

Quả thật tiếng niệm, kệ chuông của cô khiến người nghe mang cảm giác lâng lâng siêu thoát. Nhưng có một lần tiếng cô đã làm tôi bủn rủn tay chân, hồn phi phách tán. Ấy là vào một đêm khuya không trăng, tôi kinh

hoàng lạnh cả xương sống vì tiếng ré inh ỏi của hai giọng nữ the thé lạnh lạnh: Cháy! Cháy! – Đúng là giọng thanh tao xuyên suốt từng truyền cảm của cô Giải Thiện, giờ đây nó đang truyền sự kinh hãi tột độ bởi âm thanh được bật lên vào lúc 0 giờ với tâm tư cực kỳ hoảng sợ, thừa sức làm rón óc người nghe. Thêm vào đó là tiếng hét như còi cứu hỏa của chị Thủy cũng không thua kém! Hai âm thanh nữ này “hợp xướng” đủ để tôi bật dậy như cái lò xo, rưng rờ hết tứ chi, không còn biết đâu là cửa mừng để chui ra, và mình đang hiện diện ở chốn nào nơi trần thế? Cuối cùng tôi cũng chui ra khỏi mừng (sau khi đã đâm đầu vào vách lá dừa mấy bận). Tôi thấy người leo lúc nhúc nơi cầu thang ọp ẹp để tiến đến gác (trung tâm của điểm cháy).

Nguyên do là cây đèn dầu bé tí nơi kệ thờ nổi hứng phụt lửa cao tấp vào bức hình Tổ Đạt-ma treo sát vách lá. Thật may, đúng ngay lúc ấy cô Đức trở mình quay qua bắt gặp, cô vội la lên. Thế là một loạt báo động của những kẻ còn đang say ngủ, mắt còn nhắm, nhưng miệng đã la được inh ỏi, đủ sức dựng tất cả thức dậy cứu hỏa. Cô Hoa bình tĩnh nhất, giường cô nằm kê tôi ở dưới đất; nhưng cô đã leo lên gác tự lúc nào và đang chỉ huy dập lửa. Chị Phụng lúc ấy ở Sài Gòn ra chơi cũng xăng xái phụ chữa lửa bằng cách xách một thùng nước, leo lên cầu thang trao tận tay cô Hoa. Cô nhanh nhẹn đón lấy và thẳng thốt la lên:

– Trời đất! Sao đưa chị cái thùng rỗng, không có nước?

– Hả? Hơ!... Quýnh quá em quên mức nước!

Khi lửa được dập tắt xong thì thiệt hại chỉ là bức hình Tổ Đạt-ma, hình vẽ Ngài cháy hết, còn tro lại chiếc giày (nhờ quảy ở trên cao). Chị Thủy hí hoáy ghi vào nhật ký: “Tổ Đạt-ma nhập Niết-bàn hồi 1 giờ khuya để lại chiếc giày”.

Thật may mắn cho chúng tôi, lửa phụt cháy giữa khuya, vách là lá dừa, sàn toàn ván thông, đều là các thứ dễ bén lửa, nếu không có cái trở mình nhiệm màu của cô Đức và tài chỉ huy chữa lửa kịp thời của cô Hoa thì thiệt hại không phải nhỏ!

Kiểm điểm tổn thất sau cuộc cháy xong, chị em nhìn nhau cười rạo rỡ, vì rõ ràng may nhiều hơn rủi, vách lá mọi thứ đều còn y nguyên, chỉ có Tủ là... hy sinh.

*

Rồi Huệ Chiêu được thành lập, tình giao hảo của các thiền viện luôn thăm thiết. Huệ Chiêu sinh sau vẫn tiếp nối truyền thống ăn độn. Xuống thăm Huệ Chiêu lúc nào cũng thấy bữa khoai lóc cóc. Khoai mì, khoai lang phơi đầy từ sân ra ngõ, vậy mà hề có gì ngon là cô Minh (Trụ trì chùa Kim Liên bây giờ) ít khi chịu hưởng một mình, cô luôn hào phóng, bản tiếng mời chúng tôi xuống dự. Chẳng hạn “sắm” được mớ nấm với ít đồ lê-ghim để nấu nước lèo, cô sốt sắng mời Viên Chiêu xuống ăn mì gói. Gia tài Viên Chiêu chỉ có vài chiếc xe đạp, dù đường lộ đã có xe khách đi rải rác, nhưng cái túi tiền không cho phép chúng tôi “sang cả” ngự trên xe. Thế là chị em kéo nhau lội bộ xuống Đại Tùng Lâm dự “yến tiệc”, tất nhiên phải đi vào ngày nghỉ công tác. Sáng đi, trưa đến, chiều về, tô mì gói cũng tiêu hóa theo từng bước chân cuộc bộ. Nhưng cái chính là tấm lòng tốt của những vị pháp hữu luôn còn mãi và đến bây giờ vẫn chưa tan trong tôi.

*

Thời ấu nhi của Viên Chiêu tất nhiên là không giống lúc trưởng thành. Những người tuổi trẻ thuở xưa nay đã tóc bạc, mặt nhăn, vai mang đầy trọng trách; không còn luyến lưu gì với trò chơi bong bóng nước và những thú vui đùa ngày nhỏ.

Xưa và nay dẫu có cách biệt thì vẫn còn một điểm chung để giống. Đó là cái tâm trong sáng, giàu lòng từ ái, chính cái tâm này đã giúp cho Viên Chiêu sống an hòa dù ở bất cứ thời điểm nào.

CÒN CHỨT GÌ ĐỂ NHỚ

Hồi ký Hạnh Đoan

Hồi mới lên núi, cùng tuổi tôi chỉ có Hạnh pháp, Hạnh Khiết. Lúc đó tổng số dân ở Bát Nhã chưa đến bốn mươi người. Già nhất, lớn nhất là cô Bảo. Có lẽ vì vậy mà một vài chị đem cô ra hù dọa tôi:

– Cô Bảo khó lắm đó, tu được, ở yên đây hay không là tùy cô đó nhen!

Nghe vậy, mỗi lần đi ngang cô tôi lấm la lấm lét, không dám thở mạnh vì sợ cô sẽ đuổi mình xuống núi, và để tránh cô được là tôi tránh liền. Nhưng tránh thế nào mà một hôm bất chợt tôi chạm trán ngay cô, chưa kịp tháo lui thì cô đã lên tiếng:

– Này! Bao nhiêu tuổi rồi?

Tôi đáp khe khẽ:

-Dạ thưa, con mười sáu! Cô gật gù:

– Vậy là nhỏ hơn Hạnh Thiện ba tuổi! Tôi giật mình nhìn nụ cười mỉm của cô, âm vang về lời đe dọa vẫn còn ám ảnh. Rồi những lần gặp sau, cho tới lúc bắt gặp nụ cười lần thứ ba, thứ tư của cô, tôi mới phát hiện ra ánh mắt cô thật hiền và bao dung. Kể từ đó tôi hết lấm lét và thấy cô thật dễ mến.

Hồi đó chị Minh Anh trông còn rất trẻ, ăn bột xong chị vét sạch tô, để nó lên đầu rồi ngồi trên cái võng đu đưa hết ga, thấy cái tô trụ vững trên đầu chị không hề chao đảo nghiêng rớt gì, tôi rất thán phục. Tôi ước lượng chiều cao, vóc dáng, tính cách nghịch ngợm của chị rồi ngẫm nghĩ: -“À! cái người này mình kết bạn được đây! Chắc chỉ độ mười ba tuổi là cùng! Trang lứa với nhau tất nhiên là dễ chơi hơn rồi!” Và tôi bật ngựa khi biết mình kém chị đến bảy tuổi. Nhưng không sao, nụ cười vô tư của chị làm

tôi cảm thấy yên tâm. Hạnh Pháp sốt sắng hướng dẫn tôi cách bày xếp bò đoàn, còn chị Thanh Tịnh thân thiện dẫn tôi đi thăm các nơi trên núi. Khóa ngồi thiền đầu đời của tôi tại Bát Nhã nhằm vào buổi trưa, chỉ có một tiếng mà dài như thế kỷ. Mới chân ướt chân ráo lên núi thì gặp ngay giờ tu. Tôi chẳng biết gì, thấy người ngồi thì mình ngồi theo. Cho nên giờ tĩnh tọa đối với hạng lính mới như tôi quả là khổ hình. Đau nhức cực kỳ mà người chung quanh cứ điềm nhiên bất động, tôi liếc lén cô Hương đăng, người nắm giữ cái chuông, người định đoạt khổ vui của tôi trong giờ phút khó quên đó là cô Như Tuệ, mà ác cái nữa là ... dường như cô rung chuông xả thiền hơi trễ ? Con chờ đợi đặng đặng đã biến tôi thành đệ tử trung thành miên mật với Đức Quan thế Âm, tôi thành khẩn niệm hồng danh ngài: - “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ

Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát!” Khi tiếng chuông “cứu rồi” ngân lên, từ đầu tới chân tôi mồ hôi tuôn như tắm, chị Thanh Tịnh nhìn tôi bằng ánh mắt đầy thông cảm, bởi vì hình như “câu đoạn trường” này ai cũng một lần qua...

Sau đó chúng tôi trao đổi kinh nghiệm, chị cười vui vẻ:

– Thấm thía hết biết hả? Lúc Tịnh mới ngồi lần đầu ấy nghen, trông xả thiền quá trời! Tịnh niệm gì có biết không?

– Niệm gì?

– Tịnh niệm... Nam mô rung chuông!

Thuở ấy tôi chưa có ý niệm rõ rệt là mình thích núi hay đồng bằng, nhưng khí hậu trên núi quả là tuyệt. Bát Nhã nằm ngó ra biển, mặc dù thành phố phía dưới chỉ chút đường, đầy xe cộ qua lại, song tiếng ồn khó mà vọng lên núi. Tôi có thể nhìn bao quát khắp, nhưng thu hút nhất vẫn là biển. Buổi sáng ngắm mặt trời lên trong lúc sương mù còn giăng khắp mặt biển khiến cảnh vật có vẻ mờ ảo nên thơ. Ngay cả vì sao hôm trên núi cũng tỏa sáng rạng rỡ và thu hút. Tôi dùng từ “thu hút” vì tôi là kẻ lười ngắm cảnh, ít khi chú mục vào trăng sao. Vậy mà nhắc tới Bát Nhã là tôi nhớ ngay vì sao hôm đứng độc lập tỏa sáng, dường như chẳng nơi nào thấy nó rực rỡ

hơn bằng trên núi, sao hôm nằm về hướng nhà vệ sinh Bát Nhã, đó là lý do nó đập vào mắt tôi thường xuyên, trước khi ngòi thiên và sau khi xả thiên xong, trên đường ra “phía sau chùa” hình như mắt tôi luôn dán vào vì sao hôm quỳnh rũ, thay vì nhìn xuống đất để bước cho khỏi té. Phạt chúng đạo ngay lúc nhìn sao mai mọc, còn tôi thì cứ mê một vì sao hôm trên núi và chẳng có tí tẹo cảm ngộ nào.

Cho tới khi xuống Viên Chiếu, tôi vẫn để tâm tìm kiếm vì sao hôm “của mình” nhưng nó lu mờ quá. Chẳng có tí cuốn hút nào nên tôi thôi không thèm để ý đến nó nữa. Nhưng hễ nhắc tới Bát nhã là tôi lại nhớ đến vì sao hôm và có cảm giác như một chút hồn mình đã... nằm ở trong, vì nó rực rỡ quá, nên thơ quá! Hèn gì mà người ta nói ở trên núi ngắm trăng sao thú vị hơn đồng bằng rất nhiều. Mỗi lần thấy con trăng lả lơi trên mặt biển, chị Huệ cao hứng ca:

“Trăng lên ... sáng ngời, treo trên biển trời... tình ơi! Một đàn con gái ra ngòi nhìn ... trăng...” Vâng! Xả thiên xong đó ai mà không nán lại dán mắt vào trăng, câu hát của chị Huệ càng làm tôi đực mặt ra nhìn trăng đến ngẩn ngơ... tôi có cảm giác như mình đang ngự ở “cõi trên” khi nhìn mây trắng bành bồng trước mặt lướt trên biển khơi nhuộm đầy sắc trắng lóng lánh.

Đó là cảnh trên trời, còn dưới đất chẳng có gì thơ mộng lắm. Nhất là khi tôi và chị Minh Ánh giữ nhiệm vụ xeo đá trong lòng núi, phải dùng xà beng nạy để búng nó lên, có khi tôi phải đu, ấn cả thân mình lên cây xà beng thì tảng đá to đùng mới chịu nhúc nhích chút đỉnh, moi được nó lên để xô nó lăn xuống núi thì bàn tay học trò của tôi cũng rộp phồng, rướm máu. Coi bộ muốn có đất mềm để lên vòng trồng khoai chẳng dễ dàng gì.

Hồi ấy ở Bát Nhã chiều nào cũng ăn bột gạo lúc với muối. Nhưng gặp lúc khách đông, chuyện tính khẩu phần nhằm vẫn xảy ra nên bột khuấy thường bị dư, có khi tôi kiểm tra lại thấy dư đến hai ba tô. Mà bột để tới ngày mai thì ăn rất ngán. Cô Minh Tứ (đương kim tri khó lúc đó, Trụ trì chùa Bửu sơn hiện giờ) thường đưa ra chiêu bài dẫn dụ tôi:

– Này cung! (Giọng cô ngọt như mía) cung ăn bột dư không? Chị cho nửa tán đường...

Để gì được ăn bột có đường, thấy cũng quyền rũ đó, nhưng tôi còn trả treo:

– Nhưng mà bột dư tới ba tô, vậy thì đường...

– Được rồi! Chị cho một tán!

Sẵn lúc đó chị Phượng ra chơi lâu, tôi rủ chị làm đồng minh. Hai chị em chia nhau tán đường và thanh toán sạch ba tô bột. Chiều mà dư một hai tô thì đừng hòng ra giá, trả treo, nhưng dư từ ba tô trở lên thì coi như màn dụ dỗ thường xuyên xảy ra. Kết quả là, sau thời gian ăn bột dư tôi với chị Phượng mập tròn như hai bao gạo. Có lần chị Như Pháp mò lên núi nghe kinh, chọt chị khe khẽ rí vào tai chị Phượng:

– Phượng nì! Mai mi về chùa sư bà, có lên núi lại thì nhớ mang cho tau mấy tán đường hỉ?

Chị Phượng về ăn cắp ba tán đường của sư bà gói giấy cẩn thận rồi cho vào túi áo nhật bình, đến khi trao tay được cho chị Như Pháp thì đường đã chảy tùm lum ướt cả áo, nhưng không sao, chị Pháp vui vẻ đón lấy bằng gương mặt cực kỳ rạng rỡ, chỉ có gương mặt chị Phượng là méo xệch khi bị sư bà la vì tội chôm đường.

Trước thiền đường Bát Nhã là cái hồ to. Nắp hồ tráng xi măng phẳng rộng nên chúng tôi có thể ra đó tĩnh tọa để hít khí trời thoáng mát lồng lộng gió biển thổi lên, thay vì ngồi trong thiền đường cửa lưới bí bùng ngọt ngạt. Chị Minh Anh là vua ngủ gật nên chị quyết định chọn nơi tĩnh tọa khá cheo leo – ngồi sát thành hồ để răn mình – nếu lỡ ngủ gật thì sẽ té nhào thẳng xuống phía dưới. Đương nhiên chị ngồi ngay trước mắt chúng tôi, cô đơn nơi một góc hồ trước bao nhiêu cặp mắt đang nhắm tít “nhập định”. Nhưng tiếng “lạch cạch” của chị làm tôi tỉnh giấc. A không! – “xuất định”!- Hình như đa số đều mở mắt trao tráo trước kiểu gục “phi phạm” của chị, nghĩa là chị gục tha hồ, thậm chí ngã ngựa người ra sau hoặc sàng

ra hai bên, chị cứ “xoay” đều đặn theo hình bán nguyệt, nhưng trong vô thức chị vẫn khôn ngoan ngã ngược ra phía sau, tuyệt đối không hề nhào ra phía trước. Có “nhập định” kiểu này tới ... sáng, thì tính mạng chị vẫn an toàn vô hại. Khi xả thiền, trước nụ cười của bè bạn chị cười ngổn ngổn nói:

– Công nhận thức Mạt-na mình mạnh ghê hỉ? Nó nhất định bảo vệ mình đến cùng!

Đến lúc xuống Viên Chiếu, dù có là “Đệ nhất tinh tấn” thì chị vẫn được xếp vào hàng cao thủ ngủ gật. Căn gác chật hẹp chỉ đủ sức chứa dăm sáu người ngồi trước bàn Phật, hầu hết mọi người đều ngồi trong lòng để tránh muỗi sốt rét đang hung hăng tìm mồi. Tôi đang tỉnh tọa trong lòng thì bỗng hết hồn vì có ai đó vạch lòng mình lao thẳng vô – Hoá ra là chị Phượng!- Chị ra chơi, ngủ lại và tiếng động khác thường của buổi thiền khuya làm chị kinh hoảng nên vội lui đại vào nép cạnh tôi cho đỡ run. Chị chỉ vào giường kế bên lấp bắp:

– Có bị bệnh gì không mà sao ... làm ghê quá ?!

Tôi định thần nhìn theo hướng chị, thấy chị Minh Anh đang gục ngã nghiêng, chao đi lắc lại hai bên, tay đập xuống đơn liên hồi như nện trống, tôi không nín được cười. Thật ra thì chuyện gục gặc lúc ngồi thiền là lẽ thường, nhưng do chị Phượng ít khi chứng kiến cảnh này, chưa quen nên mới hoảng sợ như vậy.

Hồi mới xuống Viên Chiếu cô Từ Thanh làm Quản viện (khi đó chưa có Huỳnh trưởng), nếu ngồi thiền thi với cô thì bảo đảm sẽ thua, vì cô ngồi thẳng đuột, vững như chuông úp, từ đầu tới cuối, cô không hề gục, không nghiêng ngã gì, chỉ có một điều duy nhất để nhìn ra sự khác lạ, đó là... tiếng ngáy của cô! – không to- nhưng đủ để người bên cạnh nhận ra được. Tôi chẳng phải là kẻ khám phá ra kỳ tích này, nhờ chị Thanh Tịnh méc, tôi mới biết và phải gật gù đồng ý với câu phẩm bình của chị Tịnh: -“Đúng là tuyệt chiêu! Chẳng ai ngồi thẳng, đẹp như cô! Có ngủ cũng không ai biết! Hay thiệt!”

Bát Nhã nằm cạnh Chân Không, nhưng tôi vẫn thấy Bát Nhã có nét gì đó hoang dại chứ không trầm mặc trang nghiêm như Chân Không. Có lẽ là khung cảnh, nhất là con đường đi từ dưới chân núi lên tới Bát Nhã, đường bên Bát Nhã dốc đứng lồi lõm nhưng ngắn và mau tới hơn. Còn đường lên Chân Không dài, lồi lõm, vòng vèo, dễ đi và cảnh trí thơ mộng cực kỳ, leo hết mấy bậc thang thì đã thấy Chân Không hiện ra hùng vĩ, đẹp như... mơ! Muốn thưởng thức nét đẹp trên núi thì những lúc rảnh rỗi tôi thường lang thang thám thính khắp đồi núi bên Chân không, bởi vì cảnh trí Bát Nhã chẳng làm sao tuyệt bằng cảnh Chân Không, vốn đã được Hoà thượng gây dựng công phu từ thời Bát Nhã chưa chào đời.

Lên núi, tôi bắt đầu ném mùi “cát ái” từ chị Thủy. Hồi ở nhà tôi là út nên có gì chị cũng nhường cho tôi. Tôi đã quen mừng đó nên rất ngạc nhiên khi thấy tính cách “cao thượng” này biến mất, không nhìn được, có lần tôi buột miệng hỏi:

– Hồi đó cái gì chị cũng nhường em, sao giờ... lúm hết trơn vậy?

Chị lột viên kẹo bỏ nhanh vào mồm, đáp:

– Phần tao ăn còn không đủ, có đâu cho mày?!

Tôi ngẩn người, hiểu ra và bật cười. Thời đó thiếu thốn đủ thứ, một tán đường cũng thuộc loại xa xỉ phẩm, mà cái tuổi hai mươi lăm đang độ thanh xuân của chị rất cần “ nạp” nhiều nhiên liệu để có đủ sức mà lao động nặng. Bà chị trước mặt tôi giờ đã không còn là một thư sinh ăn uống nhỏ nhẹ, một liễu yếu đào thơ nữa rồi. Mà hình như ai đặt chân vào Bát Nhã, Viên Chiếu, thì tất cả cốt cách trang đài đều bay biến, đa số đều biến thành dân võ biên, ăn uống như hạm, nếu không thế thì làm sao võ núi phá rừng? Có lần cùng nhau đi dạo, chị Thủy chỉ cái cốc nhỏ nằm phía trên cao bảo tôi:

– Đó là cốc của cô Bảy, má cô Tuệ Đăng! Có lần cô Bảy mời chị lên đó ăn chè, chị mừng quá hí hửng đi, leo lên gần tới nơi thì...

– Thì sao hả chị?

– Chị nghe bên trong có tiếng cười nói râm ran của quý thầy nên đứng khựng lại, bất ngờ nghe tiếng cô Bảy cất lên:-“ Quý thầy biết hôn, hôm trước tôi mời cô Thủy lên đây ăn chè, cô thích chè xôi nước lắm nghen, cô ăn tới... mười ba viên!” Bên trong quý thầy cười rần rần, chỉ nghe bấy nhiêu thôi là chị đã cuống cuống quay đầu “bay” trở xuống, dọt thiệt lẹ!....

Trên núi nước khan hiếm nên khi nghe chị Thủy thông báo là có thể... “nửa tháng sẽ tắm một lần” y theo giới Phật định, tôi đã nhăn nhó rất u là đau khổ. Dòm cái mặt chẳng hoan nghinh điều luật này của tôi, chị cười giải thích:

– Biết sao Phật chế giới nửa tháng tắm một lần không? Vì hồi đó bên Ấn Độ nhà vua có cái ao tắm rất tuyệt, ngài có nhã ý cho các tu sĩ của Phật đến tắm tự do, dĩ nhiên là hồ tắm của vua chúa rất quyền rũ nên các tu sĩ mình cứ mê mãi tắm suốt, đến độ vua và người trong cung đình chẳng còn cơ hội để tắm tấp, vì vậy Phật mới chế ra giới này...

Nhưng dù gì thì cũng phải tiết kiệm nước tối đa, dù muốn hay không, chúng tôi buộc phải áp dụng nghiêm ngặt điều lệ này – nghĩa là nửa tháng chúng tôi tắm ...biển một lần – cho đỡ ...hao nước trên núi.

Trước giải phóng chị Thủy và cô Đức thường viết bài cho báo Từ Quang, văn phong rất được người ái mộ. Tiếng lành đồn xa, chẳng mấy chốc mà người ta biết tin hai “nữ sĩ” của mình đã gác bút và đang ẩn cư trên núi, họ bèn rủ nhau lên chiêm ngưỡng dung nhan ... thần tượng!

Chị Thủy khoái chí bảo tôi:

– Hên là ngày hôm đó chị đi tắm biển theo chúng nên “thoát nạn”, chỉ có già Đức là... lãnh đủ! Già Đức bị nổi mề đai không thể ra gió nên phải ở nhà “trần giữ sơn lâm”, mà khách thì nôn nóng yêu cầu:

– Không có Phan thanh Yên ở đây thì phải cho tụi tôi gặp mặt cô Tịnh Tâm!

Kể tới đây chị Thủy cười ngặt nghẽo:

– Khốn khổ thân già Đức! Hi hi! ... Em biết không? “Cổ” nổi mề đay cái mặt sưng vù, hai con mắt bụp lại hấp him, đâu có thấy được gì nhiều!? Khi đi ra trình diện cổ còn phải quờ quạng sờ soạng... vừa trông thấy cổ, độc giả ái mộ đã vội la lên: – “Tịnh Tâm đây sao??...Í, chời chời!”...

Xuống Viên Chiếu, ngày tháng đầu ai nấy đều làm tối tăm mặt mũi vì công việc dí sau lưng, nội lo dựng chỗ ở cũng đủ bận rộn rồi. Đêm xuống, tình cờ giờ lịch cô Từ Thanh la lên:

– Chèn ơi! Hôm qua vía Bồ tát mà mình quên không nấu chè cúng...

Giọng chị Thủy nghe thật thảm thiết:

– Đó! Chị đó! Có bấy nhiêu mà cũng không nhớ nữa! Có cái ngày vía Phật không mà cũng quên...

Cô Từ Thanh gãi đầu cười hiền lành. Chị Thủy vẫn chưa hết ám ức, cần nhẫn mãi, giọng chị càng lúc càng thê lương, có vẻ như bất bình giùm Phật ghê lắm, cho đến lúc cô Từ Thanh chịu hết nổi buông lời dõ dảng:

– Thôi được rồi! Để mai chị nấu chè cúng bù...!

Chị Thủy mới chịu ...tắt đài.

Buổi sáng nổi chè nếp đậu phộng được nấu lên, vì “cúng bù” nên chúng được thưởng thức rộng rãi, chè được múc lưng chừng cái thau nhỏ (đường kính độ tắc rưỡi), chia cho mỗi người, chị

Thủy bày tỏ lòng hiếu đễ với Phật bằng cách ăn tới...ba thau! Ai cũng suýt xoa:

– Đúng là nội lực thâm hậu!

Hồi ấy chúng tôi ăn chực ké đồ Thường Chiếu rất nhiều, thấy Thường Chiếu có gì cũng dòm dèm, nói gần nói xa, thậm chí cả lăm mãi một từ mình cần, miễn sao Thường Chiếu động lòng trắc ẩn “bá thí” cho thì thôi. Đó là lý do vì sao dân Thường Chiếu đa phần đều ốm nhom, chỉ có chúng

tôi là mập mập. Xin mãi cũng biết mắc cỡ, mặt nào cũng đã quá quen, thèm ăn nhưng đã biết ngưng, đã biết ngại chường mặt ra... Thời may, lúc đó có cô Tuệ Đăng và chị Phụng đến học kinh, hai gương mặt mới này chưa có tiền án xin xỏ nên được Viên Chiêu cầu viện, ủy thác nhờ...ra Thường Chiêu xin đu đủ xanh về ăn. Thường Chiêu vẫn rộng tay và tỏ ra cực kỳ nhân nhục trước cái nết “xin dai chai mặt”... của Viên Chiêu.

Có lần, Hạnh Pháp quét dọn trong bếp na cái ổ có bốn con chuột con ra để tạm ở cửa ra vào. Tôi từ ngoài ruộng vô lấy nước xón xác đập nhằm, chuột con khỏ đời, còn tôi đứng khóc hu hu. Chị Huệ bình:- Chuột con lâm nạn dưới gót...một cao ni! (bởi vì thước tắc chị kém tôi) Còn cô Đức thì xoa đầu tôi an ủi:- Hạnh Đoan biết không? Chị sợ chuột nhất đó, vậy mà tôi chui vô mừng ngủ, sáng thức dậy chị thấy mình... đè nhẹp một con chuột con!

Bây giờ tiếp khách, có thể mặc áo tràng rộng tay nghinh đón, hướng dẫn họ đi tham quan. Nhưng hồi đó vải đâu có nhiều nên quần áo chúng tôi rách tả tơi, rách tới vá không kịp, mà vừa vá lành thì nó ... tẹt nữa. Bởi thế cô Đức hướng dẫn khách đi thăm quanh vườn với trang phục chẳng có vẻ mỹ quan lắm, có điều gương mặt chủ lẫn khách đều tươi roi rói. Khi khách về chị Huệ liền báo “hung tin” cho cô Đức:

– Quần cô rách kìa cô ơi!

– Hả? Đâu? Đâu?

– Chỗ này nè!

– Ôi trời đất ơi! Hèn gì mà chị dẫn khách đi họ cứ nhìn chị tùm tùm cười hoài, chị tưởng là mình ăn nói có duyên chứ... ai dè!...

Chùa vừa sấm được cái phảng để phảng cỏ thì Giải Thanh cũng tỏ ra là một tay thiện nghệ, cầm cái phảng trong tay, Giải Thanh cao hứng bảo mọi người:

– Xem này! Xem em làm nè!

Giải Thanh lấy thế, nhún người đưa phảng ra xa định đánh một đường thiệt ngọt, nhưng lúc xoay người lại rơi thẳng vào cái hố sâu, đành lóp ngóp bò lên trước tiếng cười dòn của đại chúng.

Ruộng lúa rất cần phân bón, mà tiền của đâu được dồi dào để đủ mua phân? Thế là có thêm công tác hốt phân bò. Mỗi lần được cử làm việc này, tôi thích lắm, vì nó nhẹ nhàng phong lưu nhất trong tất cả công tác, làm ruộng thì phải cuốc đất tẩm bùn, làm vườn thì gánh nước oằn vai. Còn hốt phân thì chỉ cần lôi cái xe ba bánh ra, người kéo người đẩy, đem theo cái bay, gặp phân đâu thì hốt đó. Ra khỏi chùa thì chẳng thấy “mây trên đầu và nắng trên vai” mà cứ cắm cúi theo chân những đống phân bò và phiêu lưu theo nó. Quần áo chúng tôi vá chùm vá đụp giống hệt dân cái bang mặt hạn.

Hành trình của tôi đi dài dài qua khỏi Thường Chiếu, quẹo vô bất cứ hẻm hóc nào. Có lần thấy con đường nhiều phân quá tôi cắm cúi theo hốt mãi cho tới khi nghe tiếng thét lạnh lạnh:

-A há! Cái đồ điêu! Hết chỗ rồi sao mà vô tận chuồng người ta ăn cắp phân?

Tôi giật mình ngẩng lên, thót tim khi nhận ra mình đang đứng trước cổng một chuồng bò chứa phân chất đống phía sau nhà người, chỉ còn biết cuống quít xin lỗi và trả lại những gì đã hốt được.

Rồi chùa cũng có rủng rỉnh tiền để mua phân, có hai ông cha ở Hiền Hòa bán phân bò cho chùa giá rất phải chăng. Có lần tôi tình cờ đi ngang nghe chị Hạnh Nhã trò chuyện với họ mà bắt tức cười.

Ông cha nói:

– Một tuần nữa thì tôi có phân cho cô!

Giọng chị Nhã:

– Dà! Quý hóa quá!

– Nhưng mà phân tôi ướt chứ không được khô!

Dạ không sao! Miễn có được phân của mấy chú là quý rồi!

Chờ khách về, tôi nhắc lại nguyên văn cuộc đàm thoại, chị Nhã đắm vào vai tôi thùm thụp:

– Cái con nhỏ này! Mắc lo mua bán chị có để ý gì đâu!

Sau đó chị ngẫm nghĩ, thâm ý... rồi cười chảy cả nước mắt.

Hồi ấy xe cộ thưa thớt, tuyến đường từ thành phố đi Vũng Tàu ít ỏi, tối đón rất khó. Chị Như Đoan đi Huế về phải xuống xe tại cổng Thường Chiếu để vào bãi kiến sư phụ. Lúc đó trời đã nhá nhem. Tình cờ chị gặp tôi đi công tác về, dĩ nhiên tôi phải làm tài xế đèo chị vì không thể để chị một mình cuộc bộ làm lủi trong đêm. Điều đáng nói là chiếc xe đạp không có chỗ ngồi phía sau, hai đứa cứ nhìn nhau, động não mãi... cuối cùng tôi buột miệng hỏi:

– Chị dám đứng trên... cánh chuồn không?

Chị bật cười, nụ cười sáng khoái muôn thuở mà tôi rất thích nghe, nụ cười làm xua tan âu lo và khiến người ta phải vui lây:

– Có còn cách nào khác nữa đâu? Phải rứa thôi! Nhưng...nì, có dám chạy không?

– Chị đủ can đảm đứng thì em dám chạy!...Chị đừng sợ gì nghe? Nhớ nắm chặt vai em cho chắc! Giờ mình lột nón khăn ra hết cho người ta đỡ dị nghị...

Thế là tôi cầm đầu cầm cổ đạp, chiếc xe lao vun vút, gió đêm cuồng nộ tạt mạnh vào mặt tôi, áo hai đứa bay phàn phật. Tôi lái như bay và ráng căng mắt ra nhìn để tránh những tốp người đang nằm chơi giữa đường. Tiếng người lao xao hỏi nhau lọt vào tai tôi:

– Ê mậy! Mày nhìn xem gái...hay trai??

Lúc ấy đầu tôi thoáng qua ý nghĩ, không biết vào thời Phật, ngài sẽ có phải chế thêm giới nào nữa vì chuyện này không!?

Cuối cùng chị em tôi cũng về tới chùa an toàn. Đó là lần duy nhất tôi làm “yên hùng”. Sau này khi “thời oanh liệt” tàn phai, tôi không sao tưởng tượng được có lúc mình lái giỏi đến thế, giờ chính tôi chở mình còn không nổi, lái mà cứ đảo tới đảo lui.

Có lần cô Cẩm Vân, vốn là một giáo sư quen đứng lớp ở các trường đại học, tình cờ ra Viên Chiếu chơi, cô xung phong vào bếp nấu cho đại chúng ăn. Chẳng biết cô hành nghề như thế nào, nhưng tôi nghe cô kể lể chuyện rên rỉ với Đại Sư Phụ như thế này:

-Thầy ui! Cái bếp Viên Chiếu củi thì ướt mem, khói tỏa mịt mù, con vừa ngạt thở lại thêm nước mắt nước mũi chảy ràn rụa. Đã vậy, xin gia vị nêm nếm, cô Tri khô đong cho con có mấy muống dầu phộng nhỏ xíu và phát cho ba tán đường để nấu nướng. Cái nồi canh chua to đùng, đường kính hơn nửa thước, nêm nếm như vậy thì nấu làm sao mà nấu? Ăn làm sao mà ngon cho được?

Sư phụ cười:

– Ồ, thì vô cho biết bếp núc của người ta!

Cái thời “đường đong dầu lường” ấy, mọi thứ đều phải tiện tận tối đa. Tôi lén gởi một keo chanh muối trong cốc cô Hoa, mỗi lần làm một thường mò ra đó múc một muống cà phê nước chanh muối hòa vào ly nước lạnh không đường, uống cho đỡ thèm, nên chuyện “khát” ngọt là lẽ đương nhiên. Vài năm sau Hạnh Huyền vào nhập chúng, để bày tỏ thiện cảm với tôi, một lần đi công tác về tối, vừa buông xe ba gác ra em đã réo tôi inh ỏi:

– Chị Hạnh Đoan ơi! Thức dậy ra ăn đường cho đỡ thèm nè! Em có mang về cho chị nửa tán đây này!

Tôi nằm trong mùng vừa tức cười vừa tội nghiệp, giọng em réo lanh lảnh ba làng cũng nghe, kiêu này thì ăn chùng ăn lén chỗ nào được chứ?

Còn chị Như Đoan, người có vẻ lơ là với “ngũ dục” nhất, khi thấy chị Hạnh Thanh lập vườn cũng hăng hái đốc thúc:

– Nì, chị phải trồng chuối thiệt nhiều, làm sao để đủ chia cho tụi em mỗi người một nải hỉ?

Thế là vườn Viên Chiếu xanh rợp lá chuối, mỗi người chưa lãnh được một nải như giấc mơ của chị Đoan, song phần lớn bữa cũng ra vẻ hào phóng lắm, có tới bốn năm trái chuối già chứ không ít. Vậy mà vẫn còn thòm thèm, nhất là hạng kiện tướng như tôi với Hạnh Kiên. Hạnh Kiên mạnh dạn kiếm những ai ăn nhỏ nhẹ để khát thực, rốt cuộc cũng được vài cô khuê các rủ lòng thương.

Còn tôi, gánh xong mấy chục đôi nước tưới vườn thì mấy trái chuối như tiêu đầu mất hết, trận đòn đau ngày nhỏ tôi ném phải vì cái tật xin xỏ vẫn còn ám ảnh, nên tôi đành “nuốt” nỗi buồn vào tim, càng buồn biết bao nhiêu, khi liếc thấy cô Thuần Trí ngưng chăm nón, ngồi ẹo qua ẹo lại trước đĩa chuối, cô ăn không muốn nổi, rõ ràng là một trang khuê các đang hiện lộ lộ trước mắt tôi.

Lúc đó tôi ước gì trái chuối trên đĩa cô rớt xuống, không! – rớt... vào miệng tôi chứ! – Mà sao có chuyện rớt như thế được? Vậy thì (mơ một chút)... cô sẽ ngoắc tôi tới và...

... tôi thở dài đánh sượt, quảy đôi thùng đi, cố dập tắt mộng mơ...

Vậy chứ khi tôi bệnh, tình cờ gặp cô ngoài đường, tự dung cô ngoắc tôi lại, dịu dàng bảo:

– Nè cho Hạnh Đoan hai chục, nhớ mua hủ tíu ăn nghen.

Lòng tôi dạt dào cảm động, lời cảm ơn ngắn ngủi không chớ được hết nỗi niềm tri ân, không phải tôi cảm động vì món tiền, mà vì tình người!

Trong những lúc bịnh hoạn hay buồn cực cùng, chính tình người nồng ấm đã giúp sức đưa tôi đi lên. Nó hiện diện ở bất cứ ai, không câu nệ thân sơ, đời hay đạo! Có ranh giới khác biệt nào đâu khi trái tim trong lòng mỗi người vốn cùng một bản chất, khi tính nguyên sơ của con người vốn hiền thiện? Có một lần lên núi dưỡng bịnh và dự lễ thỉnh nguyện giữa đông đảo chúng tồng hợp nơi thiền đường Chân Không, cô Hạnh Chứng bước ra thưa:

– Tâm con vẫn còn bất an!

Câu nói của cô làm tôi nao lòng, chưa “đáo bỉ ngạn” thì tâm con người vẫn còn nhiều trăn trở bất an. Nhưng điều này vẫn không ngăn người ta xử tốt với nhau, tử tế với nhau. Tan buổi lễ tôi chặn cô lại với nụ cười:

– Công nhận sư phụ đặt tên cô nghe hay há?

– Giá mà được hay như vậy, tưởng chúng đắc, ai dè chúng tật không hà!

Chúng đắc chúng tật gì, cô vẫn niềm nở giúp đỡ tôi, ngay cả chị Thuần Hoà ôm nhóm gây guộc cũng sốt sắng chia sẻ những gì mình có với tôi, Còn cô Cảnh lăng xăng hỏi tôi có nón len chưa để cô đan tặng, riêng cô Bảo thì dành cho tôi ánh mắt hiền dịu ấm áp... Đặc biệt, thầy Phước Hảo mỗi lần gặp tôi là nụ cười hoan hỉ muôn thu luôn xuất hiện, ngoài những lời bảo ban ôn tồn, thầy còn cho tôi vài trái cam hay quà bánh gì đó, niềm bình an của thầy truyền sang làm tôi có cảm giác giải thoát, nhẹ nhàng khi diện kiến thầy.

Núi cao hay đồng bằng, thôn quê hay phố thị, nơi đâu tôi cũng luôn là kẻ nhận và choáng ngợp vì những bàn tay từ ái, những tấm lòng bao dung rộng mở, và khi dưỡng bịnh nơi nhà chị Thuần Tuệ tôi càng thấm thía hơn về điều này. Tôi cứ nhớ mãi một câu: “Có nhiều cái ân lớn đến nỗi người ta chỉ còn cách là ... vô ơn! Quên nó đi!” nghe thật lạ lùng mà sao chí lý quá đối với tôi. (Có vẻ như tôi rất thích hợp với hành tung bội bạc, cho dầu có những cái ân nặng đến nỗi, phút lìa đời mình cũng khó mà quên) Do vậy, bất kể lòng an hay không an, tình của nhân gian đối với tôi thật là đẹp.

Tôi nhớ trong buổi thỉnh nguyện ở Chân Không, quý cô cóc núi bẽn lẽn thưa mình có lúc mê ngủ quên mất buổi thiền khuya, riêng một bà già lụm cùm đã bước ra trình:

– Bạch thầy, con có cái lỗi là khi thì tu thiếu, lúc thì tu lố...

Sư phụ không nhịn được cười, dịu dàng dạy:

– Ủ, tu thiếu thì lỗi nhưng tu lố thì không sao hết, thầy cho ... tha hồ, không trách đâu!... nhưng ráng tu cho đủ đừng tu thiếu nhiều nghe!...

Ở Viên Chiếu có lần quý thầy Đại Tùng Lâm ghé thăm và buột miệng châm chọc:

– Máy cô ở đây mà tu cái gì! Nếu không phải vậy thì sao con chim nó cứ gào: “Tu hú! Tu hú!” vậy?

Hạnh Huyền lúc đó lẹ mồm cải chính liền:

– Dạ không, không phải đâu! Nó ca ngợi tụi con là: “Tu đủ! Tu đủ!” đó chứ!

Kể lại hành trạng của chư thiền sinh cách nay ba mươi năm hay gần đây nhất, có lẽ độc giả sẽ thấy sao mà chẳng có chút gì đạo vị, chẳng siêu thoát như chư thiền sư, chư cổ đức, hoặc chí ít cũng phải như trong kinh đã dạy? Xin thưa rằng thiền sinh chỉ là những người đang tập sự, chưa thành thánh, vẫn có những buồn vui rất trẻ con, rất đời thường. Nhưng tôi lại cho đó là nét đẹp vì nó gần gũi với cuộc sống. Người ta nói phải viết tự do thì ngòi bút mới tuôn chảy mượt mà, tôi xin cảm ơn Viên Chiếu đã cho tôi cái tự do đó, cái tự do không câu nệ danh xưng, cái tự do được nói thật mọi điều mà không e dè. Thật là thích vì quý cô sinh ra chưa là thánh, để người sau nhìn vào cảm thấy gần gũi và dám hi vọng mình có phần. Tôi thì vốn hay bơi mót khuyết điểm... (khoái nhất là khuyết điểm của những bậc trưởng thượng). Người ta nói: “trăng đến rằm thì tròn”, nhưng những chuyện tôi kể, lại ở vào thời điểm trăng chưa tròn! Thế nên, nếu ai đó

thích sự hoàn hảo, muốn ngắm nét đẹp tròn vẹn của ánh nguyệt thì xin hãy chờ đến... rằm! Hãy chờ đến khi ai nấy đều...tu đủ!

VIẾT XONG -1979

THƯ GIẢN Hồi ký Hạnh Đoàn

Diễn dịch: “Tự ái” là... “tự thương” chứ gì (?) Đôi khi sống trên đời chẳng cần van cầu trông chờ vào tình thương người ban phát cho, ta cứ tự vẽ chân dung mình để rồi xao xuyến, thổn thức, tha hồ... như đương sự tự tả mình dưới đây:

Tự Thương

Một thương mắt hí môi trề
Hai thương ăn nói vụng về ư gậy
Ba thương hay cãi, nhẫn dai
Bốn thương cau có mặt mày ư nhăn
Năm thương “bó hó bắn hăn”
Sáu thương gắt gỏng giống “chằn” hai nanh
Bảy thương gặp việc tài lanh
Tám thương khoái hứa hay giành rồi quên
Chín thương tật tánh giữ bền
Mười thương kẻ dưới người trên đều nhờ.

Chơn Tịnh Tín.

* * * * *

Bữa Cúng Dường Lưu Danh...

Tình cờ trong một lần ăn bánh xèo Huệ thấy hàng bánh này rất ngon và phát tâm muốn cúng dường quý cô châu bánh chiều. Tôi được phân làm nước chấm cho xứng với hương vị quyến rũ của bánh. Đang ngồi già ốt cộp cộp, Tịnh Niệm thì chốc chốc lại xuất hiện ngoài ngõ bắn tiếng vô: “Xong chưa? Bánh về chưa? Ai nấy đang hò hởi chờ kìa!” – Mời quý vị nghe đoạn kết câu chuyện do chính người trong cuộc kể:

Chuyện Từ Một Buổi Chiều...
Trên đường gió thổi hiu hiu
Lượn xe đi lấy bánh xèo... đái cô!
Thằng nhỏ ở đâu lạng vô
Làm em thảng gập, bất ngờ té ngay!
Trước khi té, em còn bay...
Giống phim kiếm hiệp, đầu vai rụng rời!
Mắt thấy đom đóm, sao trời...
Rồi em ngật xỉu, tưởng đời đi luôn!
Đầu vai đập mạnh vào con lươn
Tưởng đầu mình được diêm vương thỉnh mời...
Ngỡ là gần đất xa trời
Người lay, kẻ lắc, chờ lời em tuôn...
Em nằm bất động trên đường,
Mơ màng trông thấy bánh đương... còn dòn!
Quý cô ăn uống thật ngon...
Bỗng em tỉnh dậy mở choàng mắt ra..
Chung quanh đông đảo người ta
Toàn thân đau nhức em la: “Hừ!... Hừ!...”
Xương cốt tự rụng cứng đờ
Vai ê, đầu niêng, tật giờ còn mang
“Yêng hùng” lâm nạn giữa đường.
May mà sống sót nhờ... ơn Phật trời
Tình chùa, tình chúng biển trời,
Em nguyện ghi nhớ suốt đời... không quên!

Chơn Tịnh Tín.

Vậy là có thể tưởng tượng được, bánh chưa về tới nhưng quý cô đều mất khả năng thọ thực vì “lo quá hóa no”, không còn hồn vía để ăn! (Nhưng không sao, bánh được để qua sáng hôm sau, kết cuộc là ai nấy lúc ăn đều phải công nhận là bánh ngon thiệt)!

* * * * *

Chuyện Cái Cốc Cạnh Chùa

Có cái cóc con con cạnh chùa, chùa có chi cũng cho cóc chủ cùng con chó cái chực. (Cả con của con chó cái cũng chực!) Chỗ chủ cóc chực cao cao cỡ cửa công. Còn chỗ con chó chực cạnh chốt cửa. Chó chực chùa, chó canh cửa coi công chăm chú, chúng càng cho, chó càng cố công canh chừng, càng canh chăm chuyên chẳng chán! Chó chẳng cần cần, chó chỉ coi, chỉ canh cho chùa, chốc chốc chó có chạy chơi chút chút. Chùa cung, chùa cho chó cơm có cà, có cả cám... cao cấp. Còn chủ cóc chực chùa, chùa cho canh, cơm, cỡ cao.. Chủ cóc chẳng có chi, chỉ cúng chùa chút chút. Chùa càng cho càng cao cả. Chủ cóc cùng con chó cái, con chó con, cùng cần cỡ.. cảm chúng, cảm chùa.. chan chứa!

* * * * *

Bài gì?

Huệ Hân đem đĩa vi tính qua mở nhạc nhờ tôi ở nhà trên nghe và đoán thử xem lời bản nhạc này do ai đặt? Tiếng nhạc xập xình, âm thanh ca không rõ nên tôi chẳng đoán được. Hương cũng lắng tai nghe và ra sức dịch lại cho tôi hiểu:

– Thưa cô cái bài gì mà... tám tới hai lần lận!

– Hả? Sao phải tám tới hai lần?

– Con không biết, nhưng rõ ràng là ở trong hát tám... hai lần mà!.. còn kê rõ là tám sông nữa, tám đúng hai lần!

Tôi ngẩn người, động não mãi, cuối cùng vỡ lẽ:

A! biết rồi! Đó là lời thơ trong bài “Tống biệt” của cô Thủy. Như vậy nè:

– “Làm sao có được hai lần tám,

Trong một dòng sông để ngâm ngùi!”

Dà! Dà! Phải rồi! Đúng vậy đó! Con có nói là.. tám tới hai lần mà!

* * * * *

Sở Thích

Thấy chị tôi mua bộ bàn ghế văn phòng, Sư bà qua xem, ngắm nghía một hồi lâu rồi bình:

– Mấy “ông” xài đồ gì mà sang quá, cái ghế cũng biết quay vòng tròn, tôi thì tôi thích giống “Huề thượng” Viện chủ, sống dĩ vãng dĩ vãng.... Thôi!

Hương ngơ ngác hỏi tôi:

– Vậy nghĩa là sao hở cô?

– Ý Sư bà nói thích sống đơn giản, giản dị...

Hương gật gù:

Ra là vậy!

* * * * *

Vui sưu tầm

Niềm Riêng

Lâu ngày gặp lại, các giảng sư tâm tình, phỏng vấn nhau:

– Đi giảng huynh sợ gì nhất?

– Sợ nhất là mình giảng mà thính chúng sàng qua, gục lại trước mặt mình.

– Còn tôi, tôi ngán nhất là chốc chốc họ lại giơ đồng hồ tay ra xem...

– Xem đồng hồ cũng chưa làm mình ngại, ngại nhất là họ đưa đồng hồ lên gần lỗ tai, lắc lắc xem nó còn chạy không nữa chứ!...

* * * * *

Biệt Ly

Gặp rồi cũng phải chia tay

Tiền người một khoảng trời đầy ánh dương

Đêm, trăng vắng vặc soi đường

Độc hành chiếc bóng, hơi sương ngút ngàn

Người đi trong cõi hồng hoang

Bao nhiêu bụi bặm gởi làn nước trong
Ngại chi lãng đãng bụi hồng
Giăng làm sao kín thiên không yên bình
Bụi về với kiếp phiêu linh
Niệm về với cõi bấp bênh sẵn dành
Trời xanh lòng lộng trời xanh
Khi không vướng mắc, riêng mình tự vui.

* * * * *

Tỉnh Giác

Mắt người là một giòng sông
Chứa nhiều bất trắc mệnh mang sóng ngầm
Người mơ lướt sóng – tự trầm..!
Ba đào cuồng nộ, mơ thâm nước trong
Giữa cơn lốc xoáy quay mòng
Khoảng không bình lặng bao dung không ngờ
Thì thôi già biệt cơn mơ
Mắt, sông, gì mặc!.. lên bờ giác thôi

* * * * *

Từ Buổi Lễ Chúc Thọ

Tôi vừa kết thúc thời kinh tối thì Hương từ dưới nhà đi lên thang gác xin phép:

– Thưa cô, cho con ra mừng lễ chúc thọ lục tuần thầy Trụ trì Thường Chiếu!

Tôi gật đầu, Hương hớn hờ rồ xe chạy đi. Mãi tới gần 11g khuya nó mới về.

Lúc này tôi đang díp mắt vì buồn ngủ nên chỉ đủ sức khoát tay khi nó xá chào, mà không hỏi han gì.

Sáng ra, tôi phỏng vấn nó:

– Sao? Hồi hôm đi chơi vui không?

– Dạ vui, quý thầy hát hay quá chừng! Viên Chiếu hát bài “Bụi phấn”, Linh Chiếu hát mấy bài, quà mừng chất cao, xếp thật đẹp...

– Vậy à? Linh Chiếu hát chắc vẫn còn hay, nhưng chắc Viên Chiếu hát dở hả?

Hương ậm ừ chưa đáp, tôi nói tiếp:

– Hồi xưa Viên Chiếu hát hay lắm, giờ già rồi nên hết hơi đó. Chỉ những người trẻ hát mới hay thôi!

– Đâu có! Quý thầy Thường Chiếu lớn tuổi nhưng hát rất có giọng. Tân nhạc, Vọng cổ gì cũng có ý nghĩa đạo vị...

– Ủ! Vậy yhi do chất giọng quý thầy hay!

Hương chợt nói:

– Không hiểu sao chỗ quý thầy ngộ lắm! Không khí làm sao ấy! Nó không giống chỗ quý cô...

– Là sao??

– Chỗ quý thầy làm mình cảm thấy... dễ thở, hân hoan, an lạc thế nào ấy!

Tôi lắng nghe, ngẫm nghĩ một chút rồi phân tích:

– Biết sao không? Chắc là vì tâm tư quý thầy phóng khoáng, dễ chịu, nên cảnh cũng tỏa ra như thế!

– Dạ! Phải rồi! Đúng vậy đó!

Hương khoe thêm:

– Sáng này ra dự lễ, ai có mặt ở đó sẽ được thầy Trụ trì phát quà...

– Sướng quá ta? Vậy giờ Hương có đi hôn?

Hương cười lỏn lẻn:

– Dạ... thôi!

Xưa nay tôi vốn chẳng để ý tới lời tán tụng quý thầy, vì cho là lời phẩm bình sẽ thiếu chính xác nếu phát xuất từ thiên kiến “trọng nam”. Nhưng Hương ái mộ quý thầy lẫn quý cô, bản tính nó chất phác, thật thà, nghĩ sao nói vậy. Do đó mà tôi giật mình khi nghe nó đưa ra nhận xét như trên. Nếu tôi không có cái nhìn vô tư khách quan, tôi sẽ không lý giải được vấn đề một cách đúng đắn.

Cách đây khá lâu, có lần Hương mách tôi:

– Sáng nay con ra đường có một cô ni ngoắc xin quá giang. Con đưa cô tới Long Thành, lúc xuống xe cô nói:

– Quý hóa quá! Ráng làm phước như vậy cho nhiều nhen! Chúc con đời sau chuyên nữ vi nam!

Tôi bình:

– Đúng là câu chúc không mong đợi...

Hương cười hi hí:

– Chắc là cô thèm làm nam quá nên mới chúc con như vậy!

Mỗi lần, trong chúng có người xâm xì bàn chuyện thị phi, nói lổi sau lưng ai đó, chị Huệ ở đâu trờ tới bực mình lên tiếng:

– Bộ muốn làm đàn bà suốt kiếp sao mà cứ nói chuyện thị phi hoài vậy?

Cuộc chuyện trò vô bổ được cắt đứt ngay.

Mỗi khi thấy ai ngòi lê đôi mách, nói xấu sau lưng người, khoái đâm thọc nhiều chuyện, dù họ là nam nhân người ta vẫn bảo người này có “tính đàn bà!”

Như vậy, chúng tôi là “tính đàn bà” hay “tật đàn bà” rất... “kém chất lượng”, dù nó hiện diện trong hình hài giới tính nào!

Có lời bình rằng: phái nữ có tài ngang nam nhân, có thể làm nên mọi chuyện, có thể chứng A-la-hán, có thể thành Phật... Song khuyết điểm của họ là tính cố chấp, nhỏ nhen, hẹp hòi, dễ giận, dễ tạt đổ...

Thường thì đối mặt với sự việc nam nhân buông xả dễ dàng, còn phái nữ cứ ôm đồm không hỉ xả cho qua, nên họ cứ mãi chịu thiệt thòi, mãi khổ dai, vì cái tật khó buông của mình!

Tôi cũng không thoát khỏi khuyết điểm này, nhưng... hễ có ai miệt thị “phe ta” thì tôi công kích liền: – “Làm như mấy ông là hay lắm vậy!”

Nhưng trước cụm từ: “tính đàn bà” tôi đành ngậm họng, không còn lời lẽ để bình vực, biện minh.

Hồi xưa khi nghe thầy giảng đến chuyện một bà già hỏi ngài Triệu Châu:

Làm sao để thoát khỏi thân nữ hèn kém xấu xa?

Triệu Châu đáp:

– Nguyện cho mọi người đều được lên thiên đường, còn thân tiện tì này vĩnh kiếp ở địa ngục!

Chúng tôi cười ồ! Câu đáp có vẻ như ngài Triệu Châu muốn trêu chọc bà già. Rõ ràng là bà đang ôm nỗi khát khao cháy bỏng muốn thoát khỏi thân nữ, vậy mà ngài còn xúi bà: “Nguyện thân tiện tì này ở địa ngục vĩnh kiếp” và... “cầu cho mọi người được lên thiên đường hết.”

Sau này tôi mới hiểu, thật ra ngài Triệu Châu đã bày cách giúp bà, câu đáp chính là trọng tâm của yếu chỉ.

“Nguyện cho mọi người được lên thiên đường” đó là tấm lòng vị tha hào hiệp, tấm lòng từ mong muốn cho mọi người được hạnh phúc vui sướng, còn riêng bản thân sẵn sàng nhận chịu khổ đau. Đây là tấm lòng “vị tha

xả kỷ”. Khi có được tấm lòng vì người với nhân cách cao thượng như thế, tức là đã thoát khỏi sự hèn kém xấu xa rồi!

Có nghĩa là cái hình hài thể xác không quan trọng, mà cốt lõi là cái tâm! Phật đã từng thị hiện mang thân nai, thân dã can để độ sinh, song tâm ngài vẫn là tâm Phật, tâm Bồ tát!

Ngài Hư Vân cũng từng nói: “Là nam hay nữ không quan trọng, quan trọng là biết sống.” Và ngàn kinh muôn luận đều nhằm dạy cho chúng ta cách để biết sống này!

Vì thế chẳng cần phải ước ao, băn khoăn lo nghĩ làm sao để “chuyển nữ vi nam”, làm sao để thoát khỏi thân hèn kém, mà chỉ cần thoát khỏi tâm hèn kém, bằng cách: chuyển tâm! – Chuyển tâm xấu thành tốt lành. Có được tâm tư trong lành thì dù có mang hình hài nào, có là nam hay nữ, cũng chẳng đáng quan tâm!

Thường trong cuộc sống mình cứ vô tư để tật tánh mình hành hạ người, khiến họ khổ não vì hít phải không khí “ô nhiễm” từ môi trường tâm của mình. Lắm lúc đang hành hạ người, ta chẳng hề ý thức và nhận ra được điều đó, thậm chí còn cho là người đang làm khổ ta. Nhưng trong tối tăm làm sao thấy rõ được lỗi tại ai? Làm sao cân lường được là ai khổ hơn ai? Chỉ có “tình nguyện nhận khổ” như ngài Triệu Châu đã bày cho bà già, mới giải tỏa được vấn đề. Mọi chuyện sẽ ổn ngay từ giây phút mình phát khởi ý niệm mong cho người được vui vẻ, an lạc. Khi nào tâm thật sự mong mọi người được hưởng niềm vui như thiên đàng, thì lúc ấy chẳng cần phải băn khoăn nhiều vì những điều lỗi, về những giới tính đang mang trong cuộc sống nữa.

Đây là yếu tố “dễ thở”, là thoáng khí mà Thường Chiếu tỏa ra, để Hương tình cờ hít vào cảm thấy hân hoan, nhẹ nhõm, đến độ phải buột miệng khen.

Đây cũng là yếu tố là La Hài La năm lên bảy lần đầu đón Phật về thành Ca Tỳ La đã hơn hờ phát biểu khi được đứng cạnh Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cái bóng của ngài mát mẻ làm sao! Con cảm thấy thật hạnh phúc khi được núp dưới cái bóng của ngài!

Đại sư Tinh Vân đã từng giảng giải chữ Phật là kết hợp giữa chữ Nhân và chữ Phát; Nhân là người; phát là buông bỏ, rũ sạch hết. Một người đã buông bỏ rũ sạch hết... thì là Phật.

Khi nào ta sống với Phật tâm thì người đứng cạnh sẽ thấy bình an mát mẻ. Giây phút nào ta sống với Quỷ tâm thì người quanh ta sẽ thấy khổ như đứng gần “Hỏa diệm đơ”. May mắn là Phật đã từng tuyên bố: “Ai cũng có Phật tính”... Thế nên, chỉ cần tẩy rửa, gột sạch cái tâm chúng sinh... thì ta lẫn người đều có thể hưởng bầu không khí hạnh phúc, dù còn đang hiện diện ở trần gian này.

Xin cảm ơn Thường Chiếu đã tỏa ra bầu không khí mát mẻ khiến người hiện diện thấy an lạc lây, để từ đó mảnh lý sự này được hình thành. Vì thế, bài viết này xin được dâng đến thầy Trụ trì Thường Chiếu thay lời chúc thọ, mong rằng môi trường trong lành tương tự Thường Chiếu sẽ tỏa khắp nhân gian để đâu đâu cũng có được bầu không khí... dễ thở, thanh lương.

24/8. (26/7 A.L) 2003.

* * * * *

Chuyện Âm Thực

Em hỏi chị:

– Con chó nó không làm gì nặng mà nó lại ăn nhiều là tại sao vậy?

– Vì nó sữa, sữa cũng hao hơi tổn tiếng...

– Còn chị, chị đâu có làm gì nặng mà cũng ăn nhiều?

– Chị... sữa, à không! Chị giảng... cung à.

* * * * *

Gói Ấy Là Gì?

Bé Hà kể:

– Mùa Trung thu gia đình con được khách biếu cho hộp bánh. Má con vui vẻ cắt bánh ra chia, bà xé cái gói bột nhỏ trong hộp bánh ra, rắc lên bánh và ăn ngon lành.

– Ôi trời, sao bà lại ăn như vậy?

– Má con nghĩ đó là gói gia vị ăn kèm với bánh, bánh thời nay tân tiến nên phải ăn như vậy...

– Đó là cái gói có đề chữ “do not eat” phải không?

– Dạ, đúng! Sao ạ?...

... nghĩa là “không được ăn” đó là gói chống âm, ăn rất có hại! Có gói còn dặn: “... lỡ cho vào miệng phải súc miệng ngay, nếu dây vào mắt phải rửa mắt ngay và đi bác sĩ liền...” (if put in mouth by accident, wash mouth immediately, if into eyes, wash eyes immediately, and go to see a doctor...)

– Mèn ơi, ai biết đâu? Bánh Việt Nam mình làm mà sao không cảnh cáo bằng tiếng Việt cho dễ hiểu?

– Ồ! Chắc tại nhà sản xuất... không rành tiếng Việt!

* * * * *

Bánh Tên Gì?

Một bà già quê bảo cháu gái:

– Nè, có đi “xiu thị Cô Ra” thì mua cho bà bánh về ăn thử, nghe nói “săn quít” ăn ngon lắm!

Cô cháu đem đúng bánh về, bà ngấm nghĩa, xăm xoi bánh hồi lâu rồi lờm cháu:

– Bậy nghĩ tao cù lằn, ở quê không biết gì hả? Vày mà là bánh “săn quít” à?

– Trời! Chứ bà muốn “phải thế nào”?

– Phải có nhưn thiệt ngon kẹp ở giữa kia!

– Đó là bánh “hăm ba gơ” bà ơi!

– Không phải, mầy phải nói thiệt cho tao nghe, bánh này tên gì? Nhất định không phải là “săn quít”!

Cô cháu thở ra:

– Vày thì thưa bà, đây là bánh... “sân nguýt” ạ!

Bà già toét miệng cười.

* * * * *

(Trẻ con có những lí luận, quan điểm mà người lớn khó lòng giải thích, xin ghi lại những điều tai nghe mắt thấy):

Lí Do

Cu Tý là con bà chị họ tôi. Một hôm, dồ cách nào thằng bé cũng không chịu đi học. Bực quá mẹ nó gắt:

– Có muốn tao phát cho mấy cái vào mông không?

Thằng bé âm ức trả lời:

– Cô giáo con không biết gì hết á! Có mấy cái chữ... mà ngày nào cũng hỏi con, con cũng không biết thì làm sao mà nói cho cô nghe được?!

* * * * *

Nếu...

Cu Bi (anh hai cu Tí) đi học về khoe:

– Má ơi, hôm nay bài luận con làm được chín điểm!

– Giỏi quá! Thế con tả gì nào?

– Con tả ba lúc nóng giận, mặt đỏ, gân xanh nổi lên... Thầy giáo phê: “văn đạt, có óc quan sát...”

Mẹ cháu cười ngặt nghẽo... cu Bi cao hứng nói:

– Nhưng nếu mà con tả má giận, chắc chắn thầy giáo sẽ cho điểm mười!...

* * * * *

Ngôn... ngữ

Em ra đời bên Mỹ, không rành cách đùa vui xài từ của Việt nam.

Một hôm tan học em về nhà hỏi mẹ:

– Sao ba mẹ gọi nhà vệ sinh là thư viện?

– Vì ba con hay vào đó đọc sách!

– Báo hại.. bạn bè ai cũng cười nhạo con, vì hôm qua chúng hẹn gặp con tại thư viện, nhưng con đã đi đến nhà vệ sinh để đứng đợi...

* * * * *

Bịnh Gì?

Cùng nhau quá giang trên chiếc xe hơi bóng lộn, gần tới trạm thu tiền đường, để biểu lộ lòng tốt với tài xế, cô bạn huých vào hông tôi nói nhỏ:

Tới trạm nhớ xin họ cho qua, khỏi đóng tiền nha!

Tôi hơi bị bất ngờ chưa kịp há miệng nói gì thì đã thấy Cảnh vệ giơ cây lên ngăn xe lại:

Cô bạn chọt vào hông tôi, thúc:

Nói nhanh lên! Nói!...

Quýnh quá tôi gào lên:

– Thưa... ông thông cảm, tụi tôi bị... bệnh hết rồi!

Cô bạn gật đầu, ra điều ưng ý rằng lí do tôi nêu rất đạt...

Ông cảnh vệ trở mắt nhìn mấy ni cô mập mập hồng hào, nghiêm giọng hỏi:

– Bệnh gì?

– Dạ, có bệnh thiệt mà, tụi tôi... bị bệnh... tiếc tiền!!

Ông ta hạ cây xuống, muốn cười mà không dám cười, khoát tay:

– Thôi đi đi!... mấy bà nội!

* * * * *

Chuyện Điện Thoại

Ta bước tới, đi lui quanh, điện thoại
Nhắc ống nghe, rồi đặt xuống ngập ngừng
Gọi cho người... đầu bên kia... máy bận...
Gọi cho người, người đi vắng,
... ừ-ê!

Rồi những lúc buồn dâng tràn mi mắt
Tim tái tê mong tìm kẻ sẻ chia
Gọi cho người, đầu bên kia máy... tắc,
Gọi cho người... đường giây bận?...
-nào nê!-

Thôi hãy để... khi nào ta thanh thản...
Máy sẽ thông, người hãy nhắc, chuyện trò...
Vì lúc ấy cõi lòng ta trong sáng...
Có nói gì... cũng là lời thơm tho!
Còn những lúc ta buồn, hay đang giận...
Máy cứ kêu, nhưng... cứ... bận tha hồ!
Để ta trút buồn vào... trong quên lãng...

-Đừng để người nghe!! – tội thêm thôi!-
Người ta bảo: “Đừng nói khi... mình giận”
Đừng hứa khi vui, để tránh lỗi... bất toàn
Nên ta sẽ... cảm ơn! – vì máy bạn!-
-Tránh cho mình... đem buồn phát... lang bang!
Nếu thích, ta cứ... bậm, quay... tùy ý!
Lỡ máy thông, ta tìm được ai rồi
Xin hãy nói... những gì người hoan hỉ
Còn buồn kia?? – nên... mang một mình thôi!
Buồn hay vui! – rồi cũng sẽ phôi pha –
Tâm thức mình, có niệm nào tồn tại?
Đời sẽ đẹp, sắc xuân còn thắm mãi...
-Khi ta mang... nụ cười đến... cho người! –
Ừ, thôi cứ...
đi loanh quanh điện thoại
Nhắc ông nghe và quay số... tha hồ
Gọi cho người, đầu bên kia máy bạn...
Gọi cho người, người đi vắng??...
-may ghê!-

* * * * *

(Mỗi cuối năm, Thông Nhựt thường tặng tôi chậu bông để đón xuân, cho nên):

Vắng Em

Người đã đi rồi nên... thiếu bông
Để ta buồn, ngó cái thềm không!
Vắng em, vắng chậu hoa mừng tết
Vắng cả... hình như... một tấm lòng!

* * * * *

Lễ Đạo Đầu Năm

Thế rồi ta lại diện kiến nhau
Em mới gặp tôi, vội xá chào
Phận nhỏ, tha hồ em mới cố

Không cần thăm mỹ, mỡ tiêu mau
Xong lễ đầu năm... em mới tay
Chào nhiều – cổ lác – nhức tới vai
Thương em, tôi gặp vờ không thấy
Tuy rằng lễ nghĩa mới nên, hay!
Và mùa xuân qua em lớn lên
Chúc em còn mãi nét hồn nhiên
Để tô sắc thắm cho nhịp sống
Để mãi bình an giữa muôn phần.

1999

* * * * *

An Ủi

Rồi bỗng dung cuồng phong về nhật lá
Mắt người buồn sao nặng hạt sương sa?
Giữa rừng khuya vàng thắm ánh trăng tà
Phần muôn nhé, xin gửi theo gió hạ

1979

* * * * *

Lời Thăm

Có thể bây giờ tôi đang gần Viên Chiếu
Nên tôi không thấy thiếu tình người
Trăng dịu dàng về đêm như sao lấp lánh trên trời
Thả sương xuống võ vè cỏ hoa óng mượt
Cõi thiên đường được diễn tả... rất xa!
Khó tưởng tượng và tôi chưa đến được
Nhưng gần đây chỉ vài bàn chân bước
Giống... địa đàng, Viên Chiếu đang lập nên
Cảnh cũ, người xưa vốn rất thân quen
Vậy mà mỗi lần đến thăm, tôi đều thấy lạ
Tôi đã tìm, để lòng đừng nghiêng ngã..

Khi ngắm sắc hoa, màu lá, cả... ngôi chùa!
Có thể mai này tôi lại xa
Viên Chiếu dù quen, nhưng... sẽ lạ!
Những gương mặt sơ giao chưa có
Ngơ ngác nhìn nhau, bỏ ngõ câu chào
Nhưng tôi yêu, nét thân thiện lẫn lạnh lùng
Bởi cuộc sống... con người là vậy!
Đủ thân, sơ, ghét, thương và yêu giận...
Nhưng tựu chung cũng cùng một tâm Phật
Ngày mai xa, tôi nhớ “Phật” vô cùng!

* * * * *

Hoa Cỏ Cũng Nên Thơ

Thuở ấy, bây giờ đã khác nhau
Thoáng chốc mà thay đổi quá mau
Chỗ xưa hoang dại nay là chốn...
Chánh điện, tầng đường san sát nhau
Trăng vẫn thường xuyên rọi xuống hiên
Bây giờ khép nép trái dáng nghiêng
Bâng khuâng nhìn mái chùa cong vút
Chờ đợi mây thành sương giăng đêm
Viên Chiếu lạ lùng như cõi mơ
Đẹp vì hoa cỏ cũng nên thơ
Hơi hướm tịch liêu, hương rừng cũ
Còn lẫn đâu đây, chữa xóa mờ!

1998

* * * * *

Chân Không

Tôi chưa về thăm lại Chân Không
Từ lúc hạ sơn... xuống ruộng đồng
Và khi dỡ ngói Thiên Đường xuống...
Tô bồi Thường Chiếu... trả đời hoang...
Có một chút gì đang vỡ tan

Không Thiên Đường như... không thiên đường!
Núi trơ nền vắng, buồn hiu hắt
Cỏ cũng úa vàng... nhờ áo tăng...
Tôi chưa về... ngắm lại Chân Không
Từ lúc phục hưng núi Tao Phùng
Cỏ hoang thoi úa, cười xanh biếc
Ngời dáng Thiên Đường... hanh năng trong
Tôi chưa về thăm lại Chân Không
Nhìn hình thoi, đã thấy... phiêu bồng
Cảnh nay giờ đẹp... hơn xưa nữa!
Bát nhã hai tầng... cao mệnh mông
Dù chẳng về thăm, ngắm núi xưa
Trong tôi còn mãi... nét nguyên sơ
Chùa im lìm ngủ trên triền núi
Mây trắng nép hầu... đẹp như mơ!
Gió thoảng, vang lời như reo ca...
“Dù người chẳng đến viếng... núi ta...
Trăng thu muôn thuở luôn vàng thắm...
Dù giữa thanh bình hay phong ba”...

2005

* * * * *

Bụi Năng

Năng chiều rọi khoảng sân lam
Bụi len vào cổng nghịch thềm cỏ hoa
Lén chiêm ngưỡng Phật hiền hòa
Rồi theo gió cuốn bay ra ngoài vườn
Áo ai phất giữa thiên đường
Vạt vương giọt nắng đang luồn qua song
Nghiêng tay rũ sạch bụi hồng
Thoảng nghe trong gió còn xông hương trầm

2002

Thuở Xưa Ấy...

Ta một thuở...

Đã làm ni Viên Chiếu

Áo đà, lam...

Dính đất ruộng đen thui

Giờ đã xa, bên lề ngòi viết kẻ...

Chuyện ngày xưa,

thân thiết đến... ngậm ngùi...

Ta một thuở...

Cùng ngụ trong chòi lá

Khi mưa về...

Nước rỉ rả dột đêm

Vách thưa rãnh, gió lùa qua lạnh quá

Mưa hắt vào, giấc ngủ ướt lem nhem..

Ta một thuở...

Đã cùng nhau chăm, vá...

Giờ nghỉ, lồi kim chỉ... đến cau mày...

Mơ nhàn nhã không thành...

– vì áo rách –

Vá trăm màu...

– như lễ hội cái bang –

Ta một thuở...

Đã cùng nhau ăn độn

Sáng khoai lang...

... chiều lại khoai mì

Gạo khan hiếm..

Nên dành nhau cơm cháy

Cho đỡ ghiền..

hương vị... mê ly!

Ta một thuở...

Đã cùng nhau chống lụt

Nước dâng cao, lội bì bõm trâu đêm

Di tản đò, môi run, da lạnh buốt

Vẫn chan hòa..

tình pháp hữu diệu êm..
Ta một thuở..
Trời khuya còn ngoài lộ..
Đường hắt hiu,
nên trắng sáng hơn đèn
Vui hò hát...
-bị người hăm: “vạn cổ!”
Ngó nhau cười,
mắt lấp lánh sương đêm...
Ta một thuở...
Bao lo toan cùng cực
Chia cho nhau..
từng hạt muối, tán đường
Đêm sốt rét, bạn ngồi quanh không ngủ
Chờ di thư... (?)
-hay dâng kệ... tiễn hồn!?!...
Ta một thuở...
Cùng làm thơ, đặt nhạc...
Giữa rừng khuya...
Ca hát, ngắm trăng lên
Giờ đã xa...
Tóc người xưa bạc trắng
Chuyện hôm nào...
Kể lại... vẫn băng khuâng...

2005

(Thư Viện Hoa Sen kết tập thành PDF)